

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

**DỰ ÁN MÔ HÌNH
TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM**

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỚP



HÀ NỘI - 2015

Lời nói đầu

Tài liệu *Hướng dẫn giáo viên môn Khoa học xã hội lớp 6* được biên soạn dựa trên Chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn Lịch sử 6 và Địa lí 6 trong Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 5 - 5 - 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục tiêu giáo dục của môn Khoa học xã hội 6 được xác định nhằm giúp học sinh có được những hiểu biết cơ bản, cần thiết về địa phương, đất nước và thế giới ; góp phần hình thành ở học sinh thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc, cách mạng, bồi dưỡng các năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tư duy, hành động, có thái độ ứng xử đúng đắn trong đời sống xã hội.

Nội dung môn Khoa học xã hội 6 có sự kết nối mạch kiến thức và kĩ năng của môn Lịch sử và Địa lí 5, đồng thời gắn kiến thức với thực tiễn đời sống, tạo cơ hội cho học sinh vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống, góp phần hình thành các năng lực chung và năng lực của môn học. Nội dung tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* được bố trí thành 3 nhóm bài học : 3 bài học liên môn, 8 bài học Lịch sử và 10 bài học Địa lí. Học sinh sẽ được hướng dẫn học môn Khoa học xã hội 6 theo hướng tự khám phá, tìm tòi, trao đổi với bạn, cộng đồng, người thân, tự trải nghiệm và tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng. Song nhiệm vụ của giáo viên cũng hết sức quan trọng : tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, giao nhiệm vụ, trợ giúp học sinh, sửa chữa các lỗi sai khi học sinh mắc phải,...

Tài liệu *Hướng dẫn giáo viên môn Khoa học xã hội lớp 6* được biên soạn theo hướng giúp giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ; tạo điều kiện để học sinh được hoạt động, suy nghĩ, trình bày và phát triển các năng lực cá nhân. Tài liệu gồm hai phần.

Phần một : Một số vấn đề chung về dạy học môn Khoa học xã hội 6 theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở.

Phần hai : Giới thiệu khái quát các bài học và bài minh hoạ.

Tài liệu lần đầu tiên được biên soạn theo hướng tiếp cận mới, nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của độc giả.

NHÓM TÁC GIẢ

Phần một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Môn Khoa học xã hội có ưu thế và ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển toàn diện cũng như phát triển lâu dài của học sinh (HS) ; có vai trò nền tảng trong việc giáo dục tinh thần nhân văn, phát huy tinh thần dân tộc, lòng yêu nước và xu thế thời đại là cải cách, đổi mới, sáng tạo ; giúp HS hiểu biết và nhận thức được quy luật khách quan về sự phát triển của xã hội loài người ; lí giải quan hệ giữa con người và xã hội, con người và tự nhiên ; nhận thức về Việt Nam đương đại cũng như thế giới ngày nay. Thông qua môn Khoa học xã hội, HS có thể bước đầu học được cách quan sát và tư duy về xã hội, cuộc sống từ góc độ khoa học xã hội, coi trọng chứng cứ và nâng cao năng lực lí giải hiện tượng xã hội, biết cách phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội trong không gian và thời gian,...

Môn Khoa học xã hội ở cấp Trung học cơ sở được hiểu theo nghĩa hẹp, là môn học tích hợp chủ yếu nội dung của phân môn Lịch sử, Địa lí ; lồng ghép tích hợp kiến thức về tự nhiên, kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... ở mức độ đơn giản.

Môn Khoa học xã hội giúp cho chúng ta có những hiểu biết về Trái Đất, môi trường sống của chúng ta, những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Nhận biết được trên bề mặt Trái Đất, mỗi miền đều có những phong cảnh, đặc điểm tự nhiên, truyền thống văn hoá và lịch sử khác nhau ; con người sinh sống ở các miền ấy cũng có những cách làm ăn, sinh hoạt riêng. Từ đó, chúng ta thêm yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc ; có hành động ứng xử đúng đắn với tự nhiên và trong đời sống xã hội.

Nội dung cốt lõi của các môn học được tổ chức theo các mạch chính : Đại cương, thế giới, khu vực, Việt Nam và địa phương, để bảo đảm cấu trúc sau : Quá trình tiến hoá (thời gian, không gian), sự phát triển của tiến bộ xã hội và nguyên nhân của sự hưng thịnh, suy vong qua các thời kì ; điều kiện tự nhiên, các thành tựu chính về kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh ; cá nhân,...

Phương pháp dạy học dựa trên nguyên tắc chủ yếu là khuyến khích, tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở giáo viên (GV) là người hướng dẫn, tổ chức cho HS tham gia các hoạt động lĩnh hội kiến thức. Kết hợp các hình thức học cá nhân, cặp, nhóm, học tại lớp học, học thực địa, bảo tàng, học theo dự án, tự học,...

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Vị trí

Môn Lịch sử ở trường phổ thông được tổ chức dạy học từ lớp 4 đến lớp 12, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục chung, đáp ứng nhu cầu của HS trong việc tìm hiểu quá khứ, nhận thức xã hội hiện tại và hành động hợp quy luật. Những hiểu biết về quá khứ sẽ giúp HS hiểu hiện tại hơn, hành động đúng đắn và có hiệu quả hơn. Là “thầy dạy của cuộc sống”, “tấm gương soi của muôn đời”, bộ môn Lịch sử định hướng hành động, giáo dục HS bằng những kinh nghiệm của quá khứ, cung cấp cho HS những bài học về sự thành công, thất bại, về cái tốt, cái xấu, về tiến bộ, lạc hậu,...

Trong bối cảnh mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế và khu vực, vấn đề giữ vững bản sắc dân tộc, giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, ý thức trách nhiệm công dân,... càng phải được đề cao hơn bao giờ hết. Bộ môn Lịch sử có ưu thế đặc biệt trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ấy, trong mối quan hệ chặt chẽ với các môn Khoa học xã hội và nhân văn khác.

Học tập lịch sử, HS sẽ được bồi dưỡng những phương pháp tìm hiểu lịch sử như nhận biết các loại tư liệu lịch sử và giá trị của chúng trong việc nắm sự thật lịch sử, rèn luyện các thao tác tiếp cận với các loại sử liệu, các nguồn thông tin cần thiết, vừa sức như : phân tích, tổng hợp, khái quát, đánh giá,... Qua đó, HS hiểu biết đúng về lịch sử, hình thành năng lực tự học, tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử – xã hội, vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống.

2. Đặc điểm của kiến thức lịch sử

Bộ môn Lịch sử ở phổ thông có nhiệm vụ cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản, khoa học được quy định trong chương trình. Nhiệm vụ này cũng giống như tất cả các bộ môn khoa học khác. Tuy nhiên, bộ môn Lịch sử cũng có những đặc trưng riêng do đặc điểm của hệ thống kiến thức cấu thành nên nó.

- Kiến thức lịch sử mang tính quá khứ : Đây là điều khác biệt giữa hiện tượng lịch sử với các hiện tượng tự nhiên. Điều này tạo ra những khó khăn nhất định trong việc giảng dạy lịch sử song xét ở góc độ khác nó lại mang lại cho việc giảng dạy lịch sử những ưu thế mà các bộ môn khác không thể có được. Ví dụ, nó rất có ích trong việc bồi dưỡng và phát triển trí tưởng tượng cho HS.

- Kiến thức lịch sử mang tính không lặp lại về thời gian và cả không gian. Chính điều này đặt ra yêu cầu khi trình bày một sự kiện, hiện tượng nào đó trong lịch sử phải xem xét tính cụ thể cả về thời gian và không gian làm nảy sinh sự kiện, hiện tượng đó. Qua đó nhận thấy các sự kiện lịch sử cụ thể, riêng biệt song có mối quan hệ kế thừa.

- Kiến thức lịch sử mang tính cụ thể cũng là đặc điểm nổi bật của kiến thức lịch sử. Chính đặc điểm này đòi hỏi việc trình bày các sự kiện, hiện tượng lịch sử càng cụ thể bao nhiêu, càng sinh động bao nhiêu lại càng hấp dẫn bấy nhiêu. Nếu tách sự kiện ra khỏi không gian, thời gian, nhân vật thì không thể hiểu được lịch sử, các sự kiện lịch sử sẽ chỉ là một tập hợp tư liệu ngổn ngang không có ý nghĩa. Các di tích lịch sử cách mạng được lưu giữ ở các địa phương đều gắn liền với những sự kiện, biến cố lịch sử cụ thể. Việc sử dụng những di tích này trong dạy học, đặc biệt khi tổ chức cho các em HS được học tại thực địa sẽ tạo cho bài học không khí sôi nổi hơn, làm cho HS cảm thấy như đang được chứng kiến sự kiện diễn ra một cách chân thực nhất.

- Kiến thức lịch sử còn mang tính hệ thống (lôgic lịch sử). Không có sự kiện nào là tồn tại đơn lẻ, riêng rẽ mà nó có mối liên hệ với những sự kiện trước nó, sau nó và đồng thời với nó. Do đó, nếu sử dụng tốt các di tích lịch sử cách mạng vào dạy học bộ môn sẽ giúp HS có được một cái nhìn toàn diện, hệ thống về các sự kiện, hiện tượng lịch sử với tất cả những đặc trưng kinh tế, chính trị văn hoá - xã hội... của từng giai đoạn, từng thời kì lịch sử.

Xuất phát từ những đặc trưng này ta thấy, nếu như các bộ môn khoa học tự nhiên như vật lí, hoá học, HS có thể thực hiện trong phòng thí nghiệm thì với các sự kiện lịch sử, các em không được trực tiếp quan sát cũng không thể mô hình hoá lại trong phòng thí nghiệm, đúng như nó đã tồn tại.

Hiểu được đặc điểm này, trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, GV phải vận dụng nhuần nhuyễn nhiều phương pháp dạy học, trong đó đồ dùng trực quan, nhất là các đồ dùng trực quan hiện vật (các di tích lịch sử cách mạng) góp một phần không nhỏ quyết định thành bại trong việc cung cấp kiến thức cho HS. Giúp HS không chỉ "biết" mà còn hiểu lịch sử đã diễn ra như thế nào một cách chân thực, sống động nhất.

3. Mục tiêu

Môn Lịch sử ở trường phổ thông nhằm giúp cho HS có được những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới ; góp phần hình thành ở HS thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc, cách mạng, bồi dưỡng các năng lực tư duy, hành động, thái độ ứng xử đúng đắn trong đời sống xã hội.

Môn Lịch sử ở trường phổ thông nhằm giúp HS đạt được :

a) Kiến thức

Nhận thức được sự kiện lịch sử tiêu biểu, những bước phát triển chủ yếu, những chuyển biến quan trọng của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến nay. Chú trọng đến những nội dung quan trọng nhất để hiểu biết về quá trình phát triển của lịch sử loài người, những nền văn minh, những mô hình xã hội tiêu biểu, lịch sử các nước trong khu vực và các sự kiện lịch sử thế giới có ảnh hưởng lớn, liên quan đến lịch sử dân tộc.

Hiểu được quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến nay, trên cơ sở nhận thức được những sự kiện tiêu biểu của từng thời kì, những chuyển biến của lịch sử và sự phát triển hợp quy luật của lịch sử dân tộc trong sự phát triển chung của thế giới.

Hiểu biết được về một số nội dung cơ bản, cần thiết về nhận thức xã hội như : kết cấu xã hội loài người, mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ cấu hệ thống xã hội, vai trò to lớn của sản xuất (vật chất, tinh thần) trong tiến trình lịch sử, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân, nguyên nhân và động lực tạo ra các chuyển biến lịch sử, quy luật vận động của lịch sử...

b) Về kĩ năng

Hình thành các kĩ năng cần thiết trong học tập bộ môn như :

Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại).

Làm việc với sách giáo khoa (SGK) và các nguồn sử liệu.

Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử.

Bồi dưỡng năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (điều tra, thu thập, xử lí thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức thực hiện dự kiến, kiểm tra tính đúng đắn của kết quả, thông báo, trình bày về kết quả, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống và để tiếp nhận kiến thức mới...).

c) Thái độ, tình cảm

Có tình yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, có thái độ trân trọng đối với các di sản lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Trân trọng nền văn hoá của các dân tộc trên thế giới, có tinh thần quốc tế chân chính, vì hoà bình tiến bộ xã hội.

Có niềm tin về sự phát triển từ thấp đến cao, từ lạc hậu đến văn minh của lịch sử nhân loại và lịch sử dân tộc.

Có những phẩm chất cần thiết nhất của người công dân : thái độ tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước – cộng đồng ; yêu lao động ; sống nhân ái, có kỉ luật, tôn trọng và làm theo luật pháp, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế,...

d) Năng lực

Hình thành năng lực tự học, tự làm giàu tri thức lịch sử cho HS thông qua các nguồn sử liệu khác nhau (đã có và phát hiện mới).

Năng lực khai thác và sử dụng tranh ảnh, lược đồ lịch sử.

Khả năng xâu chuỗi, phân tích, so sánh, đưa nhận xét về các sự kiện, hiện tượng nhân vật lịch sử,... liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn,...

4. Phương pháp dạy học

Tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở phân môn Lịch sử nhấn mạnh yêu cầu khắc phục lối truyền thụ một chiều còn khá phổ biến hiện nay, chuyển mạnh sang việc dạy học phát huy tính tích cực của HS, chú trọng rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng năng lực tư duy sáng tạo của người học, khả năng vận dụng kiến thức đã biết vào các tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

Trước hết, cần chú trọng bảo đảm tính cụ thể, tính hình ảnh, khả năng gây xúc cảm của các thông tin về các sự kiện, nhân vật lịch sử, bối cảnh xã hội,... bằng cách cho HS tiếp cận nhiều nguồn tư liệu lịch sử khác nhau, sử dụng nhiều phương tiện trực quan khác nhau, phù hợp với điều kiện dạy học cụ thể.

Chú trọng tổ chức các hoạt động tự học tập của HS (như làm các bài tập lịch sử ở lớp, ở nhà : tra cứu tài liệu, sưu tầm tư liệu các loại về một chủ đề ; trình bày diễn biến sự việc trên bản đồ trống,...).

Trao đổi, thảo luận là điều cần làm. Cần tạo ra không khí thoải mái, dân chủ, khuyến khích HS trình bày ý kiến riêng, nhìn nhận và đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ khác nhau, tránh áp đặt, bắt buộc HS tiếp nhận một cách thụ động kết luận của GV. Chú trọng rèn luyện năng lực lập luận, trình bày vấn đề cho HS.

Tìm hiểu, nắm bắt những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của HS, những điều HS đang quan tâm, ham thích ; tận dụng những điều đó trong quá trình hình thành kiến thức, kĩ năng mới. Những gì HS có thể nói được, làm được thì GV không làm thay.

Nội dung dạy học không chỉ giới hạn ở SGK, việc dạy học không chỉ diễn ra ở trong phòng học. Tận dụng mọi khả năng, điều kiện để HS có thể tìm hiểu lịch sử ở bảo

tàng, trên hiện trường lịch sử, các di tích lịch sử, được tiếp xúc, trao đổi với các nhân chứng, nhân vật lịch sử, được vận dụng điều đã học vào việc hiểu và đánh giá các vấn đề thời sự quốc tế, đất nước, địa phương. Bước đầu rèn luyện hứng thú, ý thức và khả năng nghiên cứu lịch sử, phù hợp với trình độ và yêu cầu học tập của HS.

Chú trọng rèn luyện các năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác cùng giải quyết các nhiệm vụ đặt ra cho HS bằng cách tổ chức làm việc theo nhóm, làm việc cặp đôi.

Đổi mới phương pháp dạy học gắn liền với thiết bị dạy học cần cung cấp đầy đủ ở mức cần thiết các thiết bị dạy học Lịch sử nhằm thay đổi căn bản tình hình “dạy chay” phổ biến hiện nay, trong đó chú trọng các loại hình :

Mô hình hiện vật, tranh, ảnh lịch sử, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...

Bản đồ, sơ đồ.

Phim video.

Phần mềm dạy học.

Việc thiết kế, sản xuất và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử không phải theo định hướng minh họa bài giảng của GV mà nhằm tạo ra các nguồn sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục ; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm kiếm tri thức lịch sử của HS một cách tự lập, tích cực, sáng tạo. Cần quan tâm, chú ý tạo điều kiện cho HS làm việc trực tiếp với các thiết bị dạy học theo phương châm : Hãy để cho các giác quan của HS tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị dạy học, để cho các em suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và thể hiện mình nhiều hơn.

Các thiết bị dạy học hiện đại không đồng nghĩa với các thiết bị dạy học đắt tiền. Tính hiện đại của thiết bị dạy học thể hiện ở việc sử dụng các loại thiết bị sao cho đạt yêu cầu cao nhất trong việc thể hiện mục tiêu dạy học. Việc tìm kiếm, sản xuất các thiết bị dạy học Lịch sử, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, của vùng, làm cho HS hứng thú học tập, phát huy tối đa tính tích cực nhận thức của HS, luôn luôn đóng vai trò quan trọng. Vì vậy, cần phối hợp việc cung cấp các thiết bị dạy học từ trên xuống với phong trào sưu tầm, xây dựng thiết bị dạy học “tự tạo” của HS, GV và các lực lượng xã hội.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

1. Vị trí

Môn Địa lí trong nhà trường phổ thông cấp Trung học cơ sở giúp HS có được những hiểu biết cơ bản, hệ thống về Trái Đất – môi trường sống của con người, về thiên nhiên và những hoạt động kinh tế của con người trên phạm vi quốc gia, khu vực

và thể giới ; rèn luyện cho HS những kĩ năng hành động, ứng xử thích hợp với môi trường tự nhiên, xã hội. Đó là một phần của học vấn phổ thông cần thiết cho mỗi người lao động trong xã hội hiện đại, trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trên nền tảng những kiến thức và kĩ năng trang bị cho HS, môn Địa lí góp phần đáng kể vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

2. Đặc điểm

- Học tập địa lí là quá trình nhận thức những sự vật, đối tượng, hiện tượng và quá trình về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội đã diễn ra trong quá khứ, hiện tại và dự báo sự biến đổi trong tương lai. Trong quá trình học tập, HS cần học tập qua tài liệu, kết hợp với quan sát, khảo sát điều tra các sự vật, đối tượng và hiện tượng tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội ở thực địa và ứng dụng công nghệ thông tin, từ đó góp phần hình thành biểu tượng, khái niệm địa lí, so sánh, xác lập các mối quan hệ địa lí.

- Các sự vật, đối tượng, hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội không tồn tại độc lập mà có quan hệ mật thiết với nhau, hiện tượng địa lí này là nguyên nhân và kết quả của các hiện tượng địa lí khác và cùng tồn tại trên phạm vi lãnh thổ. Vì vậy, học tập địa lí cần tư duy trên quan điểm tổng hợp theo lãnh thổ. Việc tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo là những nhiệm vụ hết sức quan trọng và hiệu quả trong quá trình học tập bộ môn.

- Bản đồ vừa là phương tiện dạy học, vừa là nguồn tài liệu khoa học độc lập, là đối tượng nghiên cứu của môn Địa lí và được coi như "sách giáo khoa của Địa lí". Nhiệm vụ của sử dụng bản đồ là thu nhận những thông tin được biểu hiện trên bản đồ để phân tích, so sánh đối chiếu nhằm tìm ra những đặc điểm, các quy luật phân bố, các mối liên hệ, các quá trình biến đổi của các đối tượng, hiện tượng địa lí trên lãnh thổ nghiên cứu.

3. Mục tiêu

a) Kiến thức

Cung cấp cho HS những kiến thức phổ thông, cơ bản, cần thiết về :

- Trái Đất, các thành phần cấu tạo của Trái Đất, các hiện tượng, sự vật địa lí và tác động qua lại giữa chúng ; một số quy luật phát triển của môi trường tự nhiên trên Trái Đất ; dân cư và các hoạt động của con người trên Trái Đất ; mối quan hệ giữa dân cư, hoạt động sản xuất và môi trường ; sự cần thiết phải khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững.

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của một số khu vực khác nhau và của một số quốc gia trên thế giới ; một số đặc điểm của thế giới đương đại.

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam ; những vấn đề đặt ra đối với cả nước nói chung và các vùng, các địa phương nơi HS đang sinh sống nói riêng.

b) Kỹ năng

Hình thành và phát triển ở HS :

- Kỹ năng học tập và nghiên cứu địa lí : quan sát, nhận xét, phân tích, so sánh, đánh giá các sự vật, hiện tượng địa lí ; phân tích, sử dụng bản đồ, Atlat ; vẽ và phân tích biểu đồ, đồ thị, lát cắt ; phân tích số liệu thống kê...

- Kỹ năng thu thập, xử lí và thông báo thông tin địa lí.

- Kỹ năng vận dụng tri thức địa lí để giải thích các hiện tượng, sự vật địa lí và bước đầu tham gia giải quyết những vấn đề của cuộc sống phù hợp với khả năng của HS.

b) Thái độ, tình cảm

Góp phần bồi dưỡng cho HS :

- Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước thông qua việc ứng xử thích hợp với tự nhiên và tôn trọng các thành quả kinh tế - văn hoá của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân loại.

- Niềm tin vào khoa học, ham học hỏi, hứng thú, say mê tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí.

- Có ý chí tự cường dân tộc, niềm tin vào tương lai của đất nước, có tâm thế sẵn sàng tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước ; có ý thức trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động sử dụng hợp lí, bảo vệ, cải tạo môi trường ; nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình, cộng đồng.

d) Năng lực

Ngoài hình thành các năng lực chung như : năng lực tự học ; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ; năng lực thẩm mĩ; năng lực thể chất; năng lực giao tiếp ; năng lực hợp tác ; năng lực tính toán ; năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Môn Địa lí cấp Trung học cơ sở còn hướng đến việc hình thành các năng lực đặc thù của môn học như : năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; năng lực khảo sát thực tế ; năng lực hoạt động, tham gia, hoà nhập với cộng đồng; năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của môn Địa lí để giải quyết những vấn đề đặt ra trong cuộc sống phù hợp với khả năng của HS.

4. Phương pháp dạy học

- Cùng với các phương pháp dạy học chung (như thuyết trình, đàm thoại...), một số phương pháp nghiên cứu của khoa học Địa lí đã được sử dụng với tư cách là phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn trong quá trình dạy học địa lí. Đó là phương pháp sử dụng bản đồ, biểu đồ, phân tích số liệu thống kê, phân tích tranh ảnh,... (thuộc nhóm các phương pháp làm việc trong phòng) và phương pháp quan sát, đo vẽ trên thực địa,... (thuộc nhóm các phương pháp thực địa). Các phương pháp này được lựa chọn phù hợp với trình độ, khả năng nhận thức của HS, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các em.

- Việc phối hợp các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp thảo luận, điều tra khảo sát,... sẽ góp phần hình thành và phát triển ở HS năng lực tham gia, hoà nhập, khả năng vận dụng kiến thức địa lí trong quá trình học tập vào trong cuộc sống.

- Các phương pháp dạy học tích cực đòi hỏi có sự thay đổi trong việc tổ chức dạy học, cần sử dụng nhiều hình thức dạy học khác nhau, phối hợp hình thức tổ chức dạy học truyền thống - dạy học theo lớp với dạy học theo nhóm, theo cặp hoặc cá nhân HS, tạo điều kiện phát huy vai trò tích cực, chủ động của từng HS ; kết hợp dạy học trên lớp và ngoài thực địa, trải nghiệm thực tế.

- Các phương tiện dạy học địa lí như bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa,... đều có chức năng kép : vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa là phương tiện minh hoạ nội dung dạy học. Trong quá trình dạy học, GV cần tổ chức, hướng dẫn để HS biết khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí, qua đó HS vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí.

B. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI 6

I. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình môn Khoa học xã hội 6

Tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* gồm 21 bài, trong đó có 1 bài nhập môn : Tìm hiểu môn khoa học xã hội, 2 bài liên môn Lịch sử và Địa lí ; 8 bài được xây dựng từ chương trình Lịch sử 6, 10 bài từ chương trình Địa lí 6 hiện hành. Mỗi bài thường được thực hiện trong 2 hoặc 3 tiết học, tùy theo dung lượng nội dung từng bài. Cá biệt, có 1 bài với thời lượng dạy học 5 tiết. Về nội dung cơ bản theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, chương trình môn Khoa học xã hội theo mô hình Trường học mới sắp xếp lại các đơn vị kiến thức, kĩ năng và tổ chức thành các hoạt động học trong mỗi bài học để HS được tăng cường tính tự học, chủ động trong tiếp thu kiến thức.

Mức độ nội dung trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* vẫn đảm bảo mức độ của Chuẩn kiến thức, kĩ năng hiện hành mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định.

Kế hoạch chương trình môn Khoa học xã hội theo mô hình Trường học mới lớp 6 :

TT	Bài	Số tiết	Ghi chú
1	Bài 1. Tìm hiểu môn Khoa học xã hội	2	Trong SGK hiện hành, môn Lịch sử có bài 1. Sơ lược về môn Lịch sử và môn Địa lí có bài 1. Bài mở đầu. Hai bài này nói về vị trí môn học, cách học tập môn học. Trong tài liệu <i>Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6</i> , hai bài này được tích hợp lại và xây dựng thành Bài 1. Tìm hiểu môn Khoa học xã hội, với mục đích giới thiệu về môn Khoa học xã hội : mục tiêu, cấu trúc, nội dung chủ yếu, cách học tập môn học.
2	Bài 2. Bản đồ và cách sử dụng bản đồ	3	Đối với việc học tập môn Khoa học xã hội, bản đồ có vai trò quan trọng, sử dụng bản đồ trong học tập có chức năng kép : vừa là nguồn tri thức, vừa là phương tiện minh hoạ cho nội dung học tập. Vì vậy, xây dựng bài học liên môn về bản đồ, lấy ý tưởng từ bài bản đồ trong SGK Địa lí 6 hiện hành là rất cần thiết, nhằm trang bị cho HS những hiểu biết về bản đồ, cách sử dụng bản đồ, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ bản đồ, qua đó HS vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng.
3	Bài 3. Xã hội nguyên thuỷ	3	Trong chương trình, SGK hiện hành chỉ học nội dung xã hội nguyên thuỷ của thế giới. Nhưng khi xây dựng nội dung của bài học này của phân môn Lịch sử có chuyển nội dung <i>Thời nguyên thuỷ trên đất nước ta</i> ở phần Lịch sử Việt Nam vào bài này. Việc chuyển nội dung này vào phần lịch sử thế giới giúp HS học về xã hội nguyên thuỷ trên thế giới liên hệ đến xã hội nguyên thuỷ của Việt Nam.

TT	Bài	Số tiết	Ghi chú
4	Bài 4. Các quốc gia cổ đại trên thế giới	2	Chương trình, SGK hiện hành gồm 2 bài riêng, trong tài liệu <i>Hướng dẫn học</i> cấu trúc thành một bài. Như vậy giúp HS tìm hiểu các nội dung của cả hai mô hình quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây cùng với nhau, qua đó sẽ thấy được những đặc điểm chung và những nét khác biệt của hai mô hình quốc gia này.
5	Bài 5. Văn hoá cổ đại	3	Theo SGK hiện hành
6	Phiếu ôn tập 1		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra ; có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà.
7	Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	3	Bài này so với chương trình, SGK hiện hành vẫn đảm bảo được mục tiêu của Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở. Tuy nhiên, các nội dung của bài có tích hợp lại với nhau như nội dung <i>Hoàn cảnh ra đời nhà nước Văn Lang</i> và nội dung <i>Nước Văn Lang thành lập</i> được tích hợp thành mục <i>Sự thành lập nước Văn Lang</i> .
8	Bài 7. Cham-pa và Phù Nam	3	Bài này trong chương trình hiện hành nằm ở chương <i>Thời Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập</i> . Trong tài liệu <i>Hướng dẫn học</i> được đưa lên cùng với bài <i>Các quốc gia cổ đại trên đất nước ta</i> , bởi vì cùng một nội dung <i>Các quốc gia cổ đại ở nước ta</i> lại học gắn liền và liên tục với nhau.
9	Phiếu ôn tập 2		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra; có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà.
10	Bài 8. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179 TCN – thế kỉ X)	3	Trong chương trình hiện hành, nội dung <i>Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179 TCN – thế kỉ X)</i> nằm rải rác từ bài 17 đến bài 23 của chương <i>Thời Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập</i> . Trong tài liệu <i>Hướng dẫn học</i> được cấu trúc thành một bài với nội dung chỉ về

TT	Bài	Số tiết	Ghi chú
			<i>Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta.</i>
11	Bài 9. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu (Từ thế kỉ I đến đầu thế kỉ X)	5	Nội dung này chỉ cấu trúc những nội dung về các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu (Từ thế kỉ I đến đầu thế kỉ X) trong chương <i>Thời Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập.</i>
12	Phiếu ôn tập 3		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra ; có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà.
13	Bài 10. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	3	Theo SGK hiện hành
14	Phiếu ôn tập 4		Hướng dẫn HS ôn tập nội dung trong phiếu kiểm tra; có thể thực hiện trên lớp hoặc ở nhà.
15	Bài 11. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí	3	Theo SGK hiện hành.
16	Phiếu ôn tập 5		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà.
17	Bài 12. Trái Đất, các chuyển động của Trái Đất	3	Được tích hợp từ các bài Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả ; Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời ; Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa. Mục đích để HS có được cái nhìn tổng quát, dễ hiểu và đỡ nhầm lẫn về 2 vấn đề : Trái Đất tự quay quanh trục và hệ quả ; Trái Đất quay quanh Mặt Trời và hệ quả.
18	Bài 13. Cấu tạo bên trong của Trái Đất	2	Theo SGK hiện hành.
19	Bài 14. Nội lực và ngoại lực. Khoáng sản	2	Được tích hợp từ hai bài trong SGK hiện hành : Tác động của nội lực và ngoại lực trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất ; Các mỏ khoáng sản. Việc tích hợp làm cho vấn đề được logic hơn, các

TT	Bài	Số tiết	Ghi chú
			khoáng sản thường được sinh ra trong quá trình vận động của Trái Đất và do tác động của hai lực chủ yếu là nội lực và ngoại lực.
20	Bài 15. Địa hình bề mặt Trái Đất	3	Theo SGK hiện hành.
21	Phiếu ôn tập 6		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà.
22	Bài 16. Không khí và các khối khí	2	Được tích hợp từ hai bài trong SGK hiện hành : Lớp vỏ khí và một phần của bài Thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí. Việc tích hợp làm cho vấn đề được logic hơn, khi tìm hiểu về các khối khí, căn cứ vào nhiệt độ người ta chia ra khối khí nóng và khối khí lạnh. Để hiểu được nội dung này, HS cần có khái niệm và những hiểu biết về nhiệt độ không khí.
23	Bài 17. Khí áp và các loại gió	2	Theo SGK hiện hành.
24	Bài 18. Thời tiết, khí hậu và một số yếu tố của khí hậu	3	Được tích hợp từ bài 18. Thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí với bài 22. Các đới khí hậu trên Trái Đất. Đảm bảo tính hợp lí hơn.
25	Phiếu ôn tập 7		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà.
26	Bài 19. Nước trên Trái Đất	3	Được tích hợp từ bài 23. Sông và hồ, bài 24. Biển và đại dương, bài 25. Thực hành. Sự chuyển động của các dòng biển trong các đại dương. Đảm bảo học lí thuyết gắn với luyện tập và thực hành.
27	Bài 20. Đất và sinh vật trên Trái Đất	2	Được tích hợp từ bài 26. Đất, các nhân tố hình thành đất và bài 27. Lớp vỏ sinh vật. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất.

TT	Bài	Số tiết	Ghi chú
28	Phiếu ôn tập 8		Giao nhiệm vụ cho HS ôn tập trên lớp hoặc về nhà.
29	Bài 21. Tìm hiểu quê hương em	3	Đây là nội dung mới dựa trên cơ sở nội dung địa phương nhằm tìm hiểu vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành, phát triển và truyền thống của quê hương (xã, phường) của HS.

2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a) Khung phân phối chương trình

- Cả năm : 35 tuần ; 70 tiết.

+ Bài học liên môn : 8 tiết.

+ Bài học Địa lí : 25 tiết.

+ Bài học Lịch sử : 26 tiết.

+ Ôn tập, kiểm tra và dự phòng.

- Học kì I

+ Phần các bài học liên môn 5 tiết : bài 1. Tìm hiểu môn khoa học xã hội ; bài 2. Bản đồ và cách sử dụng bản đồ, được thực hiện trong đầu năm học, trước khi thực hiện các bài thuộc phân môn Lịch sử và Địa lí.

+ Phân môn Lịch sử gồm 12 tiết : Thực hiện từ bài 3. Xã hội nguyên thủy đến hết bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc ; Hướng dẫn HS ôn tập theo phiếu ôn tập 1.

+ Phân môn Địa lí 13 tiết : Thực hiện từ bài 11. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí đến hết bài 15. Địa hình bề mặt Trái Đất ; Hướng dẫn HS ôn tập Phiếu ôn tập 5 và 6.

+ Ôn tập và kiểm tra định kì Học kì I.

- Học kì II

+ Phân môn Lịch sử gồm 14 tiết : Thực hiện các bài còn lại ; Hướng dẫn HS ôn tập theo các phiếu ôn tập 2, 3 và 4.

+ Phân môn Địa lí 12 tiết : Thực hiện các bài còn lại ; Hướng dẫn HS ôn tập phiếu ôn tập 7 và 8.

+ Phần các bài học liên môn 3 tiết : Bài 21 thực hiện vào tuần cuối của năm học, sau khi thực hiện xong các bài Lịch sử và Địa lí.

+ Ôn tập và kiểm tra định kì cuối năm.

b) Một số vấn đề cần lưu ý

- Khung phân phối chương trình môn Khoa học xã hội 6 thực hiện như hướng dẫn ở phần I, kế hoạch dạy học cụ thể, chi tiết cho từng tuần, từng học kì do nhà trường chủ động xây dựng, sao cho đảm bảo nội dung của từng phân môn Lịch sử và Địa lí trong mỗi học kì được thực hiện song song.

- Số tiết của mỗi bài trong phân phối chương trình chi tiết nêu ở trên chỉ là gợi ý, không bắt buộc các trường phải thực hiện đúng như trên, tổ (nhóm) chuyên môn có thể điều chỉnh sao cho phù hợp và trình hiệu trưởng phê duyệt.

- Cùng với các phương pháp dạy học như dạy học nêu vấn đề, thuyết trình, trao đổi đàm thoại, dạy học dự án,... cần tăng cường vận dụng một số phương pháp dạy học đặc trưng của môn học như : phương pháp thảo luận, sử dụng bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh, phân tích số liệu thống kê, tường thuật, miêu tả,... (thuộc nhóm các phương pháp làm việc trong phòng) và phương pháp quan sát, điều tra, phỏng vấn, đo vẽ trên thực địa,... (thuộc nhóm các phương pháp thực địa) góp phần hình thành và phát triển ở HS năng lực tham gia, hoà nhập, khả năng vận dụng kiến thức môn học vào cuộc sống. Các phương pháp này được lựa chọn phù hợp với trình độ, khả năng nhận thức của HS, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

- Phối hợp, đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học : dạy học theo lớp với dạy học theo nhóm, theo cặp hoặc cá nhân HS, tạo điều kiện phát huy vai trò tích cực, chủ động của từng HS ; kết hợp dạy học trên lớp, ngoài thực địa, trải nghiệm thực tế tại di sản, di tích, bảo tàng, làng nghề,...

- Các phương tiện dạy học như : bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa,... đều có chức năng kép, vừa là nguồn tri thức, vừa là phương tiện minh hoạ nội dung dạy học. Trong quá trình dạy học, GV cần tổ chức, hướng dẫn để HS biết khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học, qua đó HS vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các năng lực của môn học.

- Việc đánh giá HS được thực hiện theo công văn hướng dẫn đánh giá HS Trung học cơ sở mô hình Trường học mới. Riêng đối với bài kiểm tra giữa Học kì I và giữa Học kì II về nội dung, thời gian, hình thức kiểm tra do các nhà trường chủ động quy định.

II. CẤU TRÚC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI 6

Nội dung chi tiết của chương trình được thể hiện thông qua các bài học trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* và được thiết kế như sau :

1. Cách trình bày chung của tài liệu

- Về kích thước của tài liệu :

So với SGK Địa lí 6, Lịch sử 6 hiện hành thì tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* có kích thước lớn hơn 20,5cmx27cm và được ghép thành 1 quyển.

- Về hệ thống kênh hình và kênh chữ :

Cũng giống như SGK Lịch sử và Địa lí 6 hiện hành, hệ thống kênh hình của tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* rất phong phú và đa dạng với các hình ảnh, sơ đồ sinh động, màu sắc tươi sáng, thu hút sự chú ý và hấp dẫn HS học tập. Kênh hình trong tài liệu *Hướng dẫn học* là nguồn thông tin phong phú, sinh động; là phương tiện làm việc hữu hiệu đối với HS, giúp các em tìm tòi, khám phá đi tới các kiến thức mới cũng như rèn các kĩ năng học tập.

Hệ thống kênh chữ trong tài liệu *Hướng dẫn học* bao gồm : mục tiêu của bài học, chỉ dẫn các hoạt động học tập, hệ thống các lệnh (yêu cầu HS làm việc), các câu hỏi, bài tập và các đoạn thông tin, các tình huống học tập để HS đọc, suy ngẫm và phát hiện ra kiến thức cần tiếp nhận, các kĩ năng cần rèn luyện,...

So với SGK Lịch sử 6, Địa lí 6 hiện hành, số lượng kênh hình tăng nhiều, hệ thống kênh hình mang tính trực quan, sinh động nên giúp HS lớp 6 dễ nhận biết, khai thác kiến thức dễ dàng hơn. Kênh hình trong tài liệu *Hướng dẫn học* giúp bổ sung kiến thức cho kênh chữ, giúp HS khai thác kiến thức, tìm mối liên hệ giữa các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội.

- Về các kí hiệu cho các hoạt động của HS :

Ngoài hệ thống tranh, ảnh, sơ đồ, lược đồ thì kênh hình trong *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* còn có các logo kí hiệu thể hiện hình thức tổ chức các hoạt động học tập : cả lớp, nhóm (trên 3 HS), cặp đôi, cá nhân hoặc cộng đồng. Cụ thể như sau :

Kí hiệu	Hoạt động học tập
	Hoạt động cá nhân
	Hoạt động cặp đôi

	Hoạt động nhóm
	Hoạt động cả lớp
	Hoạt động với cộng đồng

Căn cứ vào những kí hiệu đó, HS chủ động thực hiện các hoạt động học tập với sự giám sát và hỗ trợ của GV, các hoạt động này có thể diễn ra ở trong lớp, ngoài lớp học. Ngoài ra, *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* cũng chú trọng đến hoạt động học tập được thực hiện ở nhà của HS, tạo điều kiện cho cha mẹ HS và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của các em một cách thường xuyên hơn thông qua việc giúp đỡ, hướng dẫn HS học tập ; bổ sung các kiến thức, kĩ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập của các em. Cha mẹ lắng nghe HS trình bày nội dung học tập, kể về những gì em học được, tìm tòi mở rộng thêm, sẽ giúp HS củng cố kiến thức, rèn kĩ năng cũng như tăng thêm sự hứng thú học tập.

Sự khác nhau giữa SGK Lịch sử 6, Địa lí 6 hiện hành và tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* theo mô hình Trường học mới như sau :

SGK Lịch sử, Địa lí hiện hành	Tài liệu Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6
Gồm 2 cuốn, SGK Địa lí 6 và Lịch sử 6.	Gồm 1 cuốn Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6.
Gồm các bài học đơn môn.	Gồm các bài học liên môn Lịch sử và Địa lí.
Các bài học được trang bị chủ yếu là nội dung.	Các bài học được trình bày theo các hoạt động, với hình thức tự học có hướng dẫn.
	Các phiếu ôn tập.
	Số lượng kênh hình nhiều hơn.

2. Cách trình bày từng bài học

Các bài học trong *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* đều có một cấu trúc chung bao gồm : tên bài học, số tiết, mục tiêu, hoạt động khởi động, hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng, hoạt động tìm tòi mở rộng.

Tên bài học : Khái quát nội dung chính thường tương thích với đơn vị kiến thức của một vài bài so với SGK hiện hành. Ví dụ, Bài 5. Văn hoá cổ đại ; Bài 15. Địa hình bề mặt Trái Đất.

Mục tiêu : được đặt ngay sau tên bài học nhằm giúp HS xác định được đích cần đạt khi hoàn thành bài học và định hướng được nhiệm vụ học tập của mình trước khi đi vào các hoạt động học tập cụ thể. Ngoài các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ như đối với mục tiêu các bài Lịch sử 6, Địa lí 6 hiện hành, trong mục tiêu bài học còn chú ý đến việc hình thành và phát triển ở HS khả năng liên hệ thực tế và khả năng giải quyết vấn đề gắn với cuộc sống của các em nhằm hướng vào các năng lực mà môn Khoa học xã hội có trách nhiệm thực hiện. Ví dụ, mục tiêu của bài 2. Bản đồ và cách sử dụng bản đồ : Nêu được khái niệm bản đồ ; Trình bày được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ, hai dạng tỉ lệ bản đồ ; Nêu được một số loại, dạng kí hiệu thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí, lịch sử trên bản đồ ; Tính được khoảng cách trên thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ và ngược lại ; Sử dụng được bản đồ trong học tập Địa lí, Lịch sử và trong đời sống.

Các hoạt động học tập : trong mỗi bài học thường gồm 5 hoạt động. Đó là hoạt động khởi động, hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng, hoạt động tìm tòi mở rộng.

C. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN

So với việc chuẩn bị bài lên lớp của cách dạy học hiện hành, dạy học theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở có sự khác biệt. Trước khi lên lớp, trong công tác chuẩn bị, GV phải suy nghĩ đến việc lựa chọn cách tổ chức các hoạt động học tập để đạt mục tiêu bài học đề ra ; đến các bước tiến hành các hoạt động đó như thế nào cho có hiệu quả ; đến việc sử dụng phương pháp, kĩ thuật, phương tiện dạy học nào cho phù hợp với nội dung bài học và với đối tượng HS,... Trong dạy học theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở, phần lớn những vấn đề nêu trên đã được gợi ý trong tài liệu Hướng dẫn học. Song các hướng dẫn đó không phải là bắt buộc, GV có thể thực hiện hoặc thay đổi theo sự sáng tạo của mình, sao cho đảm bảo được sự phù hợp với đối tượng HS, phù hợp với đặc điểm giáo dục của địa phương và chất lượng học tập của HS.

Với sự đổi mới đó, GV cần chuẩn bị gì cho bài học mới ?

- Trước hết, GV cần nghiên cứu kĩ mục tiêu chủ đề, tương tự như việc chuẩn bị bài lên lớp hiện nay. Tuy nhiên, GV cần chú ý đến yêu cầu HS liên hệ, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học vào thực tiễn của cuộc sống.

- GV đọc kĩ các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Mỗi hoạt động có đảm bảo được đặc trưng không ? Nếu không đảm

bảo thì cần phải điều chỉnh như thế nào ? Cần lưu ý gì khi tiến hành tổ chức các hoạt động cho HS,...

- GV xem xét trong bài có hoạt động cả lớp (HS với GV) không ? Nếu có, GV cần nghiên cứu kĩ thời điểm có hoạt động này, bởi nếu là hoạt động đầu tiên của tiết học thì xuất phát điểm của mọi HS gần như là tương đồng, GV có thể chưa cần chú ý đến nhịp độ học của các em. Song nếu là hoạt động trong tiến trình tiết học, GV cần quan tâm đến nhịp độ học của tất cả HS sao cho đến thời điểm đó các em đều thực hiện được hoạt động cả lớp.

- Hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm được bố trí với nội dung nào, ở thời điểm nào để GV lưu ý cách chia nhóm và dự kiến cách hỗ trợ HS, chuẩn bị các học liệu cần thiết.

- Trong quá trình học, HS cần phương tiện học tập, tài liệu tham khảo, các nguồn học liệu nào ? Số lượng là bao nhiêu ? Trong góc học tập của lớp đã có đủ phương tiện đó chưa ? Nếu lớp học không có góc học tập, GV cần chuẩn bị hoặc yêu cầu HS cùng chuẩn bị phương tiện học tập và học liệu cần thiết cho bài học. GV cũng cần chú ý đến sự liên kết giữa nguồn học liệu ở thư viện nhà trường với nội dung các bài học để giới thiệu cho HS đọc và tham khảo, mở rộng nội dung bài học.

- GV cần dự kiến những nội dung học tập có thể phát sinh nghi vấn, tình huống có vấn đề đối với HS. GV cần tìm hiểu kĩ hơn những nội dung này và chuẩn bị câu trả lời cũng như hướng dẫn HS tham gia giải quyết.

- GV cần dự kiến những hoạt động học tập có thể gây khó khăn cho HS yếu kém và chuẩn bị hướng dẫn chi tiết hơn. Đồng thời, GV cũng cần chú ý tới những nội dung có thể bổ sung cho HS khá giỏi, tạo điều kiện cho các em phát triển khả năng của mình, tránh gây nhàm chán cho một số nhóm đối tượng HS trong lớp.

- Mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở không yêu cầu GV soạn giáo án, vì tài liệu Hướng dẫn học đã hướng dẫn chi tiết các hoạt động. Song GV cần phải chuẩn bị bài dạy, dự kiến tình huống lên lớp, điều chỉnh các hoạt động khi thấy cần thiết, bổ sung thông tin cho phù hợp với đối tượng HS, ghi chép những nội dung cần điều chỉnh trong tài liệu, ghi chép lại các thắc mắc của HS và cha mẹ HS về nội dung bài học, ghi chép những điều cần lưu ý liên quan đến HS,... Các nội dung đó được ghi chép vào "Sổ tay lên lớp" (ghi chép cá nhân), các cấp quản lí không kiểm tra nội dung ghi chép trong "Sổ tay lên lớp" của GV.

Như vậy, việc chuẩn bị bài của GV tưởng đơn giản hơn, song thực tế GV cần đầu tư công sức và thời gian để tổ chức tiết học tạo điều kiện cho HS được làm việc thực sự, tự chiếm lĩnh kiến thức và rèn kĩ năng học tập của mình.

II. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC

Ở các lớp học theo mô hình Trường học mới, HS ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào HS cũng hoạt động theo nhóm mà HS vẫn phải làm việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và thiết kế hoạt động của GV.

1. Làm việc cá nhân

Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động cá nhân để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc thông tin, làm bài tập,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp HS có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, HS có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ GV hỗ trợ.

2. Làm việc theo cặp

Tuỳ theo hoạt động học tập, có lúc HS sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. GV lưu ý cách chia nhóm sao cho không có HS nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, GV phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả HS đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như : kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin ; thực hành kĩ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ : nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp HS tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

3. Làm việc theo nhóm

Trong các giờ học theo mô hình Trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ : sau khi HS tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó ; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài tập, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách làm bài tập đó ; hoặc là HS trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự

chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng ;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này dễ phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là giúp HS cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

** Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm*

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức, trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, thư kí của nhóm. Cụ thể là :

- Cá nhân : tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu ; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của GV ; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của GV.

- Nhóm trưởng : thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác, bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không, phân công các bạn giúp đỡ nhau, tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn, thay mặt nhóm để liên hệ với GV và xin trợ giúp, báo cáo tiến trình học tập nhóm, điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. GV lưu ý phân công HS luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

- Thư kí của nhóm : thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác, là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, GV có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo với GV. GV lưu ý phân công HS luân phiên nhau làm thư kí.

** Vai trò của GV trong tổ chức hoạt động nhóm*

- Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp GV triển khai các hoạt động học tập.

- Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm HS làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn GV.

- Giúp đỡ HS, gợi mở để HS phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn HS báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, GV có thể gọi HS

còn yếu ; khi cần biểu dương khích lệ học tập, GV có thể gọi HS khá, giỏi thay mặt nhóm để báo cáo ; giao thêm nhiệm vụ cho những HS hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...).

- Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định HS phát biểu, trình bày báo cáo,... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng HS, không tập trung vào một số HS trong lớp, trong nhóm.

- Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. HS hoặc nhóm HS đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, mà chưa hết giờ, GV giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

- Việc trợ giúp HS cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lí, linh hoạt để trợ giúp cho HS. Cần huy động được sự trợ giúp của HS khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp HS và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

4. Làm việc cả lớp

Khi HS có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều HS không thể vượt qua, GV có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. (Lưu ý những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học).

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, GV cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, GV có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho HS.

Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt HS theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết HS đã hiểu và làm được ; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ ; cho HS giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian ; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau ; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

- Mục đích : tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức,

kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu Hướng dẫn học, làm bộc lộ "cái" HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

- Phương thức hoạt động : Để tạo ra tình huống có vấn đề, kết nối hiểu biết của HS với nội dung bài mới, đồng thời tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài mới, hoạt động khởi động thường sử dụng tranh, ảnh, các tình huống, đồ vui,... có liên quan đến nội dung của bài học. Các nút lệnh trong tài liệu Hướng dẫn học đã thể hiện hình thức tổ chức dạy học, GV lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học để tổ chức hoạt động học cho HS.

- Đánh giá : Thông qua kết quả hoạt động của HS, GV đánh giá được những hiểu biết ban đầu của các em về các vấn đề liên quan đến kiến thức trong bài học.

Ví dụ 1 : Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

GV giới thiệu và nêu câu hỏi để xem HS có những hiểu biết gì về những kiến thức liên quan đến nhà nước Văn Lang, khu di tích thành Cổ Loa của nước Âu Lạc. HS có thể biết, biết nhưng chưa đầy đủ, hoặc chưa biết về những kiến thức trên, nhưng qua đó kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

GV tổ chức hoạt động nhóm, sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại trong dạy học lịch sử, yêu cầu HS trao đổi và trả lời các câu hỏi :

- Hằng năm, giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày nào ? Ở đâu ? Tại sao cả nước ta lại có ngày giỗ Tổ ?

- Em biết gì về khu di tích thành Cổ Loa ?

HS trao đổi thảo luận, trình bày ý kiến trước lớp. Những vấn đề HS có thể biết là ngày giỗ Tổ Hùng Vương hay biết về tên thành Cổ Loa qua câu chuyện My Châu - Trọng Thủy, An Dương Vương bị mất nỏ thần. Nhưng vấn đề HS có thể chưa biết là tại sao nhân dân ta lại tổ chức giỗ Tổ Hùng Vương và nhà nước Văn Lang ra đời thời Hùng Vương ; thành cổ Loa có kiến trúc như thế nào ? Những điều chưa biết đó sẽ đặt ra cho HS mong muốn khám phá, tìm hiểu. Cuối cùng, GV đánh giá và dẫn dắt : những vấn đề các em chưa biết, hoặc biết chưa đầy đủ về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc chúng ta sẽ tìm hiểu thông qua bài học.

Tuy nhiên, GV có thể thực hiện hoạt động này bằng việc cho HS xem một đoạn video, tư liệu về Lễ giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hội Cổ Loa, tranh ảnh về thành Cổ Loa hoặc một đoạn tư liệu, tranh ảnh của địa phương có liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và nêu câu hỏi :

- Video, hình ảnh trên là về lễ hội nào ? Em biết gì về lễ hội đó ?
- Tại sao nhân dân ta lại tổ chức lễ hội đó ?

HS trao đổi đàm thoại và báo cáo kết quả làm việc. GV nhận xét và dẫn dắt : Những vấn đề các em chưa biết, hoặc biết chưa đầy đủ về lễ hội liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc chúng ta sẽ tìm hiểu thông qua bài học.

Ví dụ 2 : Bài 17. Khí áp và các loại gió

- Mục đích khởi động của bài này là tìm xem HS đã có những hiểu biết gì về gió : tác động tích cực và tiêu cực của gió đối với đời sống. Để dẫn dắt vào bài học và tạo ra tình huống học tập, GV hỏi thêm HS : Nguyên nhân nào sinh ra gió ? Gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không ? Vì sao ? Nếu chỉ bằng hiểu biết của cá nhân, HS sẽ không thể có câu trả lời đầy đủ và trọn vẹn. Như vậy, hoạt động khởi động đã tạo ra được sự mâu thuẫn giữa "cái" đã biết là một số tác động tích cực và tiêu cực của gió đối với hoạt động sản xuất và đời sống với "cái" muốn biết và "cái" chưa biết là : nguyên nhân nào sinh ra gió ? gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không ? Đây chính là động lực thôi thúc HS học tập, tìm tòi, khám phá. Câu trả lời được đầy đủ, có căn cứ khoa học đối với câu hỏi : *Nguyên nhân nào sinh ra gió ? Gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không ? Vì sao ?* chính là nội dung của bài học.

- Trong tài liệu Hướng dẫn học, hoạt động khởi động được tổ chức với hình thức cá nhân, học liệu là tranh ảnh, GV yêu cầu cá nhân HS quan sát tranh ảnh và huy động những hiểu biết của bản thân để hoàn thành sơ đồ và trả lời các câu hỏi. Như vậy, GV cần nghiên cứu và dự kiến việc sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học nào để đạt được hiệu quả cao, phương án kiểm tra đánh giá như thế nào ?

Trong tài liệu Hướng dẫn học có yêu cầu HS sử dụng tranh ảnh kết hợp với hiểu biết của bản thân để hoàn thành sơ đồ và trả lời câu hỏi, vậy các phương pháp và kĩ thuật dạy học có thể được sử dụng là : phương pháp dạy học trực quan, kĩ thuật sử dụng tranh ảnh địa lí, kĩ thuật hỏi tưởng, kĩ thuật sơ đồ hoá. HS có thể thực hiện các thao tác sau :

- + Bước 1 : xác định xem bức ảnh đó thể hiện nội dung gì ?
- + Bước 2 : phân loại nội dung có tác động tích cực hay tiêu cực.
- + Bước 3 : kết hợp với kiến thức đã có của bản thân, bổ sung thêm các tác động tích cực và tiêu cực của gió đối với sản xuất và đời sống, điền vào sơ đồ.
- + Bước 4 : chuẩn bị ý kiến trao đổi với cả lớp và tự điều chỉnh.

Để có thể trao đổi kết quả làm việc với cả lớp, GV cần dành thời gian cho HS làm việc cá nhân, cá nhân hoàn thành sơ đồ và trả lời câu hỏi, trên cơ sở kết quả đó, các

em chia sẻ với các bạn trong lớp. Bằng hiểu biết của mình, kết hợp với phân tích hình ảnh, HS dễ dàng nêu được những tác động tích cực và tác động tiêu cực của gió đối với đời sống và sản xuất. Tuy nhiên, ở câu hỏi : *Nguyên nhân nào sinh ra gió ? Gió thổi ở mọi nơi trên Trái Đất có giống nhau không? Vì sao ?* HS sẽ có câu trả lời không đầy đủ, chưa chính xác hoặc có thể không trả lời được, đây chính là tình huống để GV vào bài học mới và tạo ra hứng thú học tập, tìm tòi khám phá cho HS.

- Hoạt động này, GV có thể đánh giá HS bằng các cách khác nhau như : quan sát HS trong thời gian làm việc cá nhân ; đánh giá sản phẩm của cá nhân HS ; đánh giá thông qua việc thảo luận trao đổi với cả lớp,...

- Hoạt động khởi động trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một trường hợp để HS bộc lộ những hiểu biết của mình về nội dung bài học và tạo hứng thú học tập cho HS. Tùy theo đặc điểm của từng địa phương, GV có thể điều chỉnh, sử dụng những tranh, ảnh minh họa gần gũi với địa phương HS hoặc lựa chọn cách khởi động khác để đem lại hiệu quả cao hơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS lĩnh hội được kiến thức, kĩ năng mới và đưa các kiến thức, kĩ năng mới vào hệ thống kiến thức, kĩ năng của bản thân. GV sẽ giúp HS xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới ; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới,...

- Phương thức hoạt động : trong các hoạt động học, cần tập trung tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau :

+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập : nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS ; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

+ Thực hiện nhiệm vụ học tập : khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập ; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả ; không có HS bị "bỏ quên".

+ Báo cáo kết quả và thảo luận : hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng ; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập ; xử lí những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.

+ Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập : nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS ; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và

những ý kiến thảo luận của HS ; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi bài học được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng.

Ví dụ 1 : Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

Khi tổ chức hoạt động 1 : *Tìm hiểu về sự thành lập nước Văn Lang*

Hoạt động này giúp HS có những hiểu biết về hoàn cảnh ra đời của nhà nước Văn Lang, sự thành lập nhà nước Văn Lang. Để đạt được mục tiêu đó, GV cần tổ chức HS thực hiện hoạt động học tập theo nhóm và sử dụng một số phương pháp và kĩ thuật dạy học sau :

GV cho HS đọc thông tin, kết hợp với quan sát các hình 1,2,3 để thực hiện các yêu cầu và trả lời câu hỏi sau :

- Xác định trên lược đồ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, nơi hình thành các bộ lạc lớn - tiền thân của nhà nước Văn Lang.

- Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ?

- Tên đầu tiên của nước ta là gì, đóng đô ở đâu ? Do ai đứng đầu ?

Đối với yêu cầu : *Xác định trên lược đồ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ*, nơi hình thành các bộ lạc lớn - tiền thân của nhà nước Văn Lang. GV sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử. Cách tiến hành như sau :

GV treo lược đồ lên bảng (hoặc yêu cầu HS quan sát lược đồ trong tài liệu Hướng dẫn học), yêu cầu HS quan sát lược đồ, thảo luận nhóm và xác định trên lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nơi hình thành các bộ lạc lớn - tiền thân của nhà nước Văn Lang.

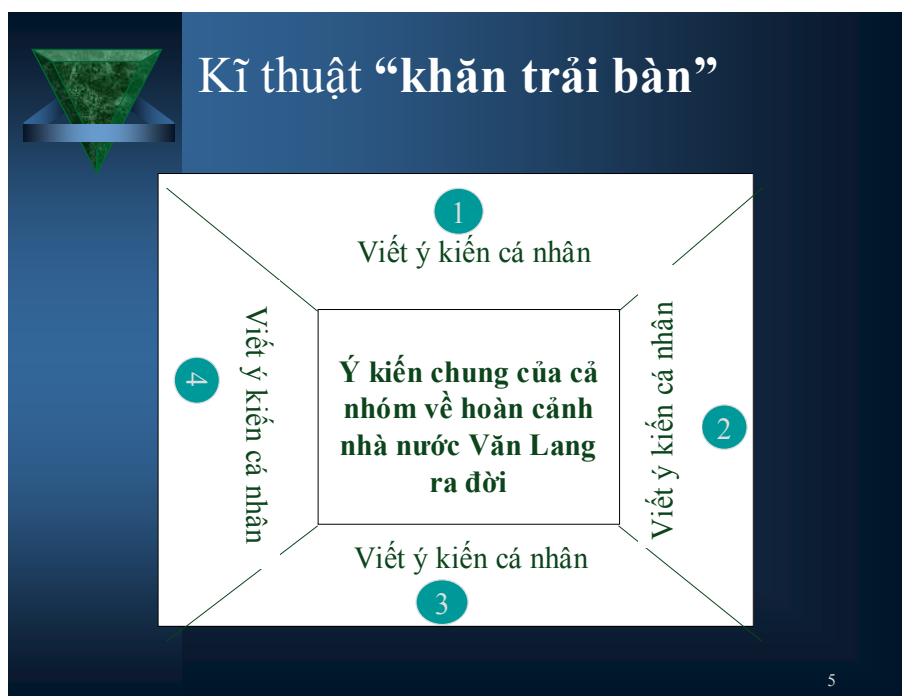
GV gọi HS lên chỉ trên lược đồ, HS khác có thể bổ sung cho bạn.

GV nhận xét kết quả việc xác định trên lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nơi hình thành các bộ lạc lớn - tiền thân của nhà nước Văn Lang của HS.

Với câu hỏi : Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ? GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Cách tiến hành như sau :

GV có thể tạo tình huống có vấn đề như sau : Khoảng thế kỉ VIII – VII TCN, trong các bộ lạc ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay xuất hiện sự phân hoá giàu nghèo, xung đột xảy ra và cả những mối đe dọa từ bên ngoài... Tình hình đó đặt ra yêu cầu gì ? Với câu hỏi như thế, tình huống có vấn đề đã được đặt ra, điều đó kích thích HS phải suy nghĩ, tìm tòi và giải quyết trên cơ sở kiến thức ở nội dung thông tin.

Sau đó, GV có thể sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” để giải quyết vấn đề được đặt ra như sau :



- Chia HS thành các nhóm.
- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi và viết ý trả lời vào phần mang số của mình.
- Khi hết thời gian làm việc cá nhân, các thành viên trong nhóm chia sẻ, thảo luận, thống nhất câu trả lời.
- Ý kiến thống nhất của nhóm được viết vào phần chính giữa.

Với câu hỏi : Tên đầu tiên của nước ta là gì, đóng đô ở đâu ? Do ai đứng đầu ? GV sử dụng phương pháp dạy học trao đổi, đàm thoại. Cách tiến hành như sau :

Trước hết, GV nêu câu hỏi ở trên, đây chính là vấn đề HS phải trao đổi, đàm thoại với bạn để trả lời. HS muốn trả lời được câu hỏi này phải làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục của tài liệu Hướng dẫn học, đọc lập suy nghĩ, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích và tự rút ra nội dung trả lời, sau đó trao đổi, đàm thoại với bạn trong nhóm, thống nhất nội dung để trả lời thầy/cô giáo về tên đầu tiên của nước ta, nơi đóng đô, người đứng đầu nhà nước Văn Lang. Trong quá trình sử dụng phương pháp dạy học trao đổi đàm thoại, GV chú ý phát huy tính tích cực của HS, thường xuyên nêu các câu hỏi gợi mở để kịp thời định hướng tư duy cho HS, cần tôn trọng, động viên, khích lệ HS.

Ví dụ 2 : Bài 17. Khí áp và các loại gió

- Hoạt động hình thành kiến thức của bài này gồm các hoạt động : Tìm hiểu khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất ; Tìm hiểu gió và các hoàn lưu khí quyển. Để biết được nguyên nhân sinh ra gió và các loại gió thổi trên Trái Đất, HS phải đi tìm hiểu về khí áp.

- Đối với nội dung Tìm hiểu khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất, mục tiêu là : trình bày được khái niệm khí áp và sự phân bố các đai áp cao, áp thấp trên Trái Đất ; dựa vào hình vẽ nhận xét được sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất.

- Trong tài liệu Hướng dẫn học, mạch kiến thức được trình bày lô gic, HS cần phải tìm hiểu khái niệm về khí áp, khí áp đó được đo bằng dụng cụ gì ? để hoàn thành được yêu cầu này, HS đọc đoạn hội thoại, sau đó HS quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi : Trên Trái Đất có mấy đai khí áp. Nêu sự phân bố các đai khí áp từ Xích đạo về hai cực. Hình thức tổ chức hoạt động là cặp đôi, hai HS đóng vai đọc đoạn hội thoại, thảo luận và trả lời các câu hỏi.

- Phương tiện dạy học được sử dụng trong hoạt động này là hình vẽ về các đai khí áp trên Trái Đất, HS khai thác hình để tìm ra nội dung kiến thức, thông qua đó HS rèn được kĩ năng bộ môn, đồng thời đây cũng chính là một trong những kĩ thuật dạy học đặc trưng của môn Địa lí, hình thành các khái niệm, thuật ngữ địa lí thông qua biểu tượng, hình ảnh.

- Để HS có ý kiến thảo luận cặp đôi, GV bắt đầu bằng việc cho HS làm việc cá nhân trước, sau khi cá nhân tìm hiểu, có được câu trả lời, HS sẽ tiến hành trao đổi cặp, so sánh với các cặp bên cạnh để khẳng định lại kết quả khám phá của mình, đồng thời thông qua trao đổi cặp, so sánh kết quả với cặp bên cạnh chính là HS tham gia tự đánh giá và đánh giá bạn và điều chỉnh kết quả học tập của bản thân.

- Đánh giá : GV đánh giá HS thông qua quan sát HS làm việc cá nhân và cặp, đánh giá sản phẩm làm việc của cá nhân, cặp đôi ; GV cũng có thể cho HS tự đánh giá và sửa chữa sản phẩm của mình thông qua việc gọi một cặp HS nào đó báo cáo kết quả và GV chuẩn hoá kiến thức. Trong đánh giá HS, GV lưu ý không chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng, đánh giá về kiến thức mà GV cần quan sát, đánh giá khả năng hợp tác, giao tiếp của HS, tinh thần và thái độ học tập của HS.

3. Hoạt động luyện tập

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được. GV sẽ yêu cầu HS làm các “bài tập” cụ thể giống như “bài tập” trong bước hình thành kiến thức để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

- Nội dung : đây là những hoạt động củng cố kiến thức, kĩ năng đã được học bao gồm những nhiệm vụ như trình bày, viết một đoạn văn, bài thực hành tạo ra tư duy chặt chẽ ; yêu cầu HS phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập cụ thể ; giúp cho HS thực hiện tất cả những hiểu biết ở trên lớp. Ví dụ : phải đối chiếu, so sánh giữa kinh nghiệm (hoạt động 1) và kiến thức khoa học (hoạt động 2) ; làm các bài báo cáo (powerpoint hay poster) về các kiến thức khoa học trong bài...

- Phương thức hoạt động : HS có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập, bài thực hành,... Trước hết, nên cho HS thực hiện hoạt động cá nhân để các em hiểu và biết được mình hiểu kiến thức như thế nào, có đóng góp gì vào hoạt động nhóm và xây dựng các hoạt động của tập thể lớp. Sau đó, cho HS hoạt động nhóm để trao đổi, chia sẻ kết quả mình làm được, thông qua đó các em có thể học tập lẫn nhau, tự sửa lỗi cho nhau, giúp cho quá trình học tập hiệu quả hơn. Kết thúc hoạt động này, HS sẽ trao đổi với GV để được bổ sung, uốn nắn những nội dung chưa đúng.

- Đánh giá : thông qua hoạt động này, đánh giá được kiến thức, kĩ năng, sự vận dụng kiến thức, kĩ năng vào bài tập cụ thể. Nếu HS chưa đạt, cần có kế hoạch bồi dưỡng thêm.

Ví dụ 1 : Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau :

1. Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và nêu nhận xét.

- Với yêu cầu này, GV cho HS làm việc cá nhân rồi báo cáo kết quả làm việc.

- Sau đó dựa trên sơ đồ đã được vẽ, HS nhận xét về tổ chức nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

2. Em hãy mô tả thành Cổ Loa và nêu nét độc đáo của thành.

Với việc mô tả thành Cổ Loa, GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ và những hình ảnh về thành Cổ Loa để mô tả. Sau đó, dựa vào việc mô tả để nêu nhận xét về những nét độc đáo của thành Cổ Loa.

3. Lập bảng thống kê về nước Văn Lang và nước Âu Lạc vào vở theo nội dung sau :

Nội dung	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Hoàn cảnh ra đời		
Tổ chức nhà nước		
Sự sụp đổ		

GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung kiến thức bài học để lập bảng thống kê về nước Văn Lang và Âu Lạc nhằm hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

Sau khi cá nhân làm việc, HS trao đổi nhóm để sửa lỗi sai, bổ sung hoàn thiện. Kết thúc hoạt động luyện tập với 3 yêu cầu trên, HS trao đổi với GV ; GV hướng dẫn HS bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện những nội dung chưa đúng.

Ví dụ 2 : Bài 17. Khí áp và các loại gió

Để giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được, tài liệu Hướng dẫn học yêu cầu HS vẽ hình tròn, trên hình tròn đó thể hiện được các vĩ độ 0^0 , 30^0 , 60^0 , 90^0 , việc xác định các vĩ độ giúp HS xác định được các đai khí áp ; HS xác định phạm vi hoạt động của các loại gió dựa vào các đai khí áp, sau đó HS dùng các kí hiệu mũi tên để biểu hiện hướng chuyển động của các loại gió đó. Hoạt động này được thực hiện cá nhân, mỗi cá nhân huy động kiến thức đã được học trong bài và hoàn thành bài tập, sau khi hoàn thành cá nhân, HS trao đổi so sánh kết quả với bạn bên cạnh để đánh giá sản phẩm của mình. Như vậy, việc hoàn thành bài tập luyện tập giúp cho HS nắm vững kiến thức, rèn luyện được kĩ năng và hình thành nội dung bài học thông qua biểu tượng địa lí.

4. Hoạt động vận dụng

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được nội dung bài học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. GV sẽ hướng dẫn HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần giúp HS gần gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một tình huống/vấn đề, HS có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

- Nội dung : Hoạt động vận dụng khác với hoạt động luyện tập. Hoạt động luyện tập là làm bài tập cụ thể do GV hoặc tài liệu Hướng dẫn học đặt ra, còn hoạt động vận dụng là HS tự đặt ra bài tập cho mình. Đây là hoạt động triển khai ở nhà, cộng đồng ; đồng viên, khuyến khích HS nghiên cứu, sáng tạo ; giúp các em gần gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương. HS có thể tự đặt ra bài tập cho mình, trao đổi, thảo luận với gia đình và cộng đồng để cùng giải quyết. Tài liệu cần nêu rõ các vấn đề cần phải giải quyết và yêu cầu HS phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau ; yêu cầu HS phải thể hiện năng lực thông qua trao đổi, thảo luận với các bạn trong lớp, với GV, gia đình và cộng đồng. Có một yếu tố quan trọng để giúp cho HS sáng tạo là các vấn đề đưa ra không chỉ gắn chặt với những gì đã học trên lớp mà còn là vấn đề của cộng đồng, xã hội.

- Phương thức hoạt động : HS được hướng dẫn hoạt động cá nhân và nhóm để trao đổi với các bạn về nội dung và kết quả về bài tập do mình đặt ra, sau đó thảo luận với GV. Đặc biệt cần lưu ý hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận với gia đình về những vấn đề cần giải quyết hoặc nêu những câu hỏi để các thành viên trong gia đình trả lời... Hoạt động với cộng đồng như tìm hiểu thêm về những vấn đề thực tiễn có liên quan đến nội dung bài học. Hoạt động với GV có thể là trao đổi những kết quả và yêu cầu đánh giá.

Ví dụ 1 : Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

GV yêu cầu HS làm bài tập phần vận dụng, nếu có thời gian thì làm ở trên lớp, nếu không còn thời gian hướng dẫn HS làm ở nhà hoặc ngoài lớp.

1. Em hiểu thế nào về câu nói của Bác Hồ :

*“Các vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.”*

Ở câu hỏi này, yêu cầu HS giải thích nội dung câu nói của Bác Hồ, thông qua đó nêu được trách nhiệm của người HS trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay.

2. Có phải nước Âu Lạc sụp đổ là do mất cảnh giác không ? Qua đó, em rút ra bài học gì đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước hiện nay ?

Yêu cầu HS đưa ra quan điểm khẳng định được nguyên nhân nước Âu Lạc sụp đổ là do mất cảnh giác và lí giải. Đồng thời, qua đó phải rút ra bài học lịch sử trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Ví dụ 2 : Bài 17. Khí áp và các loại gió

Để HS vận dụng kiến thức đã học được, hoạt động vận dụng yêu cầu HS trao đổi với người thân để cho biết nước ta nằm trong phạm vi hoạt động của loại gió nào ? Vì sao ? Trong hai ý của câu hỏi vừa có nhiệm vụ dành cho HS đại trà, vừa có nhiệm vụ nâng cao để phát huy tính sáng tạo của HS. Hoạt động này, HS trao đổi với người thân tạo ra sự gần gũi với gia đình, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Mục đích của hoạt động này là giúp HS không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. GV cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi, mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ

nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

- Nội dung : giao cho HS những nhiệm vụ bổ sung và hướng dẫn các em tìm các nguồn tài liệu khác để mở rộng kiến thức đã học, cung cấp cho HS các nguồn sách tham khảo và nguồn tài liệu trên mạng. Ngoài nội dung được giới thiệu trong tài liệu Hướng dẫn học, GV cũng có thể gợi ý để HS tự đề xuất vấn đề các em muốn tìm hiểu liên quan đến bài học và hỗ trợ các em về nguồn tài liệu, về cách thức thực hiện để có được sản phẩm cụ thể. Như vậy, sẽ tạo cho HS nhiều hứng thú học tập và khuyến khích các em ham tìm hiểu hơn. GV cần theo dõi, giúp đỡ HS trong quá trình thực hiện và kiểm tra kết quả làm việc của HS.

- Phương thức hoạt động : hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, đồng thời yêu cầu các em làm các bài trắc nghiệm đánh giá năng lực.

Ví dụ 1 : Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

GV hướng dẫn HS tìm tòi, mở rộng những kiến thức có liên quan đến bài học với các yêu cầu sau :

1. Em hãy sưu tầm hình ảnh và tư liệu về các di tích : Đền Hùng, thành Cổ Loa, các di sản có liên quan đến Hùng Vương và An Dương Vương.

Với yêu cầu này, GV hướng HS sưu tầm các hình ảnh, tư liệu trên internet, cuốn sách *Đại cương Lịch sử Việt Nam* (phần từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998,...

2. Tìm hiểu tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, di tích Đền Hùng, thành Cổ Loa.

Yêu cầu này, GV hướng dẫn HS đọc cuốn sách Phạm Bá Khiêm, *Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2013 ; tìm hiểu trang web : www.giaoducphothong.edu.vn.

Ví dụ 2 : Bài 17. Khí áp và các loại gió

Hãy tìm hiểu thêm thông tin về một trong những loại gió mà em đã học trong bài. Với hoạt động này, GV cho HS được tự chủ lựa chọn một loại gió để tìm hiểu hoặc chỉ tìm hiểu một nội dung nào đó của một loại gió (tìm hiểu về tên của một loại gió, phạm vi hoạt động, tính chất hoặc hướng gió thổi trong năm,...) không nhất thiết cả lớp cùng tìm hiểu về một loại gió, việc tìm hiểu thêm thông tin của một loại gió nhằm giúp HS mở rộng thêm những gì đã được học ở bài học. Trong quá trình thực hiện, HS có thể tranh thủ sự giúp đỡ của gia đình, người thân, bạn bè,... để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Những lưu ý

- Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của mỗi bài trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* đã được chỉ ra rất rõ qua các lô gô và các câu lệnh trước mỗi

hoạt động. GV căn cứ vào các lô gô và các câu lệnh trong tài liệu Hướng dẫn học để tổ chức dạy học cho HS. Tuy nhiên, khi tổ chức dạy học, GV cần phải linh hoạt thay đổi phương pháp và hình thức cho phù hợp với điều kiện trường, lớp học, đặc điểm của địa phương.

- Trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học chủ yếu được sử dụng nhằm phục vụ cho việc tự học của HS : phương pháp quan sát, đọc, tìm thông tin, phân tích, trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, thực hành, làm bài tập, điều tra, trò chơi học tập,... với các hình thức học cá nhân, cặp đôi, nhóm và cả lớp. Địa điểm học thường là ngay trong lớp học. Tuy nhiên, một nội dung học được HS tiếp tục tìm hiểu, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tế nên HS sẽ thực hiện tại gia đình hoặc trong cộng đồng, nơi các em sống. Đây chính là một trong những đặc trưng của mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở, được vận dụng phù hợp với việc học môn Khoa học xã hội 6. Trong mô hình này, vai trò của GV thường là người hướng dẫn, HS tự học dưới sự hướng dẫn của GV để chiếm lĩnh kiến thức, thực hành rèn luyện kĩ năng. HS thực sự đóng vai trò trung tâm của quá trình dạy học. Trong quá trình học tập, các em phải phát huy khả năng làm việc độc lập, tích cực của mình thì mới hoàn thành nhiệm vụ học tập và đạt mục tiêu của bài học.

- Trong mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở, các hoạt động trên lớp học hầu hết là hoạt động cá nhân, cặp đôi và nhóm. Hoạt động cả lớp do GV tổ chức được bố trí không nhiều. Vì vậy, công việc của GV chủ yếu là theo dõi, giám sát và trợ giúp khi HS có nhu cầu. GV cần thường xuyên quan tâm tới việc HS có hiểu được những chỉ dẫn trong tài liệu hay không, có thực hiện được đúng những yêu cầu trong tài liệu hay không, cần trợ giúp gì ? (làm rõ chỉ dẫn, hướng dẫn cách làm, giải thích thông tin hay cung cấp phương tiện/đồ dùng dạy học,...). Nếu cần phương tiện/đồ dùng học tập gì thì GV cần kiểm tra xem phương tiện/ đồ dùng đó có được trang bị trong góc học tập của lớp học hay không ? Nếu thiếu, GV cần chuẩn bị trước khi giờ học bắt đầu.

- Mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở chấp nhận tiến độ học tập khác nhau giữa các HS, nhóm HS.

- Phát huy vai trò của Hội đồng tự quản : Đây là một tổ chức của HS, do HS bầu ra ở từng lớp, dưới sự hướng dẫn của GV chủ nhiệm và cha mẹ HS để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính HS ; đồng thời quản lí, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó. Ví dụ : Hội đồng tự quản HS chuẩn bị và trực tiếp thực hiện các hoạt động sinh hoạt tập thể trong và ngoài giờ lên lớp ở lớp và ở trường ; hỗ trợ GV quản lí lớp học thông qua việc theo dõi, quản lí, sử dụng các công cụ hỗ trợ đang có trong lớp ; truyền đạt ý kiến phản ánh của HS trong lớp... Các hoạt động của Hội đồng tự quản giúp HS tham gia một cách dân chủ tích cực vào quá trình học tập và giáo dục HS. Hội đồng tự quản không làm thay công việc của GV.

- Căn cứ nội dung học tập, GV chỉ chốt kiến thức của nội dung đã học khi thấy việc chốt là cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động tiếp theo. Hình thức chốt kiến thức : GV nên hướng dẫn để HS tự chốt ; GV chỉ hỗ trợ trong trường hợp HS của cả lớp không thể chốt kiến thức.

- GV hướng dẫn HS lựa chọn nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và kết quả thảo luận để ghi tóm tắt vào vở theo cách diễn đạt của HS. Nói chung, GV không được đọc cho HS ghi bài, không yêu cầu HS chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu Hướng dẫn học. HS có thể ghi nháp, GV giúp HS hoàn thiện trước khi ghi vào vở.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá HS theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS ; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS ; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của HS Trung học cơ sở nhằm mục đích :

- HS tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác ; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình giáo dục.

- GV rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục ; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS.

- Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời, chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

- Cha mẹ HS hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ HS), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của HS ; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục HS.

2. Nội dung đánh giá

- Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục Trung học cơ sở theo từng môn học và hoạt động giáo dục.

- Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của HS.

- Đánh giá sự hình thành và phát triển một số năng lực của HS.

3. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện của HS, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có : GV, HS tự rút kinh nghiệm về nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp ; khuyến khích cha mẹ HS và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho HS, GV các hoạt động giáo dục của nhà trường.

a) Giáo viên đánh giá

*** Đánh giá quá trình học tập của HS**

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, GV tiến hành một số việc như sau :

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS/nhóm HS theo tiến trình dạy học ; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các HS ; những HS hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, GV lưu ý đến những HS có nhiệm vụ chưa hoàn thành, cần giúp đỡ kịp thời để HS biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, GV ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập,... của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết,...

*** Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS**

GV quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS ; từ đó động viên, khích lệ, giúp HS khắc phục khó khăn ; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng ; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

* Lưu ý

GV không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của HS ; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn HS, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như : những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS ; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ HS, GV cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lí, hoàn cảnh riêng,... của từng HS để có những nhận xét thoả đáng ; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp HS tự tin vươn lên ; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lí HS.

GV kịp thời trao đổi với cha mẹ HS và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

Hàng tháng, đối với những HS cần được quan tâm, GV ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của GV về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện ; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực ; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những HS chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

b) Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- HS tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình học tập hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác ; trao đổi với GV để được góp ý, hướng dẫn.

- HS tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục ; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

c) Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ HS được khuyến khích phối hợp với GV và nhà trường động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện ; được GV hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của HS ; trao đổi với GV bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ HS.

d) Các hình thức đánh giá quá trình có thể áp dụng

- Quan sát : thái độ, hành vi và mức độ hoàn thành công việc được yêu cầu.

- Kết hợp nhận xét các hoạt động học tập trong tiết học : trả lời câu hỏi, hoàn thành bài tập, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề,...

- Các bài kiểm tra nhanh : trả lời nhanh các câu hỏi, phiếu trắc nghiệm, kĩ thuật 3-2-1, kĩ thuật tia chớp, điền nhanh thông tin vào phiếu thăm dò,...

- Khi sử dụng đánh giá quá trình cần chú ý những yêu cầu sau :

+ Chia sẻ cho HS về những năng lực mà GV mong muốn HS sẽ hình thành được.

+ Phương pháp đánh giá và hình thức đánh giá phải phù hợp với nội dung học tập, mục tiêu của quá trình dạy học, năng lực và mức độ cần đạt được, phương pháp dạy học,... GV có thể thiết kế dự kiến kiểm tra, đánh giá trong một bài học bằng cách xác định các thành phần liên quan chính như sau :

Các thành phần liên quan trong quá trình kiểm tra đánh giá thường xuyên :

Nội dung học tập	Mục tiêu	Góp phần hình thành năng lực	Đầu ra	Phương pháp dạy học	Hình thức, đối tượng đánh giá và được đánh giá, thời điểm đánh giá, kết quả đánh giá
Chương trình Địa lí, Bài 17, mục 2 (Tìm hiểu gió và các hoàn lưu khí quyển)	Nêu được tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất : Tín phong, gió Tây ôn đới, gió Đông cực.	Sử dụng tranh ảnh, tư liệu địa lí.	- Biết cách xác định hướng thổi của các loại gió trên Trái Đất dựa vào hình trong tài liệu. - Liên kết giữa các hình trong tài liệu để xác định khu vực hoạt động của các loại gió trên Trái Đất.	- Đàm thoại. - Hướng dẫn HS khai thác tri thức qua hình và đoạn văn.	- Hình thức : + Quan sát tiến trình và mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, cặp đôi. + Dựa vào kết quả hoạt động HS thu được (bao gồm cả những cặp đôi không trình bày). - Đối tượng được đánh giá : cá nhân và cặp đôi. - Người đánh giá : GV và HS khác.

Nội dung học tập	Mục tiêu	Góp phần hình thành năng lực	Đầu ra	Phương pháp dạy học	Hình thức, đối tượng đánh giá và được đánh giá, thời điểm đánh giá, kết quả đánh giá
Chương trình Lịch sử, Bài 6. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	Biết được hoàn cảnh và sự ra đời của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.	Vẽ được sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. Mô tả được thành Cổ Loa.	- Rút ra được bài học cảnh giác trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Liên hệ kiến thức đã học hình thành ý thức bảo vệ các di tích Đền Hùng, thành Cổ Loa.	- Trao đổi đàm thoại, sử dụng đồ dùng trực quan. - Dạy học nêu vấn đề. - Các phương pháp dạy học khác : “khăn trải bàn”...	- Hình thức : + Quan sát tiến trình và mức độ hoàn thành công việc của các HS. + Dựa vào kết quả hoạt động của HS thông qua làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm. - Đối tượng được đánh giá : cá nhân, cặp đôi, nhóm.

+ Kết quả của đánh giá phải được lưu giữ và phân tích để làm cơ sở cho những thay đổi trong quá trình dạy học sau này.

Ví dụ : Thông qua hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ, GV sẽ nhận biết được cá nhân nào tham gia/không tham gia, thái độ tham gia tích cực/không tích cực, mức độ thực hiện công việc là biết làm/không biết làm/biết làm nhưng còn lúng túng để chỉnh sửa ngay trong khi hoạt động cặp đôi, nhóm đang diễn ra và nhận xét sau khi hoạt động của HS kết thúc. Với những sai lầm hoặc khó khăn HS hay mắc phải, GV phải uốn nắn và giải thích ngay. Dựa vào kết quả làm việc cặp đôi, nhóm, GV có thể nhận xét ngay tại lớp về mức độ hoàn thành công việc của các em. Những cặp đôi, nhóm chưa có cơ hội lên trình bày, GV phải nhận xét (bằng hình thức trực tiếp hoặc nhận xét gián tiếp) vào tiết sau.

GV nên tập hợp kết quả đánh giá HS qua các tiết học và lưu giữ như trong bảng dưới đây.

Ví dụ : Hình thức lưu giữ kết quả đánh giá HS ở từng lớp trong quá trình dạy môn Khoa học xã hội.

Bảng lưu giữ kết quả đánh giá HS lớp

Ghi nhận kết quả đánh giá theo từng tiết học

Tên bài học : Lớp : Ngày thực hiện :/...../.....

1. Giảng dạy

- Những điểm thành công :
- Những điểm chưa thành công :
- Cần lưu ý gì :

2. Học tập

- Đa số HS có đạt được những mục tiêu GV đề ra hay không ?
- Những HS có kết quả học tập tốt : Tên HS.....
- Những HS có kết quả học tập chưa tốt, lí do : Tên HS, Lí do :

đ) Một số kĩ thuật chính sử dụng trong đánh giá quá trình

*** Quan sát**

– Mục đích quan sát : để thu thập thông tin một cách trực diện, liên tục và có hệ thống nhằm giúp HS cải thiện kết quả học tập, giáo dục ; thu thập những thông tin về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, những khó khăn cần giúp đỡ kịp thời, những ưu điểm cần phát huy, nhược điểm cần giúp đỡ khắc phục ; biết được các hoạt động của HS/nhóm HS trong tương tác với bạn/nhóm bạn để tăng cường và cải thiện mối quan hệ hợp tác giữa các thành viên.

– Nội dung quan sát :

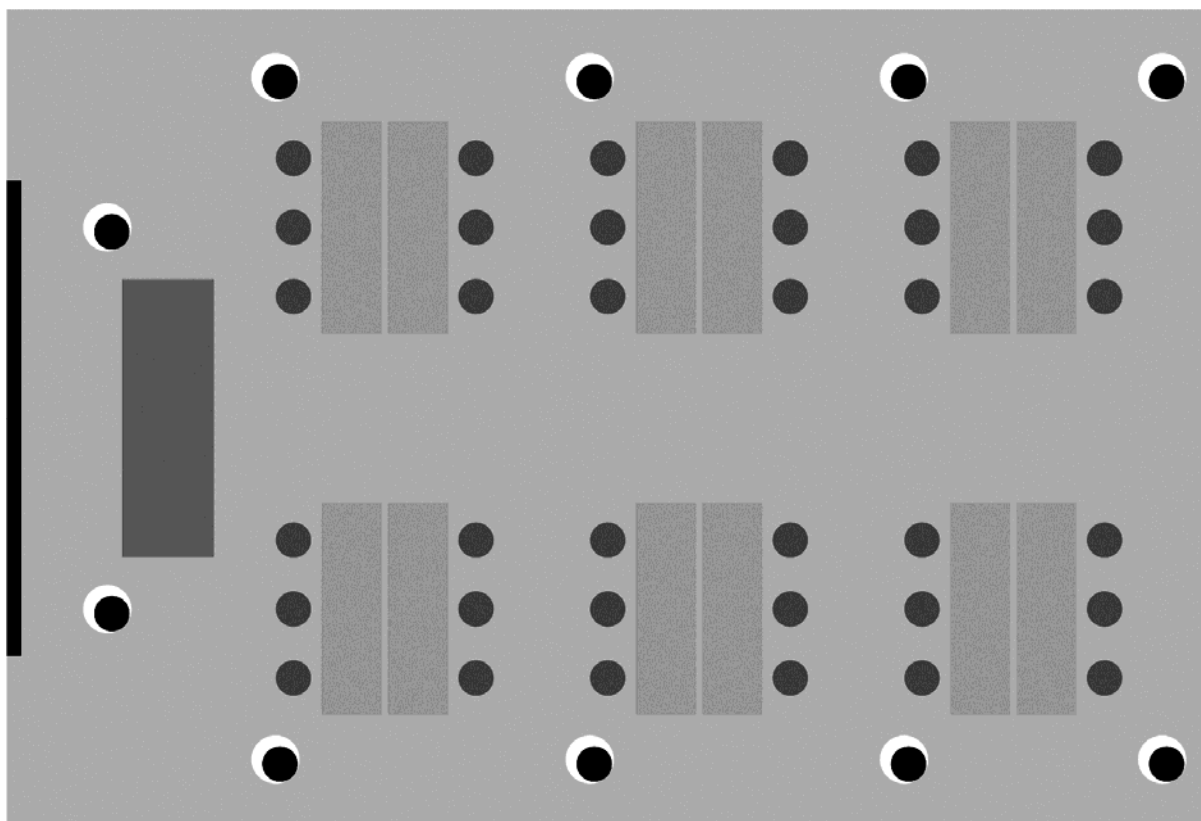
+ Hành vi của HS : Đặt trọng tâm quan sát vào các biểu hiện tâm lí, thái độ, hành vi trong các tình huống, hoạt động học tập cụ thể của HS : sắc thái, nét mặt, lời nói, hành động, cử chỉ, tương tác,... để đưa ra những nhận định về HS như đã hiểu nhiệm vụ chưa? HS học như thế nào ? Có chăm chú lắng nghe khi thảo luận không ? Có chú tâm vào việc thực hiện nhiệm vụ không ? Hoàn thành hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập ? HS gặp khó khăn gì ? Vì sao ? Cần thay đổi như thế nào để kết quả học tập tốt hơn ?...

Phản ứng khi nghe ý kiến nhận xét đánh giá của thầy/cô giáo, của các bạn, sự hợp tác với các bạn trong nhóm,...

+ Sản phẩm của HS : Mức độ hoàn thành theo yêu cầu của bài học.

– Thời điểm quan sát : Quan sát nhóm HS hoặc cá nhân HS trong mọi hoạt động, có thể thực hiện trong toàn thời gian của bài học.

– Vị trí quan sát : Vị trí quan sát thích hợp, kiểm soát được toàn bộ, không ảnh hưởng đến học tập của HS. Có thể tham khảo sơ đồ quan sát sau :



– Ví dụ nhận định qua quan sát :

+ Quan sát thấy nét mặt biểu lộ hoài nghi, ngờ ngác hoặc tư thế không bình thường, gục đầu xuống bàn, tay chống cằm lơ đãng,... có thể là dấu hiệu HS chưa thực sự hiểu nhiệm vụ và không tập trung giải quyết nhiệm vụ.

+ Khi HS nhìn thẳng, dõi theo GV, có cử chỉ muốn nói điều gì đó thì tùy từng tình huống có thể suy đoán là HS đã thực hiện xong nhiệm vụ và muốn được chuyển hoạt động tiếp theo hoặc muốn hỏi GV.

+ HS nào chưa sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ, chưa hợp tác với nhóm.

+ HS đã thực hiện xong, thực hiện đúng nhiệm vụ hoặc những điều HS còn cảm thấy chưa rõ, chưa yên tâm,...

– Ví dụ thực hiện kĩ thuật quan sát :

Để theo dõi một/nhóm HS thường bị chậm tiến độ khi thực hiện một hoạt động.
Cách quan sát như sau :

+ Khi giao nhiệm vụ cho cả lớp, GV quan sát xem HS đã sẵn sàng chuẩn bị cho việc thực hiện nhiệm vụ học tập (tài liệu, dụng cụ học tập,...) chưa ?

+ Đứng gần quan sát xem HS này đã tập trung vào việc học hay chưa ? Có thể HS đang làm việc riêng, hoặc còn chưa hiểu nhiệm vụ được giao.

+ Đến tận từng nhóm HS đang học để quan sát chung cả nhóm, xem HS nào đang gặp khó khăn hoặc cần sự giúp đỡ gì.

– Sử dụng kết quả và phản hồi sau khi quan sát :

Các thông tin có được từ quan sát là cơ sở để GV đưa ra các quyết định tác động, động viên, giúp đỡ kịp thời HS trong học tập. Sự can thiệp giúp đỡ có thể tiến hành ngay sau khi thu được thông tin quan sát, hoặc ghi lại trong Nhật kí đánh giá của GV để đưa ra quyết định giúp đỡ, can thiệp sau :

+ Kiểm tra nhanh

Kiểm tra nhanh nhằm xác định kịp thời hiện trạng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài học hoặc những ý tưởng sáng tạo của HS,...

Nội dung câu hỏi kiểm tra nhanh tập trung vào các kiến thức có trong bài hoặc các kiến thức cũ có liên quan. Tùy theo mục đích kiểm tra nhanh, nội dung và thời gian kiểm tra nhanh, GV quyết định số lượng câu hỏi cho phù hợp.

+ Phỏng vấn nhanh

Giúp GV khẳng định những nhận xét ban đầu qua quan sát về mức độ đạt được theo tiến độ bài học của HS. Nếu HS thực hiện nhiệm vụ chậm hơn tiến độ chung thì cần có ngay biện pháp can thiệp như hỗ trợ trực tiếp, nhờ nhóm bạn hỗ trợ để HS có thể đẩy nhanh tốc độ học. Nội dung câu hỏi phỏng vấn không chỉ hỏi về kiến thức mà còn hỏi về hướng xử lí một tình huống cụ thể, về thái độ của HS trước tình huống,...

+ Đánh giá sản phẩm của HS

Đánh giá mức độ hoàn thành của HS so với yêu cầu của mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra để đưa ra các tình huống xử lí thích hợp.

+ Tham khảo kết quả tự đánh giá và đánh giá của nhóm HS.

Dựa vào những nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của chính HS hoặc nhóm bạn học để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS. Tùy từng trường hợp mà GV có thể đánh giá để đưa ra giải pháp thích hợp.

Ví dụ : Khi HS phát biểu về một vấn đề, GV có thể đề nghị nhóm bạn cùng học hoặc bạn của nhóm khác có nhận xét về nội dung phát biểu đó. HS có thể đưa ra ý kiến bảo vệ quan điểm và cuối cùng, GV gợi ý để HS tự thống nhất những quan điểm chung về vấn đề đó hoặc để các em được bảo lưu các ý kiến khác nhau và coi đó là những nhiệm vụ cần tiếp tục tìm hiểu, giải quyết sau.

+ Tham khảo ý kiến đánh giá của cha mẹ HS

Ý kiến của cha mẹ HS luôn là nguồn thông tin để GV tham khảo trong đánh giá thường xuyên kết quả giáo dục của HS. Một số đặc điểm riêng của HS được cha mẹ HS cung cấp sẽ giúp cho GV đánh giá đầy đủ, chính xác và phối hợp tốt hơn với gia đình trong giáo dục HS.

e) Hướng dẫn ghi Nhật kí đánh giá của giáo viên

Ghi chép mô tả những biểu hiện nổi bật qua các hoạt động học tập, sinh hoạt ; những ý tưởng, hành vi, sáng kiến của HS ; các cách học và những điều HS ưa thích ; các mối quan hệ, ứng xử của HS đối với bạn bè, thầy/cô giáo, cộng đồng,... Việc ghi nhật kí của GV thường theo kế hoạch đã dự kiến trước nhưng cũng có thể ngoài kế hoạch dự kiến, cụ thể :

- Ghi nhật kí trong kế hoạch : Việc làm này có ý nghĩa rất quan trọng, vì thông qua nhật kí, GV biết được sự tiến bộ của từng HS trong suốt quá trình học. Tùy theo số lượng, nội dung bài học, GV chọn số lượng HS được ghi nhật kí. Tuy nhiên, có khuyến cáo đưa ra là mỗi HS phải được ghi nhật kí tối thiểu 2 lần/tháng. Còn những HS có những dấu hiệu bất thường về học tập như có nhiều tiến bộ vượt lên trong từng giờ học, học sút đi, không hợp tác nhóm,... thì cần được GV theo dõi thường xuyên để có những nhận định, giúp đỡ và điều chỉnh kịp thời.

+ Ghi nhật kí ngoài kế hoạch : Việc ghi nhật kí cho những HS không nằm trong kế hoạch dự kiến của GV nhưng trong giờ học, những em đó lại có những biểu hiện khác biệt so với thường ngày thì người GV cũng nên ghi vào nhật kí.

Ví dụ : ***Nhật kí giáo viên dạy môn Khoa học xã hội***

Môn : Khoa học xã hội Lớp : 6A1 GV môn học : Lê Thị A

Họ và tên HS	Ngày	Ghi chép
Nguyễn Văn A	13/9/2015	Rụt rè trong hoạt động nhóm.
	20/9/2015	Mạnh bạo hơn trong hoạt động nhóm.
		
	16/4/2016	Hoàn thành tốt các hoạt động học tập.
...		

Họ và tên HS	Ngày	Ghi chép
Phạm Thị B	20/9/2015	Học bài Bản đồ và cách sử dụng bản đồ tốt, sôi nổi, chủ động trong các hoạt động học tập.
		
	11/4/2016	Cùng nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập nhanh, chuẩn xác.
		

g) Hướng dẫn ghi Nhật kí tự đánh giá của học sinh

- Đánh giá của cá nhân HS

Ghi lại những điều ấn tượng, những điều muốn nói với bản thân, bạn bè, bố mẹ, thầy/cô giáo,... về khả năng học tập, sự tiến bộ, cảm nghĩ, điều tâm đắc, mong ước, những điều tin rằng mình sẽ làm được,...

Ví dụ :

Họ và tên : Nguyễn Thị Hương A

Lớp : 6D, Năm học 2015 – 2016

Ngày	Ghi chép
20/9/2015	Hôm nay mình làm được hết các câu hỏi trong bài Bản đồ và cách sử dụng bản đồ.
...	
4/11/2015	Tuần này nhóm mình không được khen. Tuần sau nhóm mình phải cố gắng để ngày nào cũng được cô khen.
10/11/2015	Mình thích nhất là được xem các hình ảnh trong bài Xã hội nguyên thủy. Xem các ảnh này em hiểu được một số hoạt động sinh hoạt, sản xuất của xã hội nguyên thủy.
...	
19/11/2015	Bài học lịch sử hôm nay chưa hiểu lắm, cô giáo phải giải thích cho mình nhiều lần mới làm được câu hỏi luyện tập.
....	
10/12/2015	Hôm nay mình quên tài liệu Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6 ở nhà.
...	
20/3/2016	Hôm nay, nhóm mình chiến thắng trong trò chơi đoán ô chữ của bài Không khí và các khối khí. Tuyệt vời !

- Đánh giá của nhóm

Trong hoạt động học tập, giáo dục các bạn trong nhóm góp ý về các câu trả lời, bài làm, tinh thần, thái độ,... cho mỗi cá nhân ; Nhật kí HS đã ghi lại những suy nghĩ, mong muốn của cá nhân để chia sẻ với các bạn. Trong các giờ sinh hoạt chung, nhóm cùng nhau bàn bạc về những kết quả đã đạt được trong tuần và tìm cách để có kết quả tốt hơn. Tài liệu hướng dẫn đánh giá đã trình bày cụ thể, GV vận dụng vào môn Khoa học xã hội.

h) Cách tiến hành đánh giá

– Phương pháp, kĩ thuật :

GV sử dụng các phương pháp, kĩ thuật (quan sát, kiểm tra nhanh, phỏng vấn, xem xét sản phẩm,...) để đưa ra nhận định về HS. Chú ý nhiều hơn đến HS ở các mức chưa hoàn thành, hoàn thành nhưng chưa đầy đủ.

Mỗi bài học, GV tập trung để ý nhiều hơn đến các vấn đề :

- + Tốc độ học bài, hoàn thành nhiệm vụ theo các hoạt động.
- + Mức độ hiểu biết về kiến thức bài học.
- + Khả năng thực hiện các thao tác, kĩ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu bài học.
- + Khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.
- + Khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào môn học khác và vào các hoạt động sống hằng ngày.

– Đưa ra nhận định :

Từ những thông tin thu được, đưa ra những nhận định cụ thể kèm theo những nguyên nhân và hướng hỗ trợ cho HS. Không cần ghi những biểu hiện tỉ mỉ, vụn vặt, chỉ ghi nhận định khái quát, phổ biến nhất, những điều đặc biệt cần lưu ý.

– Xử lí các tình huống :

Sử dụng kết quả đánh giá để thực hiện sự trợ giúp kịp thời và điều chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS phù hợp với các tình huống :

- + Còn nhiều thời gian : đưa ra một số yêu cầu cao hơn đối với các em có kết quả đúng, tốt, đạt yêu cầu. Những em có kết quả sai, chưa đạt yêu cầu thì được làm lại với sự trợ giúp bằng cách gợi ra nguyên nhân dẫn đến kết quả sai, chưa đạt yêu cầu để các em thực hiện lại đúng quy trình và đưa ra kết quả đúng.

+ Sắp hết thời gian : cho những HS hoàn thành và có kết quả đúng chuyển sang hoạt động tiếp theo. HS có kết quả sai, chưa đạt yêu cầu cùng với những HS chưa hoàn thành nhiệm vụ tiếp tục thực hiện hoạt động với sự trợ giúp của GV.

+ Hết thời gian : những HS hoàn thành mà kết quả sai hoặc chưa đạt thì chấp nhận sự khác nhau về thời gian và tốc độ học của HS, vẫn cho chuyển sang hoạt động tiếp theo. Tuy nhiên, cần ghi lại những nguyên nhân, biện pháp đã trợ giúp, tiếp tục hỗ trợ riêng HS hoàn thành nhiệm vụ và theo dõi thường xuyên để hỗ trợ kịp thời trong từng hoạt động và động viên những tiến bộ trong quá trình học tập tiếp theo của HS.

2. Hướng dẫn đánh giá định kì

a) Đặc điểm của đánh giá định kì theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở

Kết hợp với đánh giá quá trình, đánh giá định kì cần phải có những thay đổi để HS thực sự được đánh giá dựa trên năng lực, dựa trên những đặc trưng của môn Khoa học xã hội. Hai quá trình đánh giá này đồng thời có tác động tương hỗ lẫn nhau. Sau đây là một số yêu cầu đánh giá định kì đối với môn Khoa học xã hội :

- Đánh giá qua bài kiểm tra giữa học kì I và giữa học kì II nhằm giúp cho GV, HS và cha mẹ HS đánh giá được chất lượng học tập của HS ; không lấy điểm của các bài kiểm tra giữa học kì vào kết quả đánh giá cuối học kì I và cuối năm học.

- Đánh giá qua bài kiểm tra cuối học kì I và cuối năm học nhằm đánh giá kết quả học tập của HS ; điểm số mà HS đạt được trong các bài kiểm tra học kì I và cuối năm học được ghi nhận trong hồ sơ đánh giá HS.

- Đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận, trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu :

+ Nhận biết : HS nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.

+ Thông hiểu : HS diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh ; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

+ Vận dụng : HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

+ Vận dụng cao : HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn ; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

- Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với môn Khoa học xã hội phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

- Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của HS ở từng học kì, GV và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng HS và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hoá bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho HS. Nội dung nhận xét phải thoả đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lí HS ; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lí HS.

- Đối với HS có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), GV cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì có thể cho HS kiểm tra lại.

- Những yêu cầu khi xây dựng ma trận và đề kiểm tra đánh giá định kì :

+ Đánh giá được các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông, đánh giá được các năng lực chung, năng lực chuyên biệt. GV cần xác định rõ ràng mỗi câu hỏi sẽ hướng tới đánh giá năng lực nào và mức độ cần đạt được.

+ Chú trọng đánh giá dựa trên những tình huống gắn với thực tiễn. Việc chú trọng vào các tình huống thực tiễn sẽ làm cho quá trình đánh giá không quá tập trung vào đánh giá việc ghi nhớ và tái hiện kiến thức mà đòi hỏi HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đem thực tiễn để soi sáng lí thuyết.

- Kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá : bài kiểm tra cá nhân (trắc nghiệm, tự luận), đánh giá nhóm (bài tập nhóm, bài tập dự án).

Ví dụ 1 : Xây dựng một số câu hỏi kiểm tra, đánh giá nội dung bản đồ, kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí

Câu 1. Hãy cho biết :

- Kí hiệu bản đồ là gì. Nêu ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.
- Tỷ lệ bản đồ được biểu hiện ở mấy dạng.
- Thế nào là vĩ tuyến gốc, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam. Thế nào là kinh tuyến gốc, kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây.

Câu 2. Hoàn thành bảng dưới đây bằng cách sắp xếp các đối tượng biểu hiện sao cho phù hợp với các loại kí hiệu.

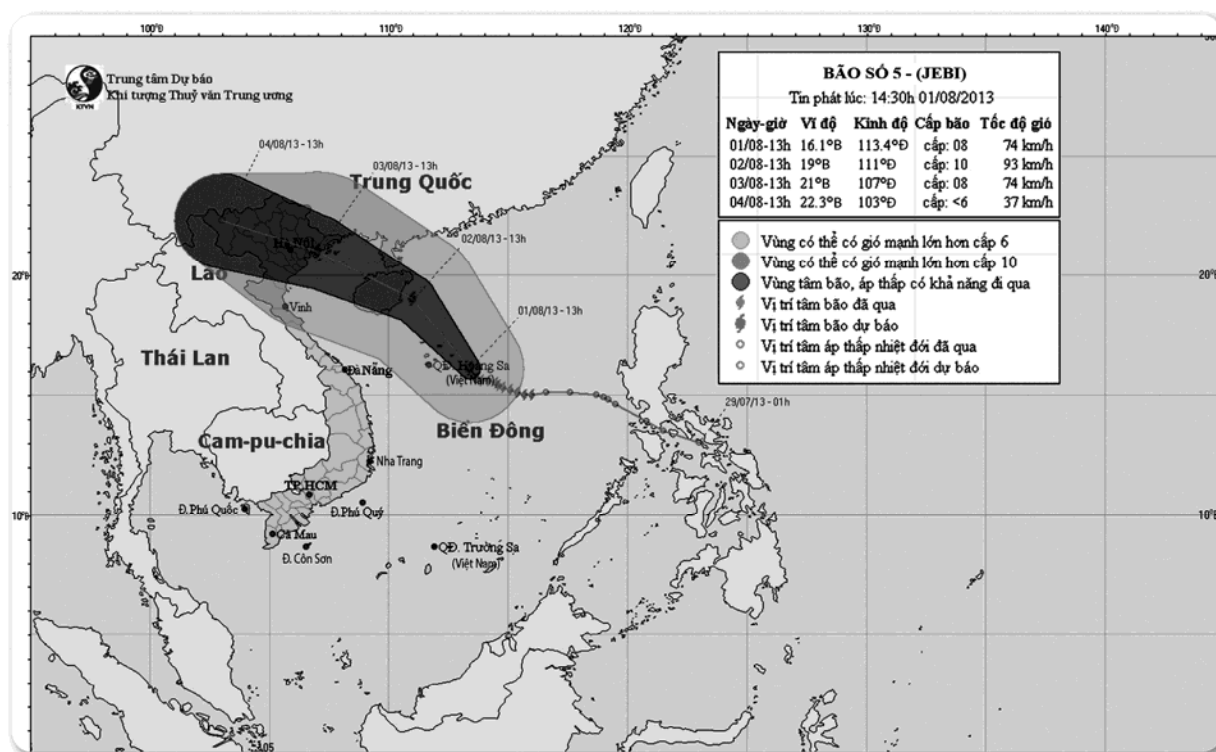
Kí hiệu	Đối tượng biểu hiện
	Sân bay
	Hải cảng
	Thành phố
	Thị xã
	Núi lửa
	Biên giới quốc gia
	Ranh giới tỉnh
	Đường ô tô
	Đường biển
	Đường ống dẫn dầu

Kí hiệu	Đối tượng biểu hiện
	Vùng trồng lúa
	Vùng trồng cỏ
	Vùng rừng
	Đầm lầy
	Bãi cát
	Di sản văn hoá thế giới
	Di tích lịch sử cách mạng, văn hoá, kiến trúc nghệ thuật
	Lễ hội truyền thống
	Làng nghề cổ truyền

Các loại kí hiệu	Đối tượng biểu hiện
Kí hiệu điểm	Sân bay,
Kí hiệu đường	
Kí hiệu diện tích	

Câu 3. Khoảng cách từ Hà Nội đến Hải Phòng là 105km. Trên một bản đồ Việt Nam, khoảng cách giữa hai thành phố đó đo được là 10,5cm. Vậy bản đồ đó có tỷ lệ bao nhiêu ?

Câu 4. Dựa vào lược đồ sau đây, hãy :



(Nguồn : Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương)

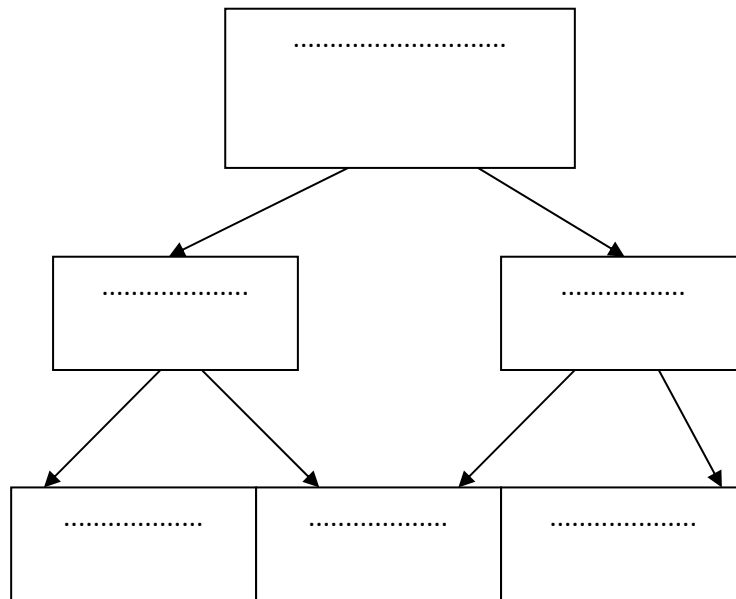
– Xác định hướng di chuyển của cơn bão lúc 13 giờ ngày 1 tháng 8 đến 13 giờ ngày 4 tháng 8 năm 2013.

– Viết toạ độ của cơn bão lúc 13 giờ các ngày 1 tháng 8 và ngày 4 tháng 8 năm 2013.

Ví dụ 2 : Xây dựng một số câu hỏi kiểm tra, đánh giá nội dung Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc

Câu 1. Điền thông tin sau vào ô trống để hoàn thành sơ đồ tổ chức của Nhà nước Văn Lang :

- Hùng Vương Lạc hầu – Lạc tướng (Trung ương)
- Lạc tướng (bộ)
- Bồ chính (chiềng, chạ)



Câu 2. Em hãy mô tả thành Cổ Loa, nêu nét độc đáo của quần thành này. Qua đó, em có suy nghĩ gì về ý thức gìn giữ và bảo vệ di tích này ?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Chọn và viết các ý dưới đây vào hai cột trong bảng cho thích hợp :

- Thể chế chính trị quân chủ, do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành.
- Thế kỉ II, trên cơ sở hợp nhất bộ lạc Dừa với bộ lạc Cau ở phía nam, cùng với việc tấn công các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ - về phía bắc đến Hoàng Sơn, phía nam đến Phan Rang, nước Cham-pa đã ra đời.
- Nguồn sống chủ yếu của họ là nông nghiệp trồng lúa nước. Nghề khai thác lâm thổ sản (trầm hương, ngà voi, sừng tê...), làm đồ gốm khá phát triển. Cư dân sống ven biển, ven sông có nghề đánh cá. Trao đổi, buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc, Ấn Độ. Một số lái buôn người Chăm còn kiêm nghề cướp biển và buôn bán nô lệ.
- Có chữ viết riêng, bắt nguồn từ chữ Phạn của người Ấn Độ. Nhân dân Chăm theo đạo Bà La Môn và đạo Phật. Có tục hỏa táng người chết.
- Trên cơ sở nền văn hoá Óc Eo, nước Phù Nam của cư dân cổ Nam Á và Nam Đảo sống trên đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành vào khoảng thế kỉ I.

- Cư dân làm nghề nông trồng lúa (ngoài ra còn trồng cây ăn quả và cây lương thực khác), chăn nuôi (trâu, lợn, voi, ngựa...). Thủ công nghiệp rất phát triển, gồm nhiều ngành nghề : gốm, luyện kim (đồng, sắt, thiếc), nghề kim hoàn gắn liền với ngoại thương đường biển.

- Phật giáo và Hindu giáo được sùng tín. Nghệ thuật xây dựng, kiến trúc, ca, múa, nhạc khá phát triển.

Nội dung	Nước Cham-pa	Nước Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thể chế chính trị		
Tình hình kinh tế, văn hoá, tín ngưỡng		

b) Xây dựng ma trận và đề kiểm tra định kì

Việc xây dựng ma trận và đề kiểm tra được thực hiện theo Công văn số 8773/BGD&ĐT-GDTrH, ma trận cần thể hiện được kiến thức, kĩ năng và đánh giá theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông, đánh giá các phẩm chất, năng lực HS được hình thành trong quá trình học tập. Trên cơ sở đó, xây dựng bộ công cụ đánh giá : câu hỏi, bài tập, tình huống,...

Ví dụ 1 : ĐỀ KIỂM TRA MINH HOẠ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 6

(Thời gian : 90 phút)

1. Ma trận đề kiểm tra

Mức độ nhận thức \ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Trái Đất, hình dạng, kích thước của Trái Đất	Xác định được hai cực, trục Trái Đất, đường Xích đạo, các nửa cầu trên Trái Đất.			
10% = 1,0 điểm	1,0 điểm			
Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả		Trình bày được hệ quả chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.		Hiểu được ý nghĩa của sự phân chia Trái Đất ra 24 khu vực giờ.
40% = 4,0 điểm		2,0 điểm		2,0 điểm

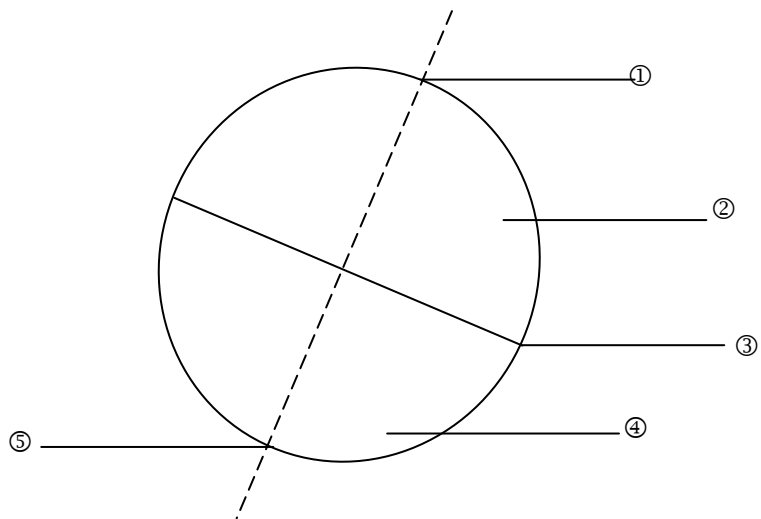
Xã hội nguyên thủy		Lí giải được nguyên nhân xã hội nguyên thủy tan rã.	Lập được bảng thống kê sự phát triển từ Vượn cổ thành Người tinh khôn.	
30% = 3,0 điểm		2,0 điểm	1,0 điểm	
Văn hoá cổ đại	Nêu được các thành tựu văn hoá cổ đại.			Nhận xét về một thành tựu văn hoá.
20% = 2,0 điểm	1,0 điểm			1,0 điểm
TSD : 10 điểm = 100%	20% = 2,0 điểm	40% = 4,0 điểm	10% = 1,0 điểm	30% = 3,0 điểm

2. Đề kiểm tra

Câu 1. (1,0 điểm)

Cho hình tượng trưng Trái Đất dưới đây, em hãy chú giải cho hình vẽ.

- ①
- ②
- ③
- ④
- ⑤

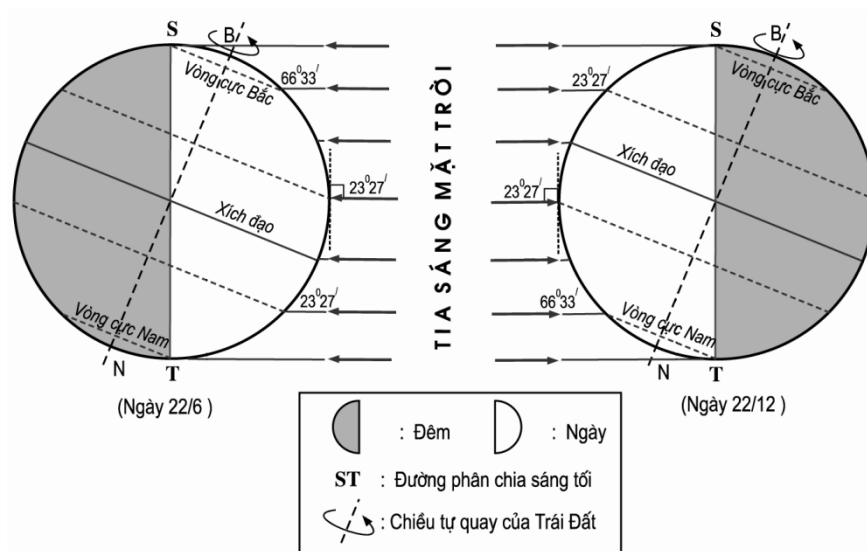


Câu 2. (2,0 điểm)

Sự phân chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực giờ có thuận lợi gì về mặt sinh hoạt và đời sống ?

Câu 3. (2,0 điểm)

Quan sát hình vẽ dưới đây :



Em hãy cho biết :

- Ngày 22 - 6 nửa cầu nào sẽ được chiếu sáng nhiều hơn ? Lượng nhiệt, ánh sáng và độ dài ngày, đêm ở nửa cầu đó như thế nào ?

- Ngày 22 - 12 nửa cầu nào sẽ được chiếu sáng nhiều hơn ? Lượng nhiệt, ánh sáng và độ dài ngày, đêm ở nửa cầu đó như thế nào ?

- Tại Xích đạo thì độ dài ngày, đêm như thế nào ?

- Độ dài ngày, đêm ở vĩ tuyến $66^{\circ}33'$ Bắc và Nam vào các ngày 22-6 và 22-12.

Câu 4. (1,0 điểm)

Lập bảng thống kê sự phát triển từ Vượn cổ thành Người tinh khôn theo yêu cầu sau :

Nội dung	Vượn cổ	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian			
Hình dáng			
Thế tích não			

Câu 5. (2,0 điểm)

Tại sao xã hội nguyên thủy tan rã ?

Câu 6. (2,0 điểm)

Nêu thành tựu văn hoá cổ đại. Trong các thành tựu đó, em ấn tượng nhất thành tựu nào ? Tại sao ?

Ví dụ 2 : ĐỀ KIỂM TRA MINH HOẠ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 6

(Thời gian : 90 phút)

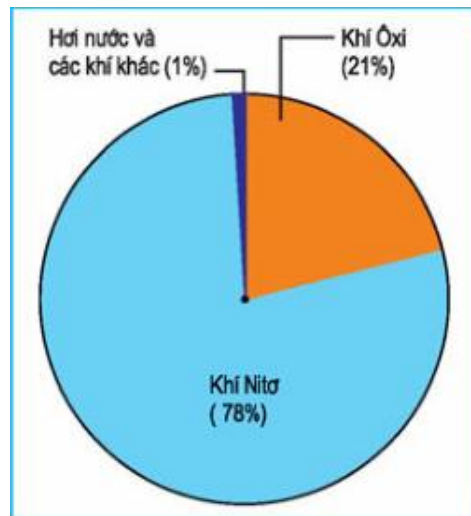
1. Ma trận đề kiểm tra

Mức độ nhận thức \ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
- Không khí và các khối khí - Thời tiết, khí hậu và một số yếu tố của khí hậu			Quan sát biểu đồ để nhận biết được thành phần của không khí và tỉ lệ của mỗi thành phần trong lớp vỏ khí.	So sánh được sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu.
20% = 2,0 điểm			1,0 điểm	1,0 điểm
Nước trên Trái Đất	Biết được độ muối của nước biển và đại dương.	Nguyên nhân làm cho độ muối của các biển và đại dương không giống nhau.		
30% = 3,0 điểm	1,0 điểm	2,0 điểm		
Cham-pa và Phù Nam	Nêu được các ngành kinh tế chính của cư dân Cham-pa.		Lập được bảng thống kê những nội dung cơ bản của nhà nước Cham-pa và Phù Nam .	
20% = 2,0 điểm	1,0 điểm		1,0 điểm	
Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta (179TCN – thế kỉ X)		Lí giải được hậu quả của các chính sách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta.		Nhận xét được những phong tục tập quán của người Việt được nhân dân ta gìn giữ và phát huy trong thời kì Bắc thuộc như thế nào ?
30% = 3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm
TSD : 10 điểm = 100%	20% = 2,0 điểm	40% = 4,0 điểm	20% = 2,0 điểm	20% = 2,0 điểm

2. Đề kiểm tra

Câu 1. (1,0 điểm)

Dựa vào hình dưới đây hãy cho biết :



- Không khí gồm có những thành phần nào ?
- Mỗi thành phần không khí chiếm tỉ lệ bao nhiêu ?

Câu 2. (1,0 điểm)

Hãy cho biết sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu ?

Câu 3. (3,0 điểm)

Độ muối trung bình của nước biển và các đại dương là bao nhiêu ? Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau ?

Câu 4. (2,0 điểm)

Em hãy :

a) Nêu các ngành kinh tế chính của cư dân Cham-pa.

b) Lập bảng thống kê về nhà nước Cham-pa và Phù Nam theo những yêu cầu sau :

Nội dung	Cham-pa	Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thể chế chính trị		
Thành tựu văn hóa		

Câu 5. (3,0 điểm)

Những chính sách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc đã để lại hậu quả ra sao Theo em, những phong tục tập quán của người Việt được nhân dân ta gìn giữ và phát huy như thế nào trong thời kì đó ?

Phần hai

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CÁC BÀI HỌC VÀ BÀI MINH HOẠ

BÀI HỌC LIÊN MÔN

Trong tổng số 21 bài học của tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*, có 3 bài (bài 1, 2 và bài 21) được xây dựng trên ý tưởng kết hợp kiến thức, kĩ năng chung của phân môn Lịch sử và Địa lí vào trong một bài học.

BÀI 1. TÌM HIỂU MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Mục tiêu của bài học nhằm giúp HS tìm hiểu về nội dung và cách học môn Khoa học xã hội. Biết phát huy và kế thừa phương pháp tự học mà HS có được từ Tiểu học, bài học này làm rõ hơn lí do và vai trò của việc tự học, từ đó gợi ý cho HS định hướng cách học môn học này. HS cũng sẽ được tìm hiểu cấu trúc nội dung của môn Khoa học xã hội bằng cách khai thác tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* và trình bày kết quả theo gợi ý sơ đồ trong tài liệu. Ngoài ra, HS còn có nhiệm vụ tự lập kế hoạch học tập môn học, một hoạt động thể hiện rõ khả năng tự học của các em.

2. Về nội dung

Bài học được trình bày theo cấu trúc chung với 5 hoạt động : Hoạt động khởi động – liên hệ với những hiểu biết về lịch sử, địa lí của HS ở nơi sinh sống, chia sẻ với các bạn trong nhóm, tạo không khí hoạt động tích cực để dẫn vào môn học ; Hoạt động hình thành kiến thức - đề cập tới cấu trúc và vai trò cơ bản của môn Khoa học xã hội, phương pháp học tập môn Khoa học xã hội, trong đó, nhấn mạnh đến vấn đề tự học ; Hoạt động luyện tập và Hoạt động vận dụng với nội dung xây dựng sơ đồ các bài học trong môn Khoa học xã hội và lựa chọn phương pháp học tập cho cá nhân ; Hoạt động tìm tòi mở rộng - yêu cầu HS thể hiện rõ cách tự học của mình qua việc tự lập kế hoạch tự học ở nhà môn Khoa học xã hội trong từng tuần của năm học.

Điểm lưu ý ở bài học này là HS trình bày được các loại bài học : liên môn, Lịch sử, Địa lí, tên các bài học và trình bày được cách học, hình thức học tập mà các em thấy hiệu quả. GV cũng cần kiểm tra kết quả lập kế hoạch tự học tập của HS.

Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học : HS phải tự tìm tòi, khám phá và lựa chọn cách tự học phù hợp với phong cách học của cá nhân. Tuy nhiên, GV cần lưu ý HS thực hiện theo những yêu cầu về tổ chức tự học mà tài liệu đưa ra, đảm bảo đạt

được mục tiêu của bài học với sản phẩm đã được xác định rõ, là bản kế hoạch học tập của HS.

BÀI 2. BẢN ĐỒ VÀ CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

1. Về mục tiêu

Bài học được xây dựng chủ yếu trên các kiến thức, kĩ năng thuộc phân môn Địa lí. Tuy nhiên, trong phân môn Lịch sử cũng có khá nhiều bản đồ được sử dụng và HS cũng cần được rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ. Mục tiêu của bài học giúp cho HS biết được khái niệm về bản đồ ; tỉ lệ bản đồ ; các cách thể hiện đối tượng địa lí, lịch sử trên bản đồ và quan trọng hơn cả là biết cách đọc và sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống.

2. Về nội dung

– Bài 2 bao gồm một số nội dung của các bài : 2, 3 và 5 trong SGK Địa lí 6 hiện hành ; trật tự các nội dung trong bài học lần lượt theo nội dung từ bài 2, 3 đến bài 5, song có sự điều chỉnh một số nội dung giữa các hoạt động cho phù hợp. Cụ thể :

+ Bài 2 trong SGK Địa lí 6 hiện hành đã được giảm tải, vì vậy chỉ có khái niệm bản đồ được đưa vào trong bài này.

+ Lược bớt ý a và b của mục 2, bài 3 trong SGK Địa lí 6 hiện hành và đưa một phần nội dung của mục 2 vào hoạt động thực hành của bài học này.

+ Thêm nội dung về cách sử dụng bản đồ nhằm rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ trong học tập Lịch sử và Địa lí và trong đời sống.

Bài 2 là bài học liên môn Lịch sử và Địa lí, nên có thêm bản đồ lịch sử ở hoạt động luyện tập (Bản đồ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40) ; bổ sung thêm một số loại và dạng kí hiệu lịch sử trong mục kí hiệu bản đồ.

Nội dung của bài học gồm 3 đơn vị kiến thức :

+ Tìm hiểu về bản đồ và tỉ lệ bản đồ : khái niệm bản đồ, ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ và hai dạng thể hiện của tỉ lệ bản đồ.

+ Nhận biết kí hiệu bản đồ : một số loại và dạng kí hiệu thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí và lịch sử trên bản đồ.

+ Tìm hiểu cách sử dụng bản đồ.

3. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học bài học này chủ yếu là GV tổ chức và hướng dẫn HS làm việc cá nhân, cặp đôi và nhóm, nhằm giúp HS tự lực tiếp thu kiến thức, rèn luyện kĩ năng qua việc khai thác nội dung bài học từ các bản đồ, hình vẽ, các bảng thống kê và các đoạn thông tin. GV là người giúp HS tháo gỡ khó khăn, giải đáp thắc mắc khi HS tiếp cận các nguồn kiến thức, đồng thời GV còn có trách nhiệm chuẩn xác và chốt kiến thức sau các phần trình bày, báo cáo của HS.

BÀI 21. TÌM HIỂU QUÊ HƯƠNG EM

1. Về mục tiêu

Sau khi HS đã có được những kiến thức về lịch sử và địa lí, các em sẽ vận dụng để tìm hiểu những hiện tượng địa lí, lịch sử ở ngay địa phương mình. HS được hướng dẫn thực hiện việc điều tra, thu thập, xử lí thông tin và trình bày kết quả làm việc theo nhóm. Như vậy, cách làm việc cá nhân, nhóm cũng được vận dụng để hoàn thành bài tập.

Yêu cầu kết quả sản phẩm không cần quá cao. Mỗi nhóm HS chỉ cần thực hiện 1 trong 3 nội dung và kết quả báo cáo được trình bày cũng theo nhóm. Tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* hướng dẫn HS lần lượt tìm thông tin và ghi kết quả cho từng nội dung chi tiết. Tổng hợp kết quả của 3 nhóm, mỗi HS sẽ có báo cáo đầy đủ về địa phương mình.

2. Về nội dung

Bài học đề cập tới 3 nội dung sau :

– Nội dung 1 : Tên địa phương, vị trí, điều kiện địa lí của địa phương, HS đang sống hiện nay và tên mà địa phương đã từng có trong quá khứ.

Với nội dung này, HS cần : nêu được tên xã/phường nơi mình sống ; tìm hiểu trước đây xã/phường có tên nào khác không, nếu có thì tên là gì. Nếu biết nguồn gốc của tên xã/phường hiện có và lí do thay đổi tên thì càng tốt.

Về vị trí địa lí : HS cần biết xã/phường giáp những xã phường nào. Nếu xác định được các xã/phường lân cận giáp ở phía nào thì càng tốt.

Về điều kiện địa lí : HS mô tả được xã/phường có dạng địa hình nào là chủ yếu (vùng núi, trung du hay đồng bằng ; nếu có tên của khu vực địa hình đó thì càng tốt), có sông hồ không, tên của chúng. Khí hậu của địa phương như thế nào ? (mùa đông, mùa hè hoặc mùa mưa, mùa khô ; nếu có được nhiệt độ, lượng mưa cả năm, theo mùa thì càng tốt). Địa phương có loại đất nào là chủ yếu. Địa phương có rừng không, sinh vật (các loại cây, con) có phong phú không ? (nếu HS ở thành phố, không cần mô tả 2 yếu tố này). Khi mô tả những yếu tố của điều kiện tự nhiên, nên lưu ý HS có nhận xét về vai trò, tác dụng của chúng đối với đời sống của con người ở địa phương.

– Nội dung 2 : Một số nghề của địa phương, những thuận lợi và khó khăn hiện nay đối với các nghề, quá trình phát triển của một số nghề đó.

HS cần kể được tên các nghề ở địa phương (trồng cây gì, nuôi con gì, tên các nghề thủ công và sản phẩm của chúng). Ở đây nên mở rộng tới cả các ngành của sản xuất công nghiệp (ví dụ : một số địa phương có nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, có xí nghiệp dệt,...). HS mô tả được những ngành, nghề đó dựa vào đâu để phát triển (có điều kiện về đất, nước, khí hậu ; có nguyên vật liệu, có nguồn lao động) và cho ra những sản phẩm gì (lương thực, thực phẩm, quần áo,...).

Về quá trình phát triển nghề ở địa phương : HS biết được nghề đó có từ bao giờ. Không nhất thiết phải nêu rõ số năm, có thể mô tả đã có từ lâu đời hoặc gần đây mới có. Chú ý đến mức độ phát triển, ví dụ : trước đây rất phát triển, nhưng gần đây sản xuất thu nhỏ do không có nguyên vật liệu, do gây ô nhiễm môi trường, do không bán được hàng,... Đối với HS lớp 6, chỉ cần các em nhận xét về sự thay đổi, chưa cần nêu nguyên nhân cũng như hậu quả của nó.

Về những thuận lợi và khó khăn đối với sản xuất, GV gợi ý HS liên hệ chủ yếu tới điều kiện tự nhiên (ví dụ : có đất màu mỡ, sẵn nước để trồng lúa, có rừng mây, tre để phát triển nghề thủ công,...) vì kiến thức về điều kiện xã hội và kinh tế của HS còn hạn chế nên chưa yêu cầu các em nhận xét sự tác động của những yếu tố này đến sự phát triển nghề ở địa phương. Song, nếu các em nêu được tác động của nguồn lực lao động, lao động có chất lượng,... thì càng tốt.

– Nội dung 3 : Di tích lịch sử, di tích văn hoá và lễ hội ở địa phương của HS.

HS nêu được tên các di tích lịch sử, văn hoá (và có thể cả tự nhiên) ở địa phương, vị trí của những di tích này ; nêu được tên của các lễ hội. HS cần mô tả chi tiết về chúng. Ví dụ, về các di tích lịch sử, văn hoá, tự nhiên : mô tả hình dạng, cách bố trí, sự ra đời và việc tôn tạo, bảo vệ chúng ; về các lễ hội : thời gian, địa điểm, cách tổ chức, người tham gia. GV lưu ý HS tìm hiểu ý nghĩa của những di tích, lễ hội này đối với đời sống người dân ở địa phương.

3. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Bài học có 3 nội dung như đã nêu ở phần trên. Sau khi cho HS đọc và nhận biết mục tiêu, nội dung của bài học, GV cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung để tìm hiểu. Những em có cùng ý tưởng về nội dung được tập hợp trong một nhóm. Nên chia lớp thành 3 nhóm có số HS bằng nhau. Nếu có sự chênh lệch, GV nên tư vấn để HS điều chỉnh nhóm. Hoạt động chia nhóm nên giao cho Hội đồng tự quản của lớp thực hiện, song GV yêu cầu HS giải quyết nhanh. Nếu số HS trong lớp quá đông (trên 40 HS), GV nên yêu cầu HS chia thành 6 nhóm để hai nhóm cùng thực hiện đồng thời 1 nội dung. Cách tổ chức này cũng có ưu việt, HS của nhóm cùng nhiệm vụ sẽ thi đua nhau thực hiện tốt nhiệm vụ và từng thành viên trong mỗi nhóm có nhiệm vụ rõ ràng để thực hiện, HS không dựa vào bạn.

Tài liệu đã trình bày khá kĩ nội dung chi tiết HS cần tìm hiểu. Tuy nhiên, có thể HS chưa hiểu ý tưởng của bảng gợi ý. GV nên hướng dẫn HS phân công các bạn trong nhóm thực hiện các công việc cụ thể ; gợi ý từng loại thông tin nên tìm ở đâu và cách thu thập thông tin. Ví dụ, về tên địa phương, phân công cho bạn A và B, đề nghị các em về nhà hỏi ông/bà, cha/mẹ ; từ ông/bà, cha/mẹ, có thể hỏi tiếp ai trong địa phương biết về vấn đề này ; các em cần ghi chép lại kết quả điều tra. Ở một số nội dung, GV nên yêu cầu HS có sản phẩm cụ thể (ví dụ, về sản phẩm của một nghề thủ công).

Kết quả các nhóm thu thập được có thể tổ chức thành cuộc triển lãm nhỏ trong lớp. Cách trình bày báo cáo nên đa dạng, có thể gồm báo cáo viết, tranh vẽ (ví dụ, mô tả cảnh quan tự nhiên của địa phương) ; sản phẩm thực của một nghề ở địa phương,... Đại diện các nhóm cần được trình bày báo cáo và các bạn ở các nhóm phải ghi chép lại báo cáo của nhóm bạn để cuối cùng mỗi em đều có một báo cáo về quê hương của mình.

Công việc này không thể thực hiện trong thời gian ngắn, nên GV cần hướng dẫn cho HS bắt đầu công việc chọn nội dung, tạo nhóm phân công thành viên và tiến hành công việc tìm tư liệu từ trước 3 tuần. Các tuần tiếp theo HS tổng hợp thông tin, phân tích và viết báo cáo. Đến thời điểm học bài này, HS trình bày sản phẩm và hoàn tất báo cáo về địa phương qua tổng hợp các báo cáo của nhóm bạn vào báo cáo của nhóm mình. Kế hoạch tìm hiểu quê hương có thể triển khai như sau :

Thứ tự	Thời gian	Công việc	Sản phẩm	Trách nhiệm
1	Tuần thứ nhất	- HS chọn nội dung. - Tạo nhóm. - Phân công việc cho thành viên. - Thành viên nhận biết nhiệm vụ, cách làm. - Thành viên thực hiện nhiệm vụ (chủ yếu thu thập thông tin).	- Đăng kí chọn nội dung của HS. - Lớp có 3/6 nhóm - danh sách từng nhóm. - Thành viên chấp nhận nhiệm vụ (xem thêm phụ lục dưới đây). - Báo cáo cá nhân theo nhiệm vụ được phân công. - Các ghi chép thô từ tìm hiểu thực tế.	- GV và Hội đồng tự quản lớp. - Nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm.
2	Tuần thứ hai	- Thành viên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ : + Thu thập thông tin, + Xử lí thông tin, + Thu thập hiện vật.	- Tổng hợp các ghi chép thô. - Trao đổi, xử lí thông tin trong nhóm. - Báo cáo tổng hợp kết quả của các thành viên.	Nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm.

Thứ tự	Thời gian	Công việc	Sản phẩm	Trách nhiệm
3	Tuần thứ ba	- Kiểm tra lại kết quả, so sánh với nhiệm vụ được giao. - Hoàn tất sản phẩm (báo cáo viết, vẽ ; hiện vật). - Chuẩn bị sản phẩm để trình bày trước lớp.	- Báo cáo nhóm : bài viết, ảnh chụp (nếu có), tranh vẽ, bài trình bày trên powerpoint (nếu có). - Hiện vật.	Nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm.
4	Ngày trình bày (ngày cuối của tuần thứ 3 - thời điểm bố trí thực hiện bài học Tìm hiểu quê hương em)	- Trình bày sản phẩm trên vị trí được bố trí. - Đại diện nhóm báo cáo, nhóm bạn bình luận. - Các thành viên nhóm khác ghi chép, bổ sung nội dung của nhóm bạn trong vở ghi của cá nhân.	- Sản phẩm của nhóm (trình bày đủ nội dung, đẹp, hấp dẫn, hình thức phong phú). - Bài ghi đầy đủ 3 nội dung tìm hiểu về quê hương của mỗi cá nhân.	GV và Hội đồng tự quản, các nhóm trưởng.

PHỤ LỤC

Bảng phân công nhiệm vụ của thành viên trong nhóm (ví dụ nhóm 1)

Nhóm	Thành viên	Công việc	Ghi chú
1	- Nhóm trưởng. - Bạn A. - Bạn B. - Bạn C. - Bạn D. - Bạn E.	- Điều hành nhóm ; tìm thông tin về tên địa phương. - Tìm thông tin về vị trí địa lí. - Tìm thông tin về địa hình. - Tìm thông tin về thời tiết, khí hậu. - Tìm thông tin về sông, hồ. - Tìm thông tin về đất và thực, động vật.	- Tùy số lượng thành viên trong nhóm và công việc để phân công cho phù hợp. - Có thể bố trí thành nhóm 2 - 3 HS để cùng nhau đi tìm các thông tin.

BÀI HỌC LỊCH SỬ

I. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC LỊCH SỬ

1. Quan hệ giữa nội dung tài liệu Hướng dẫn học và phương pháp giảng dạy

Theo tinh thần đổi mới của tài liệu Hướng dẫn học, vấn đề phát huy, rèn luyện kĩ năng và năng lực tư duy độc lập của HS, không được sử dụng trong giảng dạy đang trở thành một yêu cầu bức thiết. Vì vậy, nội dung chủ yếu được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học là sự kiện lịch sử, quan hệ giữa các sự kiện, tính liên tục của các sự kiện trong tiến trình lịch sử. Hơn nữa, phần lịch sử ở lớp 6 vừa mang tính cụ thể vừa mang tính khái quát, hệ thống. Tuy nhiên, mục tiêu đặt ra không phải chỉ là học ghi nhớ cụ thể, chi tiết hay khái quát về quá khứ, về xã hội nguyên thủy, về xã hội cổ đại, chuẩn bị cho việc học tập một cách đầy đủ và sâu rộng phần lịch sử thời trung đại, cận - hiện đại ở các lớp 7, 8, 9 mà vừa có tính chất ôn tập, vừa có yêu cầu hệ thống hoá một cách chặt chẽ hơn, nâng cao trình độ nhận thức về các sự kiện cơ bản trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội nguyên thủy và xã hội cổ đại. Các sự kiện được đề cập đến đều nhằm phục vụ một yêu cầu nhất định về kiến thức hay thái độ, tư tưởng. Để đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực tự học, phát huy tính tích cực của HS đồng thời góp phần giúp HS tự khám phá và nhận thức nội dung trọng tâm của các bài học, GV cần xem lại phần lịch sử xã hội nguyên thủy, xã hội cổ đại, tiếp cận với các thành tựu khoa học mới có liên quan.

Về các câu hỏi trong tài liệu Hướng dẫn học, GV cần tổ chức, hướng dẫn HS trả lời, tuy nhiên, trong quá trình thực hiện bài học, nếu thời gian cho phép, GV có thể đặt thêm các câu hỏi phụ, phù hợp với trình độ nhận thức của HS hoặc phù hợp với mục tiêu bài học. Đồng thời, GV có thể chủ động trong việc tổ chức dạy học và đặt câu hỏi cho HS phát biểu ý kiến. Tuy nhiên, vẫn phải tuân thủ 5 bước của tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*.

Theo tinh thần chung của tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* có thể không trình bày một số mục có tính chất nhận định hay đánh giá, như nhận định về nguồn gốc của loài người, thắng lợi hay ý nghĩa lịch sử của một cuộc kháng chiến mà thay bằng một số câu hỏi. Trong quá trình thực hiện, tùy theo mục tiêu của bài học, GV có thể sử dụng các câu hỏi trong Hướng dẫn học hoặc đặt thêm một số câu hỏi khác nhằm tăng thêm tính sinh động của bài học. Sự kết hợp giữa nội dung và phương pháp ở đây vừa nhằm củng cố những kiến thức cơ bản, kiến thức trọng tâm về lịch sử, vừa rèn luyện tư duy độc lập của HS, giảm bớt tính áp đặt và cách học thuộc lòng.

Về các nhân vật lịch sử cũng vậy, tài liệu Hướng dẫn học chỉ nêu các nhân vật chính, không đánh giá hay bình luận. GV và HS có thể cùng trao đổi để tìm hiểu và khai thác.

Trong hoàn cảnh hiện nay, tuy còn nhiều hạn chế và chưa đồng đều ở các địa phương khác nhau, số lượng thiết bị và đồ dùng dạy học ở một số địa phương đã khá phong phú. Vì vậy việc suy nghĩ và có phương pháp khai thác, sử dụng các thiết bị và đồ dùng dạy học là cần thiết.

2. Nội dung về xã hội nguyên thủy

a) Tính đặc thù

Đây là những nội dung trình bày về nguồn gốc loài người, sự chuyển biến từ vượn thành người và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy, trong đó Việt Nam là một trong những nơi có dấu tích của người nguyên thủy đã từng sinh sống.

Cần phải giúp HS có được một nhận thức đúng về những dấu tích của con người thời nguyên thủy trên thế giới và trên đất nước ta.

Theo các thành tựu khảo cổ học, cách ngày nay khoảng 30 - 40 vạn năm, trên đất nước ta đã có Người tối cổ (tức Người vượn) sinh sống. Dựa vào những điều kiện tự nhiên thuận lợi, Người tối cổ vừa từng bước vượn lên trong cuộc sống, thay đổi hình dạng để trở thành người hiện đại, vừa từng bước mở rộng vùng cư trú. Những hiện vật bằng đá, những dấu tích hài cốt còn để lại đã chứng tỏ điều đó. Vượt qua khó khăn, con người tiếp tục phát triển qua các giai đoạn đồ đá mới để từ đó phát minh ra thuật luyện kim, nghề trồng lúa nước cũng như tụ họp nhau lại thành những cộng đồng có tiếng nói chung.

Một điểm cần lưu ý khi hướng dẫn HS tìm hiểu bài học này là : thời gian cách rất xa ngày nay, các chứng cứ, hiện vật lịch sử rất ít, có nhiều quan điểm khác nhau khi đề cập, giải quyết một nội dung, thời gian xác định sự tồn tại của các sự kiện, nhân vật lịch sử có độ sai số khá lớn,...

b) Để tổ chức dạy học tốt bài học này, cần tập trung tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn HS trả lời các vấn đề sau :

- Biết được nguồn gốc loài người.
- Quá trình chuyển biến từ vượn thành người diễn ra như thế nào ? Những đặc trưng của quá trình chuyển biến này.
- Đời sống vật chất, tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy như thế nào ?
- Nguyên nhân dẫn tới sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Người nguyên thủy trên lãnh thổ Việt Nam đã để lại những dấu tích gì ? Ở đâu ?
- Những khái niệm : Người tối cổ, bầy người nguyên thủy, thị tộc, bộ lạc.

c) Gợi ý về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học

Để dạy tốt những nội dung này, GV tổ chức hướng dẫn HS làm việc với kênh chữ và kênh hình trong tài liệu Hướng dẫn học để trả lời các câu hỏi, nếu có điều kiện, GV cho các em :

- Tiếp xúc với các băng hình về các thành tựu kinh tế, văn hoá liên quan tới bài học.
- Tìm hiểu các nội dung : các quan niệm khác nhau về nguồn gốc loài người, những dấu tích của người nguyên thủy trên đất nước ta.
- Giới thiệu các trang web, hướng dẫn để HS truy cập, tìm hiểu những nội dung có liên quan.

3. Nội dung về các quốc gia cổ đại trên thế giới

a) Tính đặc thù

Đây là nội dung trình bày về những nhà nước đầu tiên đã hình thành ở phương Đông, phương Tây, thành tựu văn hoá cổ đại của cư dân phương Đông và phương Tây. Nội dung đề cập đến cơ sở hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây, sự khác nhau của cơ sở hình thành, đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hoá và những nét riêng khác biệt của từng quốc gia.

b) Để tổ chức dạy học tốt bài học này, cần tập trung tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn HS trả lời các vấn đề sau :

- Những nhà nước đầu tiên ở phương Đông (Ai Cập, vùng Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ) và phương Tây (Hi Lạp, Rô-ma) đã hình thành như thế nào ?
- Những nét chính về tình hình kinh tế - xã hội, thể chế nhà nước của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.
- Cư dân phương Đông và phương Tây cổ đại đã để lại những thành tựu văn hoá gì ?
- Những khái niệm : công xã, lao dịch, quý tộc, nhà nước chuyên chế cổ đại, Thiên tử, nô lệ, chiếm hữu nô lệ, chủ nô, dương lịch, âm lịch.

c) Gợi ý về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học

Để dạy tốt những nội dung này, ngoài việc tổ chức hướng dẫn cho HS làm việc với kênh chữ và kênh hình trong tài liệu Hướng dẫn học để trả lời các câu hỏi, GV cần hướng dẫn cho các em :

- Lập bảng thống kê những điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên, thời gian hình thành, các giai cấp, các ngành kinh tế giữa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.

- Kể chuyện về các ông vua thời cổ đại hoặc những hiểu biết của em về thành tựu văn hoá cổ đại.

- Tìm hiểu về các công trình văn hoá cổ đại tiêu biểu : Kim tự tháp, Vạn lý trường thành, đền Pác-tê-nông.

4. Nội dung về các quốc gia cổ đại trên đất nước ta

a) Tính đặc thù

Đây là những nội dung trình bày về sự hình thành, phát triển của các quốc gia cổ đại trên đất nước ta : Văn Lang, Âu Lạc, Cham-pa, Phù Nam. Mỗi một quốc gia được hình thành trên cơ sở văn hoá riêng, do đó đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hoá có nét riêng độc đáo, tạo nên sự đa dạng về kinh tế, văn hoá của các quốc gia trong quá trình phát triển của lịch sử.

b) Để tổ chức dạy học tốt bài học này, cần tập trung tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn HS trả lời các vấn đề sau :

- Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào ?

- Nhà nước Văn Lang có tổ chức như thế nào ? Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang.

- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần diễn ra như thế nào ?

- Sự ra đời của nước Cham-pa và Phù Nam.

- Tình hình kinh tế, văn hoá của Cham-pa và Phù Nam.

- Cần chú ý : đây là bài học khó, vì vậy GV chú ý hướng dẫn HS nhận thức đúng các vấn đề sau :

- + Tiếp theo giai đoạn nguyên thủy, vượt qua khó khăn, cư dân cổ trên đất nước ta tiếp tục phát minh ra thuật luyện kim, phát triển nghề trồng lúa nước cũng như tụ họp nhau lại thành những cộng đồng có tiếng nói chung.

+ Nền kinh tế nông nghiệp dần dần ổn định, mật độ cư dân ngày càng đông, sự phân hoá giàu nghèo xuất hiện, giao lưu giữa các cộng đồng ngày càng gia tăng. Xuất phát từ nhiều yêu cầu khác nhau, vào những thời điểm khác nhau, ba quốc gia đầu tiên đã hình thành trên ba miền đất nước : Bắc, Trung, Nam. Sự tồn tại và phát triển của các quốc gia cổ đại này cũng tạo nên các nền văn minh khác nhau. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, quốc gia Văn Lang, Âu Lạc ra đời sớm nhất (từ thế kỉ VIII - VII TCN) và trở thành cội nguồn chủ yếu của dân tộc Việt Nam sau này.

+ Mặc dù bị xâm chiếm và phải trải qua hơn 1000 năm dưới chế độ thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, quốc gia Âu Lạc cổ vẫn không mất đi, tính liên tục xuyên suốt của lịch sử dân tộc Việt Nam vẫn được giữ vững, đặc biệt từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

+ Tất nhiên, mỗi quốc gia đều có con đường phát triển và tồn tại riêng của mình, điều này minh chứng cho sự tồn tại của quốc gia Cham-pa và quốc gia cổ Phù Nam.

+ Vấn đề mở rộng tầm nhìn về lịch sử dân tộc là cần thiết trong hoàn cảnh hiện nay. Tuy nhiên, đây cũng là một khó khăn không thể giải quyết được ngay trong một thời điểm. Tài liệu Hướng dẫn học do đó cũng chỉ tập trung một vài điểm nhằm giúp HS nhận thức đầy đủ hơn về sự đóng góp của các dân tộc ít người trong quá trình dựng nước và giữ nước. Thông qua các nội dung có liên quan của Bài 7. Cham-pa và Phù Nam. GV tùy theo vị trí và mục tiêu, có thể nhấn mạnh hoặc bổ sung một số kiến thức cần thiết nhằm giúp HS hiểu sâu sắc, sinh động các ý tưởng cơ bản.

– Những khái niệm : tù trưởng, thủ lĩnh, bộ (thời Văn Lang), Lạc hầu, Lạc tướng, trung nguyên, quân thành, quận, châu, Bà La Môn.

c) Gợi ý về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học

Để dạy tốt những nội dung này, ngoài việc tổ chức hướng dẫn cho HS làm việc với kênh chữ và kênh hình trong tài liệu Hướng dẫn học để trả lời các câu hỏi, GV cần cho các em thực hiện một số yêu cầu sau :

- Vẽ sơ đồ tổ chức của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và mô tả thành Cổ Loa.

- Tổ chức cho các em kể chuyện về Sơn Tinh – Thủy Tinh, My Châu – Trọng Thủy, hoặc trình bày những hiểu biết của mình về các công trình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm.

- Tìm hiểu về : thành Cổ Loa, thánh địa Mỹ Sơn, tháp Chăm.

5. Nội dung về sự biến đổi của nước ta trong các thế kỉ I - X

a) Tính đặc thù

Đây là những nội dung trình bày về chính sách áp đặt ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta và những chuyển biến của xã hội nước ta dưới tác động của các chính sách đó. Chú ý giúp HS nhận thức rõ, mặc dù các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ hơn 1000 năm, nhưng nhân dân ta vẫn giữ được phong tục tập quán, bản sắc riêng, không bị đồng hoá. Nhân dân ta tiếp thu một cách có chọn lọc những phong tục tập quán của người Hán.

b) Việc tổ chức dạy học bài học này cần tập trung tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn HS trả lời các vấn đề sau :

- Các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện chính sách áp đặt ách cai trị đối với nhân dân ta như thế nào ?

- Xã hội nước ta có những chuyển biến gì dưới tác động của các chính sách áp đặt ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc ?

- Một số khái niệm : huyện lệnh, Thứ sử, tôn thất, Thượng thư.

c) Gợi ý về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học

Để dạy tốt những nội dung này, GV tổ chức hướng dẫn cho HS làm việc với kênh chữ và kênh hình trong tài liệu Hướng dẫn học để trả lời các câu hỏi. Ngoài ra, GV cho các em : Lập bảng so sánh về cơ cấu xã hội nước ta thời Văn Lang, Âu Lạc và thời kì bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ.

Gợi ý cho HS tìm hiểu những phong tục, tập quán và tín ngưỡng của người Việt được nhân dân ta giữ gìn, phát huy trong thời kì chống phong kiến phương Bắc.

6. Nội dung về các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu của dân tộc (từ thế kỉ I đến đầu thế kỉ X)

a) Tính đặc thù

Đây là những nội dung trình bày về các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống lại sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong các thế kỉ I – X.

Kháng chiến là cuộc kháng cự về quân sự khi đất nước có độc lập, còn khởi nghĩa cũng là cuộc kháng cự về quân sự nhưng trong hoàn cảnh đất nước bị thống trị, bị đô hộ.

Tính chất của các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa có sự khác nhau, nhưng cũng có điểm tương đồng, cụ thể là :

- Nguyên nhân diễn ra.
- Địa điểm và thời gian diễn ra.
- Người lãnh đạo.
- Động lực của cuộc khởi nghĩa (kháng chiến).
- Diễn biến.
- Kết quả và ý nghĩa.

b) Để tổ chức dạy học tốt bài học này, cần tập trung tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn HS tìm hiểu các vấn đề sau :

- Các cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng diễn ra như thế nào ?

- Những nhân vật lịch sử tiêu biểu liên quan đến các cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc (từ thế kỉ I đến đầu thế kỉ X).

- Đặc điểm, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc là gì ?

c) Gợi ý về phương pháp và tổ chức dạy học

Nội dung và cấu trúc trình bày một cuộc khởi nghĩa như hướng dẫn ở ý a). Tuy nhiên, đối với HS cấp Trung học cơ sở không cần rõ ràng thứ tự và đầy đủ các yếu tố trên mà các yếu tố đó được trình bày như một câu chuyện một cách ngắn gọn, sinh động. Trong tài liệu Hướng dẫn học và trong quá trình hướng dẫn cho HS học tập có thể tách ra thành các hoạt động tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa để các em dễ tìm hiểu. Song yêu cầu cuối cùng là các em kể được cuộc khởi nghĩa đó bằng sự hiểu biết của mình và bằng chính ngôn ngữ của các em.

Yêu cầu chung đối với HS Trung học cơ sở khi học lịch sử phải được học một cách sinh động và hứng thú. Để cho nội dung các cuộc khởi nghĩa đạt được hiệu quả đó, các thầy/cô giáo cần lưu ý (sau khi tổ chức cho các em hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm và cả lớp) :

- Hỏi các em đã biết gì về người lãnh đạo, hay địa danh diễn ra cuộc khởi nghĩa đó. Ví dụ : Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,... Cách làm này giúp các em tò mò và hứng thú khi tìm hiểu.

- Khi dạy học, GV nên :

+ Yêu cầu các em dựa vào bản đồ, sơ đồ, tranh, ảnh để trình bày về một sự kiện lịch sử. Nếu có thể, xây dựng các băng hình về diễn biến của cuộc khởi nghĩa đó.

- + Có thể xây dựng kịch bản cho HS tổ chức đóng vai.
- + Tổ chức dạy trong bảo tàng, thực địa nếu có điều kiện.
- + Tổ chức cho các em thi kể chuyện.

7. Nội dung về bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X

a) Tính đặc thù

Đây là dạng nội dung trình bày về các cuộc đấu tranh giành độc lập tự chủ của họ Khúc, họ Dương và giành độc lập hoàn toàn với chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền tiếp nối các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta dưới thời Bắc thuộc. Tuy nhiên, với các cuộc đấu tranh này, nhân dân ta đã giành được quyền tự chủ và sau đó là độc lập.

b) Để tổ chức dạy học tốt bài học này, cần tập trung tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn HS trả lời các vấn đề sau :

- Các cuộc đấu tranh giành và giữ vững quyền tự chủ do Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ lãnh đạo diễn ra và giành thắng lợi như thế nào ?
 - Nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa, vai trò của chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938.
 - Cách đánh giặc độc đáo của Ngô Quyền được thể hiện như thế nào ?
- c) Gợi ý phương pháp và hình thức tổ chức dạy học
- Sử dụng lược đồ, tranh, ảnh, băng hình.
 - Có thể xây dựng kịch bản cho HS tổ chức đóng vai.
 - Tổ chức dạy trong bảo tàng, thực địa nếu có điều kiện.
 - Gợi ý cho các em đọc và hiểu các đoạn thông tin có trong tài liệu Hướng dẫn học.
 - Tìm hiểu về chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ BÀI

BÀI 4. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN THẾ GIỚI (2 tiết)

Chuẩn bị cho bài học :

Giáo viên :

- Tranh ảnh về các quốc gia cổ đại trên thế giới.
- Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.
- Phiếu học tập.

Học sinh : Sách, vở, đồ dùng có liên quan đến nội dung bài học.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Vào bài mới, thầy/cô giáo có thể giới thiệu : Khi xã hội nguyên thủy tan rã, xã hội có giai cấp và nhà nước đã ra đời. Trước khi tìm hiểu về sự ra đời và phát triển của các quốc gia cổ đại trên thế giới, các em hãy thảo luận một số vấn đề sau :

- Kể tên những quốc gia cổ đại ở phương Đông và phương Tây mà em biết.
- Em biết gì về các quốc gia đó ?

HS có thể biết, không biết hoặc biết chưa đầy đủ. Tuy nhiên, điều đó không quan trọng. Những câu hỏi đó sẽ gây ra sự xung đột giữa những kiến thức mà các em đã biết nhưng chưa đầy đủ với kiến thức các em chưa biết, từ đó kích thích sự tò mò và tạo nên sự hứng thú cho HS trước khi tìm hiểu bài học.

Sau đó, GV cho các em đọc mục tiêu của bài :

- Biết được những nhà nước đầu tiên đã hình thành ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ) và phương Tây (Hi Lạp, Rô-ma).
- Biết được những nền tảng kinh tế, xã hội, thể chế nhà nước của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.
- Góp phần rèn luyện kỹ năng thuyết trình một nội dung lịch sử, kỹ năng so sánh, phân tích, hợp tác.
- Giáo dục ý thức đấu tranh chống chế độ áp bức, bóc lột.

Một điều GV cần lưu ý không chỉ ở bài học này mà ở tất cả các bài học trong chương trình là không nên xem nhẹ hoạt động này vì đây là mục tiêu sau khi học xong bài học mà HS cần phải theo dõi và giải quyết trong suốt quá trình học tập dưới sự hướng dẫn của GV, HS phải hoàn thành.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, đời sống kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi.

a) Từng cặp đọc thông tin, kết hợp quan sát các hình 1, 2, 3 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 29, 30) để hoàn thành bài tập dưới đây vào vở :

Nội dung		Phương Đông	Phương Tây
Các quốc gia cổ đại			
Điều kiện tự nhiên	a) Thuận lợi		
	b) Khó khăn		

b) Tiếp đó, yêu cầu HS đọc đoạn thông tin, kết hợp quan sát hình 4, 5 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 30, 31) để thực hiện các yêu cầu và trả lời các câu hỏi sau :

- Miêu tả cảnh người nông dân Ai Cập cổ đại làm ruộng qua hình 4.
- Qua quan sát hình 5, em hãy miêu tả những hoạt động kinh tế chủ yếu ở Hi Lạp cổ đại.
- Nền kinh tế phương Đông và phương Tây cổ đại khác nhau như thế nào ? Tại sao có sự khác nhau đó ?

Ở hoạt động này, GV cho HS trao đổi đàm thoại theo cặp đôi để thống nhất nội dung của bảng thống kê trên và nội dung của các câu hỏi.

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, có thể trình bày trước lớp.

2. Tìm hiểu về các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Đông và phương Tây



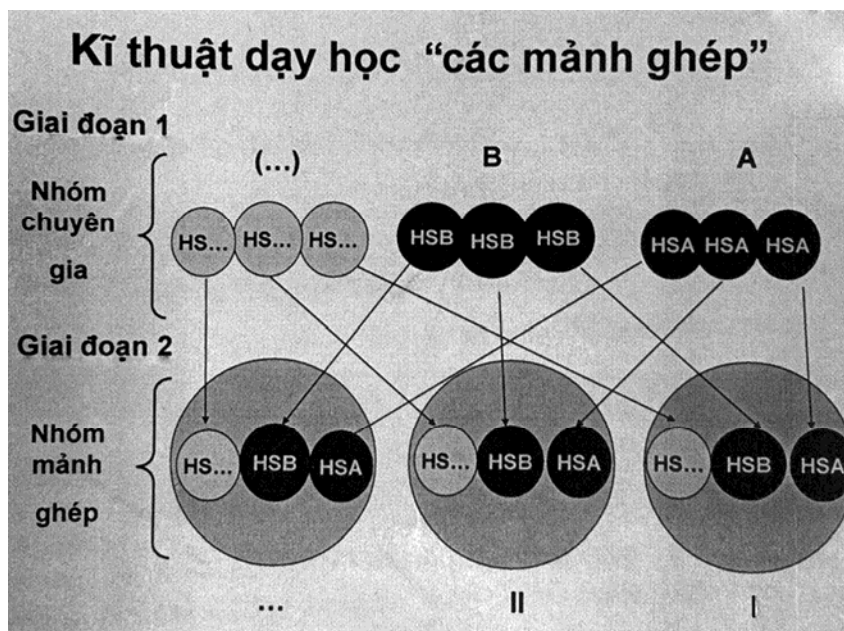
GV yêu cầu HS làm việc nhóm.

GV giới thiệu về các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Đông và phương Tây, kết hợp quan sát các hình 6, 7, 8, 9 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 31 - 33) để thực hiện các yêu cầu sau :

- Vẽ và trình bày sơ đồ các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Đông và phương Tây.
- Miêu tả hoạt động lao động của nông dân và nô lệ qua hình 6 và 7.

- Miêu tả hoạt động giải trí của chủ nô Rô-ma qua hình 8 và 9.

Ở hoạt động này, GV sử dụng kĩ thuật dạy học các mảnh ghép. Cách tiến hành như sau :



GV chia lớp thành 6 nhóm :

Nhóm 1, 2 : trao đổi thảo luận để vẽ và trình bày sơ đồ các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Đông, phương Tây.

Nhóm 3, 4 : trao đổi thảo luận để miêu tả hoạt động lao động của nông dân và nô lệ qua hình 6 và 7.

Nhóm 5, 6 : trao đổi, thảo luận để miêu tả hoạt động giải trí của chủ nô Rô-ma qua hình 8 và 9.

Sau đó các nhóm tập hợp ý kiến nên sẽ có đủ các “chuyên gia” về các vấn đề đã thảo luận trên, “chuyên gia” về từng vấn đề có trách nhiệm trao đổi lại với các nhóm khác về vấn đề mà nhóm mình tìm hiểu sâu.

HS trao đổi, thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả trước lớp, có thể gọi HS khác bổ sung. Cuối cùng, GV đưa ra kết luận.

3. Tìm hiểu thể chế nhà nước ở phương Đông và phương Tây cổ đại



GV yêu cầu HS học tập theo nhóm.

- Yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp quan sát hình 10 và 11 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 33, 34) để thực hiện các yêu cầu sau :

Các ông vua của phương Đông cổ đại có tên gọi như thế nào ? Họ có những quyền gì ? Em hãy miêu tả hình 10.

Chỗ nào không hiểu, có thể hỏi bạn hoặc nhờ sự trợ giúp của GV.

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, đại diện nhóm trình bày trước lớp.

- Tiếp đó, một hoặc hai em miêu tả hình 10 và hình 11 (gợi ý : thành phần tham gia, không khí đại hội, những ai có quyền giờ tay phát biểu,...).

Ở hoạt động này, GV sử dụng phương pháp trao đổi, đàm thoại kết hợp với phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan để trả lời các câu hỏi và miêu tả các hình ảnh trong mục.

Cuối cùng, GV kết luận và bổ sung thêm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1. GV phát phiếu học tập trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 34, 35) cho HS thực hiện. Sau đó, hướng dẫn HS điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành phiếu học tập.

2. GV hướng dẫn HS xác định vị trí các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây trên lược đồ thế giới (phiếu học tập (trang 35) đã được phát và phát cho từng em).

3. GV động viên các em không nhìn vào tài liệu Hướng dẫn học để hoàn thành bảng, mà biểu đạt bằng sự hiểu biết của mỗi em.

4. GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung bài học để tìm hiểu xem những địa danh ở cột bên trái phù hợp với tên quốc gia nào ở cột bên phải và cho HS ghi số thứ tự và chữ cái tương ứng vào vở.

5. Tổ chức lớp thành các nhóm, thảo luận với bạn và trả lời câu hỏi sau : Giai cấp nào có vai trò quan trọng nhất trong xã hội phương Đông và phương Tây cổ đại ? Vì sao ?

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, đại diện nhóm trình bày trước lớp. GV nhận xét và sửa chữa, hoàn thiện.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Cùng với sự hỗ trợ của người thân, thầy/cô giáo và bạn bè, em tìm hiểu thêm về nội dung sau :

- Quyền lực của vua chuyên chế cổ đại phương Đông được thể hiện như thế nào ?
- Nguồn gốc, vị trí và vai trò của giai cấp nô lệ trong xã hội phương Tây cổ đại.
- Nếu sống ở thời cổ đại và có quyền lựa chọn quốc gia để sinh sống, em sẽ chọn là công dân nước Ai Cập hay Hi Lạp ? Vì sao ?

*** Thông tin bổ trợ cho giáo viên**

1. Thị quốc

Còn gọi là thành bang, quốc gia - thành thị.

Hình thức tổ chức nhà nước thời cổ đại (Hi Lạp). Về cơ bản, mỗi quốc gia bao gồm một thành thị và vùng phụ cận. Mỗi quốc gia tồn tại một cách độc lập, cư dân khai thác những sản vật địa phương và mở mang các ngành nghề thủ công riêng. Các thị quốc có quan hệ mật thiết với nhau trong việc mua bán, trao đổi sản vật.

Mỗi quốc gia thành thị có thành, chợ, lâu đài, đền thờ, phố xá, đường lớn,... Cư dân chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân.

Quyền lực xã hội nằm trong tay các chủ nô, chủ xưởng, nhà buôn, song cũng hình thành thể chế dân chủ : Đại hội công dân bầu cử các cơ quan nhà nước và quyết định mọi việc quan trọng của quốc gia.

2. Đấu sĩ

Những nô lệ thời đế quốc Rô-ma có võ nghệ, phải đọ kiếm, đấu gươm với nhau để mua vui cho chủ nô, nhiều người đã chết ở trường đấu. Vì vậy, người nô lệ - đấu sĩ đã nổi dậy hay tham gia nhiều cuộc khởi nghĩa nô lệ. Ví dụ, năm 73 TCN, các nô lệ - đấu sĩ của một trường đấu gần Rô-ma đã khởi nghĩa, do Xpác-ta-cút lãnh đạo. Cuộc đấu tranh thu hút hàng vạn nô lệ và dân nghèo I-ta-li-a tham gia.

3. Cơ đốc giáo (còn gọi là Ki-tô giáo)

Một trong ba tôn giáo lớn trên thế giới (cùng với đạo Phật, đạo Hồi). Đạo Cơ đốc ra đời từ thế kỉ I ở Rô-ma thời chúa Giê-su. Đến thế kỉ XI - XVI, lần lượt phân thành ba phái : Công giáo ở Tây Âu, Chính thống giáo ở Nga và các nước Đông Âu, sau Cải

cách tôn giáo, đạo Tin Lành ra đời. Tuy các giáo phái đạo Cơ đốc đều thờ Giê-su (Cơn) nhưng có những điểm khác biệt trong giáo lí, hành lễ.

Đạo Cơ đốc lúc mới ra đời là tôn giáo của những người bị áp bức, nó tuyên truyền tư tưởng bình đẳng, bác ái của con người trước chúa, lòng tin ở cuộc sống nơi thiên đàng, tố cáo tội ác của giai cấp thống trị. Về sau, đạo Cơ đốc bị giai cấp thống trị sử dụng làm công cụ để mê hoặc, áp bức nhân dân lao động và trở thành quốc giáo của đế quốc Rô-ma.

4. Chữ số Rô-ma

Hệ thống chữ số của người Rô-ma được kí hiệu bằng các quy ước : I (một), II (hai), III (ba), IV (bốn), V (năm),... X (mười), L (năm mươi), C (một trăm), D (năm trăm), M (một nghìn). Ngày nay, người ta thường dùng để đánh số thứ tự các đề mục lớn trong văn bản (gọi là số La Mã), để viết các thế kỉ (thế kỉ XX), thiên niên kỉ (thiên niên kỉ thứ III)...

5. Trang trại

Còn gọi là đại trại, đại điền trang, từ La-tinh là “latifundium” gồm có hai bộ phận “latus” (rộng lớn) + “fundus” (đất đai, ruộng đất, do các chủ nô, quý tộc cướp đất hay mua của những người dân nghèo). Mỗi trang trại thường sử dụng vài trăm nô lệ làm lực lượng sản xuất chủ yếu. Trang trại, chủ nô Rô-ma bóc lột nô lệ rất thậm tệ, vượt qua sự bóc lột của các quốc gia chiếm hữu nô lệ trước đó.

6. Xpác-ta-cút

Mọi người đều ghi nhớ cuộc khởi nghĩa của Xpác-ta-cút. Xpác-ta-cút là một đấu sĩ. Đấu sĩ chỉ khác nô lệ ở chỗ họ không phải là công cụ để làm việc mà là thứ đồ chơi để mua vui cho đám người khát máu. Hàng nghìn sư tử, voi đã chết gục trên đấu trường trong những trận đấu lớn. Nhưng mãi rồi cũng chán. Người ta nghĩ ra trò người đấu với người. Những người nô lệ đấu sĩ sẽ phải đâm chém nhau để làm vui cho đám đông. Một cái chết như vậy đang chờ đợi Xpác-ta-cút. Là người khỏe mạnh, cao lớn, đẹp trai và nhanh nhẹn, Xpác-ta-cút giống một người khổng lồ, có những bắp thịt cuộn cuộn. Chính người Rô-ma cổ đại cũng phải nói rằng, Xpác-ta-cút không những có một thể lực vĩ đại mà còn có một sức mạnh tinh thần vĩ đại.

Trong một túp lều lụp xụp, nằm trên tấm đệm lá khô, đã bao lần Xpác-ta-cút thao thức nhớ đến những dãy núi và những cánh rừng của quê hương Tô-ra-xơ ! Xpác-ta-cút có đủ thông minh và nhanh nhẹn để trốn khỏi cảnh đời nô lệ nhưng chàng không muốn giành tự do cho mỗi riêng mình.

Tại trại đào tạo đấu sĩ ở Ca-pua, nhìn thấy xung quanh là những con người lực lưỡng, từng ngày từng giờ Xpác-ta-cút tìm cách nhen nhóm trong lòng họ ngọn lửa phản nộ, ý thức chiến đấu vì tự do.

Cuộc khởi nghĩa của các đấu sĩ ngày đêm được tích cực chuẩn bị. Khi việc chuẩn bị đã gần như đâu vào đấy, chỉ còn có việc mở khoá để lấy vũ khí vào tay, thì bọn chủ nô Rô-ma hay biết, Xpác-ta-cút cùng các bạn chiến đấu chạy thoát lên núi Vê-duc-vơ. Nhiều nô lệ chạy theo họ lên núi. Quân đội của giai cấp chủ nô Rô-ma vây chặt, chiếm lĩnh tất cả những con đường lớn nhỏ dẫn vào núi Vê-duc-vơ. Bọn chủ nô nghĩ rằng những kẻ dám chống lại họ đã bị sa lưới, đã bị họ nắm chặt trong tay. Xung quanh toàn cảnh núi non hiểm trở, có những tảng đá đâm tua lên nhọn hoắt “có tài thánh cũng không thể thoát vòng vây”. Bọn chủ nô đã suy nghĩ một cách chủ quan. “Dã thú” đã sa lưới, cần gì phải vội. Nhưng họ đã phải trả giá đắt vì nhầm lẫn. Những người khởi nghĩa có trí tuệ và có đôi tay của người quen lao động. Họ lấy những sợi dây dẻo kết thành chiếc thang dây chắc. Và từ đỉnh núi, họ lần lượt nối đuôi nhau, leo tụt xuống vực sâu, thoát khỏi vòng vây mà quân đội của bọn chủ nô không hề hay biết. Ván bài tự lật ngửa. Tình thế lại đảo ngược. Kẻ đi bao vây - bọn chủ nô Rô-ma, trở lại bị bao vây. Quân đội chủ nô bị đánh tan tành không kịp trở tay. Quân khởi nghĩa trở nên hùng mạnh. Bây giờ không phải chỉ có mấy chục người mà là hàng nghìn nghĩa binh. Vũ khí chinh tề. Lời kêu gọi của Xpác-ta-cút đã vang đến mọi hang cùng ngõ hẻm trên khắp bán đảo I-ta-li-a.

“Nếu các bạn cho mình là những con vật thì các bạn cứ việc chờ lưỡi dao của bọn đồ tể, còn nếu các bạn coi mình là người thì hãy đứng lên ! Tại sao các bạn cứ phải khom lưng quỳ gối như những con vật ? Các bạn ! Những con người tự do ! Nếu phải đánh nhau thì chúng ta sẽ đánh nhau với những kẻ áp bức chúng ta. Nếu phải chết thì chúng ta hãy chết dưới bầu trời tự do. Xông vào cuộc đấu tranh sinh tử vì tự do còn hơn là chịu chết trên đấu trường để làm trò giải trí cho kẻ thù”.

Từ phòng thủ chuyển sang tấn công, đội quân của Xpác-ta-cút đã tiêu diệt nhiều đơn vị quân đội thù địch gặp trên đường và ngày càng tiến sâu vào phía nam, thu nạp thêm hàng nghìn chiến sĩ mới.

Những người sống trong thời đại đó đã phải kinh ngạc trước việc những kẻ hôm trước còn được coi như súc vật, hôm nay lại đang đánh thắng quân đội Rô-ma hùng mạnh vào bậc nhất thế giới.

Nô lệ, sau khi trốn khỏi các đại điền trang của bọn chủ nô, liền biến các công cụ lao động của mình thành vũ khí : nông dân vũ trang bằng liềm hái và cày cuốc, thợ rèn vũ trang bằng búa rìu, người đầu bếp vũ trang bằng que nướng thịt. Nhưng khi đứng hẳn trong hàng ngũ quân khởi nghĩa, họ liền được phát gươm và mộc cướp được của kẻ thù.

Cờ hiệu của những người khởi nghĩa là chiếc mũ đỏ cắm trên ngọn giáo dài. Theo tập quán cổ xưa, nô lệ sẽ đội chiếc mũ này lên đầu khi giành được tự do.

Nhìn thấy cờ xí của mình, nô lệ như nhìn thấy tự do, nhìn thấy ngày được về lại quê cũ, những xóm làng ở Tiểu Á, nương đồi ở Hi Lạp, những đồng cỏ ở xứ Gô-lơ,

những rừng rậm ở Giéc-man. Đoàn quân nô lệ tiến như vũ bão trên đất I-ta-li-a, liên tiếp đánh bại đại quân Rô-ma.

Viện Nguyên lão Rô-ma đã thức tỉnh. Họ bắt đầu hiểu rõ đây thực sự là cuộc chiến tranh rộng lớn và nghiêm trọng. Qua con mắt họ, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa này là một “kẻ mọi rợ”. Nhưng “kẻ mọi rợ” này lại nắm vững chiến thuật hơn tất cả các tướng tài Rô-ma.

Trước sự lo lắng hoang mang của bọn đại chủ nô, Xpác-ta-cút vẫn tỉnh táo. Chàng hiểu rõ đương đầu với Rô-ma hùng mạnh không phải chuyện dễ dàng. Chàng muốn nhân lúc thừa thắng, đưa đoàn quân nô lệ vượt qua khỏi bán đảo I-ta-li-a để họ tìm được tự do trên mảnh đất quê hương của mình. Nhằm mục đích đó, đại quân kéo lên phía bắc, tìm cách vượt qua dãy núi An-pơ. Nhưng vì một lí do gì đó không rõ, kế hoạch không được thực hiện. Đại quân phải kéo về phía nam định vượt biển sang đảo Xi-xi-li-a. Giặc biển ở Địa Trung Hải hứa sẽ giúp thuyền bè cho quân khởi nghĩa, nhưng họ chỉ hứa suông. Xpác-ta-cút cho làm nhiều bè vượt biển. Nhưng gió bão đã làm tan tác những mảng bè mới hình thành.

Sau nhiều lần thất trận trước sức mạnh của quân nô lệ, bọn chủ nô Rô-ma đã cử một tên thương nhân bao thầu và cho vay nặng lãi chỉ huy quân đội để đàn áp cuộc khởi nghĩa, hắn tên là Crát-sút. Trong nhà hắn có rất đông nô lệ để hắn sử dụng vào việc bao thầu chữa nhà, xây nhà ở Rô-ma. Trở thành kẻ toàn quyền chỉ huy quân đội, Crát-sút bắt đầu công việc bằng cách củng cố kỉ luật. Hắn cho xử tử ngay những người lính dao động, sợ hãi trước hàng quân.

Khi quân đội nô lệ đang còn chưa có cách vượt biển sang đảo Xi-xi-li-a, Crát-sút cho xây dựng một phòng tuyến lớn, định vây hãm tiêu diệt nghĩa quân của Xpác-ta-cút ngay trên vùng bờ biển miền Tây Nam nước I-ta-li-a. Nhưng Crát-sút đã thất vọng. Vào một đêm rất lạnh, trời đầy tuyết trắng xoá, bằng sự dũng mãnh và bất ngờ, nghĩa quân đã chọc thủng phòng tuyến, vượt khỏi vòng vây. Quân đội chủ nô bỏ phòng tuyến, tập trung truy kích nô lệ. Trận đánh cuối cùng diễn ra ở khu vực Đông Nam bán đảo I-ta-li-a. Trước khi vào trận, Xpác-ta-cút nói với các chiến hữu của mình lời chia tay : “Sự nghiệp của chúng ta là thiêng liêng và chính nghĩa, nó sẽ không mất đi cùng với cái chết của chúng ta... dù hi sinh, chúng ta vẫn sẽ để lại cho con cháu ngọn cờ tự do và công bằng nhuộm máu chính nghĩa của chúng ta”.

Giữa trận đánh đang có nhiều chiều hướng xấu, một chiến sĩ dắt ngựa đến giục Xpác-ta-cút chạy trốn. Người anh hùng đã từ chối. Bị giáo đâm trúng đùi, Xpác-ta-cút vẫn quỳ nấp sau tấm khiên, tiếp tục chiến đấu. Người anh hùng ấy đã hi sinh trong trận đánh bên cạnh các chiến hữu của mình như một vị chỉ huy. Người ta không tìm thấy thi hài của Xpác-ta-cút.

Bọn chủ nô tiếp tục đàn áp dã man những người nô lệ của mình. Trên suốt con đường từ Rô-ma đến Ca-pua, những giá chữ thập mang những người bị hành hình tròng rãi rác thành một hàng rào kéo xa tít tắp. Đó là con đường rợp bóng tạo bằng những thân cây rừng rợn, những thanh ngang thay cho cành cây và xác mới đóng trên giá thay cho thân cây.

Bọn chủ nô muốn vĩnh viễn dập tắt ý chí nổi dậy của nô lệ. Nhưng nô lệ không quên Xpác-ta-cút. Người già kể lại cho người trẻ nghe những thắng lợi to lớn và cái chết phi thường của Xpác-ta-cút.

(Theo : Wikipedia.org)

BÀI 5. VĂN HOÁ CỔ ĐẠI (3 tiết)

Chuẩn bị cho bài học :

Giáo viên : - Tranh, ảnh về các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.
 - Phiếu học tập (được photocopy đủ cho các nhóm).

Học sinh : Sách, vở, đồ dùng học tập có liên quan đến bài học.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Vào bài, GV có thể giới thiệu : Cách đây hàng nghìn năm, cư dân thời cổ đại đã sáng tạo ra những thành tựu văn hoá rực rỡ. Trước khi tìm hiểu về các thành tựu của cư dân các quốc gia cổ đại trên thế giới, các em hãy thảo luận một số yêu cầu sau :

- Cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây viết chữ như thế nào ?

- Các công trình kiến trúc nổi tiếng thế giới nào được xây dựng từ thời cổ đại ?
Nêu những hiểu biết về các công trình kiến trúc đó.

Ở hoạt động khởi động này, GV tổ chức hoạt động cả lớp : GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Những yêu cầu được đặt ra với vốn kiến thức mà các em đã có không thể trả lời đầy đủ được. Từ đó tạo ra sự kích thích, tò mò, mong muốn khám phá, tìm hiểu những nội dung chưa biết của bài học.

Sau đó, GV cho HS tìm hiểu mục tiêu của bài :

- Hiểu được qua hàng nghìn năm tồn tại, cư dân cổ đại đã để lại cho nhân loại một di sản văn hoá đồ sộ, quý giá.
- Trình bày được một số thành tựu văn hoá của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây trên các lĩnh vực : lịch và thiên văn học, chữ viết, khoa học, nghệ thuật.
- Góp phần rèn luyện kĩ năng miêu tả, thuyết trình về một công trình kiến trúc điển hình thời cổ đại qua tranh ảnh.
- Yêu thích, trân trọng và có ý thức duy trì, bảo tồn các di sản văn hoá của nhân loại.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Tìm hiểu cách tính lịch và quan sát thiên văn của cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.

Yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 39), trao đổi để trả lời câu hỏi :

- Cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây đã có những hiểu biết ban đầu về thiên văn như thế nào ?
- Cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây đã tính lịch như thế nào ?

Ở hoạt động này, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại theo cặp đôi để thống nhất nội dung trả lời và hoàn thành bảng thống kê.

Tiếp đó, GV yêu cầu HS hoàn thành bảng thống kê :

Nội dung	Phương Đông	Phương Tây
Quan sát thiên văn		
Cách tính lịch		
Tên gọi lịch		



2. Khám phá thành tựu chữ viết của cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây

GV yêu cầu HS học tập theo nhóm.

Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình 1 và 2 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 39, 40), trả lời các câu hỏi dưới đây :

- Cư dân phương Đông và phương Tây cổ đại viết chữ như thế nào ? Người phương Đông thường viết chữ trên chất liệu gì ?

- Hãy so sánh chữ viết của người phương Đông và phương Tây cổ đại.

Ở hoạt động này, GV sử dụng kĩ thuật dạy học “khăn trải bàn”. Cách tiến hành như sau : Chia HS thành các nhóm. Mỗi cá nhân trong nhóm làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi và viết vào phần của mình. Hết thời gian các thành viên trong nhóm chia sẻ, thống nhất câu trả lời. Ý kiến thống nhất về chữ viết của người phương Đông và phương Tây ; so sánh sự khác nhau và giống nhau về chữ viết của người phương Đông và phương Tây được viết vào phần chính giữa.

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, đại diện nhóm trình bày trước lớp.



3. Tìm hiểu những hiểu biết về khoa học của cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây

GV tổ chức cho HS học tập theo nhóm.

a) GV yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp quan sát các hình 3 và 4 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 40, 41). Từng em đọc, nếu chỗ nào chưa hiểu, có thể hỏi bạn hoặc nhờ sự trợ giúp của GV. Sau đó, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau :

- Cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây đã đạt những thành tựu gì về khoa học ?

- Kể tên một số nhà khoa học và phát minh từ thời cổ đại mà em biết.

Ở hoạt động này, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại trong nhóm để thống nhất nội dung báo cáo với GV.

Không nhất thiết và không nên yêu cầu HS trả lời đúng từng lời của đoạn trích mà chỉ cần các em nêu được ý chính như : Người Ai Cập cổ đại đã nghĩ ra phép đếm đến

10, tính được số Pi bằng 3,16. Người Ấn Độ sáng tạo nên các chữ số mà ta đang dùng ngày nay...

Tiếp đó, GV yêu cầu HS kể tên một số nhà khoa học và phát minh từ thời cổ đại mà em biết.

b) Thầy/cô giáo giới thiệu về tiểu sử và phát minh của nhà Vật lí Hi Lạp cổ đại Ác-si-mét.

c) Yêu cầu HS kể lại cho bạn nghe câu chuyện Ơ-rê-ca của Ác-si-mét.



4. Tìm hiểu những thành tựu văn học, nghệ thuật của cư dân cổ đại phương Đông và phương Tây

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

a) HS đọc hai đoạn thông tin, kết hợp quan sát các hình ảnh trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 43, 44) để thực hiện các yêu cầu sau :

- Miêu tả một trong những công trình kiến trúc, điêu khắc dưới đây mà em thích nhất.

- Kể tên một số công trình kiến trúc và điêu khắc nổi tiếng của các quốc gia cổ đại phương Đông, phương Tây và nêu nhận xét của em về các công trình kiến trúc đó (GV có thể gợi ý cho HS nêu nhận xét về các công trình kiến trúc : kiên cố, đồ sộ, trình độ lao động sáng tạo...)

b) Sau đó, GV giới thiệu về Kim tự tháp Ai Cập và đền thờ Pác-tê-nông, nhấn mạnh những nét độc đáo, đặc sắc của các công trình đó.

Ở hoạt động này, GV hướng dẫn HS sử dụng đồ dùng trực quan để miêu tả những công trình kiến trúc đó. Cách tiến hành như sau : HS làm việc cá nhân để xây dựng bài miêu tả sau đó trao đổi với bạn để thống nhất nội dung báo cáo với thầy/cô giáo.

c) Tiếp đó, GV tổ chức cho HS thảo luận và thực hiện yêu cầu sau :

- Hãy miêu tả hoạt động của con người trong hình 14 tài liệu Hướng dẫn học (trang 45).

- Em hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu cho thầy/cô giáo và các bạn trong lớp (đóng vai trò là khách tham quan) về Kim tự tháp (Ai Cập) hoặc đền Pác-tê-nông (Hi Lạp).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.

1. GV phát phiếu học tập và yêu cầu HS thực hiện :

Điền nội dung vào chỗ trống (...) để hoàn thành phiếu học tập sau :

PHIẾU HỌC TẬP

Khi loài người bước vào xã hội văn minh, các dân tộc và cổ đại đã sáng tạo nên nhiều thành tựu văn hoá rực rỡ trên các lĩnh vực : và thiên văn học, chữ viết, khoa học, nghệ thuật.

Những thành tựu văn hoá cổ đại có vai trò, ý nghĩa lớn đối với lịch sử văn minh nhân loại và có nhiều thành tựu còn tồn tại đến



2. Dựa vào nội dung bài học, GV hướng dẫn HS lập bảng (theo yêu cầu sau) vào vở và điền những nội dung thích hợp :

Nhà khoa học, văn học tiêu biểu	Ác-si-mét	Hê-rô-đốt	Hô-me	Pi-ta-go	Ta-lét	Ơ-cơ-lít
Thành tựu lớn						

3. GV phát phiếu học tập, phát cho HS để thực hiện hoạt động cá nhân.

PHIẾU HỌC TẬP

Hãy nói những thành tựu văn hoá ở cột bên phải tương ứng với quốc gia/ vùng ở cột bên trái.

1. Ai Cập
2. Lưỡng Hà
3. Ấn Độ
4. Trung Quốc
5. Hi Lạp
6. Rô-ma

a. Đấu trường Cô-li-dê
b. Đền Pác-tê-nông
c. Chữ viết trên thẻ tre
d. Chủ nhân chữ số 0
e. Kim tự tháp
g. Vườn treo Ba-bi-lon

GV động viên các em không nhìn vào tài liệu để nói mà biểu đạt bằng sự hiểu biết của mỗi em.



4. GV tổ chức cho HS thảo luận với bạn để trả lời các câu hỏi sau :

- Đặc điểm kiến trúc của người phương Đông có gì khác so với người phương Tây ?
- Những thành tựu văn hoá cổ đại nào còn tồn tại đến ngày nay ? Theo em, thành tựu nào có ý nghĩa quan trọng nhất ? Vì sao ?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Hoạt động này, GV hướng dẫn HS làm việc ở nhà hoặc ngoài lớp học. HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi :

- Kể tên 7 kì quan thế giới thời cổ đại. Kì quan nào còn tồn tại đến ngày nay ?
- UNESCO công nhận ở Việt Nam hiện nay có bao nhiêu di sản văn hoá nhân loại ? Đó là những di sản nào ?

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Hướng dẫn HS tìm hiểu sâu sắc hơn về những thành tựu văn hoá cổ đại, em tìm đọc một số cuốn sách và trang web sau :

- *Almanach, Những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hoá – Thông tin, 2013.
- Nguyễn Văn Khoả (Chủ biên), *Thần thoại Hi Lạp*, NXB Thời đại.
- Lê Huy Hoà (Chủ biên), *Bách khoa tri thức phổ thông*, NXB Lao động, Hà Nội, 2007.
- <http://www.bachkhoatrithuc.vn>
- <http://www.khoahoc.com.vn>

2. Sưu tầm hình ảnh và tư liệu về các công trình kiến trúc sau : Kim tự tháp ở Ai Cập, Vườn treo Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà, Đền thờ Pác-tê-nông ở Hi Lạp, Đấu trường Cô-li-đê ở Rô-ma.

* Thông tin bổ trợ cho giáo viên

Những đoạn trích dưới đây giúp cho HS bổ sung kiến thức để học bài, làm các loại bài tập, viết các bài ngắn về tường thuật, miêu tả, giải thích một số vấn đề nêu trong bài và dùng trong hoạt động ngoại khoá.

1. Vườn treo Ba-bi-lon

Vườn treo được xây dựng để làm gì ? Vườn treo, kì quan thế giới thứ hai, đã xuất hiện vào thời kì vua Na-vu-khê-đô-xốp. Có thể đây là quà tặng của ông dành cho người vợ, một công chúa Ba Tư, mà tên của nàng chúng ta chưa được biết. Không loại trừ rằng nàng cũng là tên Xê-mi-ra-mi-đa, như Nữ hoàng A-xi-ri huyền thoại. Theo truyền thuyết, Na-vu-khê-đô-xốp đã ra lệnh xây dựng vườn treo để vui bớt nỗi cô đơn của vợ trong khi ông đi chinh chiến dài ngày, mà cũng có thể là ông không muốn nàng sống giữa khung cảnh đơn điệu của đồng bằng sông Ơ-phơ-rát, sẽ nhớ đến những dãy núi xanh - quê hương thân yêu của nàng.

Thật ra, những khu vườn trong lâu đài được vun trồng trên những mảnh đất xơ xác, không thích hợp, không phải là điều gì mới mẻ mà đã có từ thời vua A-xi-ri là Xi-na-khê-ri-p (705 - 682 TCN), người nổi tiếng với những dự định nông cuồng của mình. Ông ta cũng đã ra lệnh đục phá những hố trên nền đất đá và đá tảng xung quanh

đền thờ thần tối cao của A-xi-ri là A-súp ở thành phố Ni-nê-vi-a. Những hố này được nối liền với nhau bởi những mương dẫn nước ngầm. Sau đó người ta lấp đất vào các hố để làm nền đất cho khu vườn.

Quả thật, vườn A-xi-ri không đáng để so sánh với vườn Xê-mi-ra-mi-đa. Còn nói về vẻ đẹp của quần thể kiến trúc và sự đa dạng của các loài thực vật được giới thiệu ở đây thì những người thời ấy và sau này là các tác giả Hi Lạp và La Mã đều nhất trí xác định rằng vườn Ba-bi-lon là độc nhất vô nhị đối với thế giới thời đó. Na-vu-khô-đô-xốp đã ra lệnh cho binh lính của mình đào tất cả những loài thực vật bắt gặp trên đường hành binh và chuyển ngay về Ba-bi-lon. Không có đoàn tàu nào mà không chở từ các nước xa đến đây những loài thực vật lạ. Cứ như vậy mà ở Ba-bi-lon đã mọc lên một vườn cây lớn và đa dạng về thành phần - đó là vườn thực vật đầu tiên trên thế giới.

Vườn treo được hình thành như thế nào ? Mỗi một bậc thềm, có lẽ vườn có bảy bậc thềm, đều là một vườn riêng (từ đó có tên gọi theo số nhiều là “những vườn treo”). Hơn nữa, cả bảy bậc thềm tạo nên một thể thống nhất. Ở vành ngoài mỗi bậc thềm, người ta trồng các loại cây leo và bò từ bậc thềm này sang bậc thềm khác và liên kết cả bảy vườn riêng lẻ thành một quần thể duy nhất. Quần thể này trông giống như một quả núi xanh mọc thẳng đứng lên với một khối rậm rì những cây, bụi, hàng rào cây xanh và hoa như đang treo hoặc bốc hơi, từ đó có tên gọi là vườn treo.

Về mùa hè, khi nhiệt độ không khí lên tới 50°C, những người nô lệ liên tục dùng tay bơm nước giếng lên rất nhiều đường mương, cho nước chảy vào toàn bộ hệ thống tưới từ bậc thềm cao nhất xuống dưới. Trên hòn núi cao ấy có những con suối và thác nước, trong các hồ nhỏ có vịt bơi, có ếch nhái kêu ộp ộp, ong, bướm và chuồn chuồn bay lượn từ bông hoa này sang bông hoa khác. Và trong khi cả thành phố Ba-bi-lon mệt mỏi dưới cái nắng chang chang thì các vườn Xê-mi-ra-mi-đa vẫn tươi tốt, rực rỡ, không hề bị nắng cháy, không bị thiếu độ ẩm. Có thể, chính sự tương phản dữ dội như thế là nguyên nhân vườn treo Ba-bi-lon lọt vào hàng thứ hai trong danh sách Bảy kì quan thế giới cổ đại.

(Theo : Gansrai Khairt, *Bảy kì quan thế giới*, NXB Trẻ, tr. 22-23)

2. Kim tự tháp Kê-ốp

Kì quan nghệ thuật thứ nhất là gì ? Kim tự tháp Kê-ốp ở Ghi-da (Ai Cập) là kì quan thế giới cổ nhất và duy nhất còn giữ lại được cho đến ngày hôm nay. Kì quan này mang tên của người sáng lập ra nó là Pha-ra-ông Kê-ốp (vua Ai Cập) (khoảng năm 2551 - 2528 TCN). Do kích thước của Kim tự tháp khá lớn nên người ta còn gọi là Kim tự tháp lớn và xếp đầu danh sách các kì quan thế giới. Nếu không kể Vạn lí trường thành của Trung Quốc thì Kim tự tháp Kê-ốp là công trình lớn nhất do con người thời xưa xây dựng nên. Chiều cao của nó là 146,6m, nghĩa là gần bằng một ngôi nhà chọc trời 50 tầng. Diện tích đáy là 230 x 230m. Trên một không gian như vậy có thể dễ dàng

bố trí cùng một lúc năm nhà thờ lớn nhất thế giới là : nhà thờ thành Pi-e ở La Mã, nhà thờ thánh Pôn và tu viện Ve-xmin-tơ ở Luân Đôn, nhà thờ Flô-ren-ti và nhà thờ Mi-lan.

Với số đá dùng để xây dựng nên Kim tự tháp Kê-ốp, người ta có thể xây dựng tất cả nhà thờ của nước Đức đã được dựng trong thiên niên kỉ hiện nay của chúng ta.

Pha-ra-ông Kê-ốp trẻ tuổi đã ra lệnh xây dựng Kim tự tháp ngay sau khi cha ông ta là Xnôp-ru qua đời. Cũng như tất cả các Pha-ra-ông từ thời Giô-xe (khoảng năm 2069-2590 TCN), Kê-ốp muốn khi chết mình được chôn cất trong Kim tự tháp. Cũng như những người tiền nhiệm của mình, ông cho rằng, Kim tự tháp của ông phải có kích thước vượt trội hơn, kì vĩ hơn và tráng lệ hơn tất cả Kim tự tháp khác.

Khi khối đá đầu tiên trong số hơn hai triệu khối đá dùng để xây dựng Kim tự tháp được đục đẽo trên công trường khai thác đá ở bờ sông Nin, người ta đã tiến hành nhiều công tác chuẩn bị phức tạp. Thoạt đầu cần phải tìm một khối đá thích hợp để xây dựng Kim tự tháp. Trọng lượng của công trình là 6.400.000 tấn, đất phải đủ độ vững chắc để Kim tự tháp không bị lún xuống dưới tác động của trọng lượng riêng. Mặt bằng xây dựng được chọn ở phía nam Cai-rô, thủ đô Ai Cập hiện nay, trên chỗ nhô lên của cao nguyên trong sa mạc, cách làng Ghi-da 7km về phía tây. Khu đất lẫn đá tảng vững chắc này đủ sức chịu đựng trọng lượng của Kim tự tháp.

Kim tự tháp được xây dựng như thế nào ? Đầu tiên người ta san bằng khu đất. Để làm việc này, người ta đã đắp xung quanh nó một cái đập không thấm nước bằng cát và đá. Bên trong ô vuông mới hình thành ấy, người ta lại đào dày đặc mạng lưới những con mương, không lớn lắm có trục giao nhau làm cho khu đất giống như một bàn cờ khổng lồ. Các con mương được dẫn nước vào, độ cao của mực nước được đánh dấu trên các thành mương, sau đó tháo nước ra. Những người thợ đá đã bạt đi tất cả những gì nhô cao hơn mặt thoáng của nước và các đường mương lại được đổ đầy đá, thế là nền Kim tự tháp đã được xây dựng xong.

Trên 4000 họa sĩ, kiến trúc sư, thợ đá và các thợ thủ công khác đã hoàn thành công tác chuẩn bị này trong gần 10 năm.

Chỉ sau đó mới bắt đầu việc xây dựng Kim tự tháp. Theo nhà sử học Hi Lạp Hê-rô-đốt (490 - 425 TCN), việc xây dựng đã được tiếp tục thêm khoảng 20 năm nữa ; gần 100.000 người đã lao động xây dựng nên lăng mộ Kê-ốp khổng lồ. Chỉ riêng tiền chi cho thực phẩm của thợ xây như củ cải, hành và tỏi cũng đã tốn gần 20 tỉ mác Đức hiện nay.

Nhưng số liệu về số lượng thợ nói trên bị nhiều nhà nghiên cứu đương thời nghi ngờ. Theo ý kiến họ, đơn giản là trên công trường xây dựng không có đủ chỗ cho một số lượng người như vậy : hơn 8000 người không thể lao động có năng suất mà phiên vướng nhau.

Vào thời kì xây dựng Kim tự tháp, Ai cập là một đất nước giàu có. Hằng năm, từ cuối tháng 6 đến tháng 11, sông Nin dâng nước lũ tràn ngập đồng ruộng quanh vùng, để lại một lớp phù sa dày, biến vùng sa mạc khô cằn thành một vùng đất phì nhiêu. Bởi vậy, vào những năm thuận lợi có thể thu hoạch mỗi năm ba vụ : ngũ cốc, trái cây và rau quả.

Như thế là từ tháng 6 đến tháng 11, những người nông dân không thể lao động trên đồng ruộng của mình. Và họ đã rất vui mừng khi vào thời gian này, tại ngôi làng của họ xuất hiện người của nhà vua đến ghi tên những ai muốn làm việc trên công trường xây dựng Kim tự tháp.

Ai làm việc trên công trường xây dựng Kim tự tháp ? Hầu như tất cả mọi người đều muốn làm việc này và có nghĩa là công việc ấy không phải là lao động cưỡng bức mà là lao động tự nguyện. Điều đó được giải thích bởi hai lí do : Mỗi người tham gia công trình đều có chỗ ở, có áo quần, được ăn và tiền tiêu vật. Sau 4 tháng khi nước sông Nin rút khỏi đồng ruộng, những người nông dân lại quay trở về đồng quê của mình. Ngoài ra, mỗi người Ai Cập đều coi mình có nghĩa vụ tự nhiên và lấy làm vinh dự được tham gia xây dựng Kim tự tháp cho vua. Bởi vì, mỗi người đóng góp phần hoàn thành nhiệm vụ vĩ đại này đều hi vọng rằng, vận mệnh bất diệt của Đức vua cao cả có liên quan đến bản thân mình. Vậy nên cuối tháng 6, những người nông dân lũ lượt kéo đến vùng Ghi-da. Tại đây, họ được bố trí những căn lều tạm và phiên chế thành tổ 8 người.

Những người đàn ông cho thuyền sang công trường đá ở bên kia sông Nin. Tại đây, họ dùng các loại đục, cưa, khoan để đục chuốt từng tảng đá thành những khối đá có kích thước cần thiết. Mỗi nhóm thợ ấy dùng dây chảo và đòn bẩy để đưa các khối đá của mình lên con lăn bằng gỗ, rồi lót ván để kéo khối đá ra bờ sông Nin. Tại đây, một chiếc thuyền buồm sẽ đưa toán thợ và khối đá nặng tới 7,5 tấn về bên này sông.

Đá được lăn tới công trường xây dựng theo các đường lót ván. Tại đây, bắt đầu công việc nặng nhọc nhất, bởi thời ấy cần cầu và các thiết bị khác chưa được sáng chế. Khối đá được đặt lên giàn con lăn và đưa đến một đầu dốc, chiều ngang 20 mét, lát gạch nung từ đất phù sa sông Nin. Những người thợ dùng dây chảo và đòn bẩy để kéo khối đá lên công trường xây dựng Kim tự tháp ở trên cao. Tại đây, họ đặt khối đá vào nơi do kiến trúc sư chỉ định, với độ chính xác đến từng milimét.

Kim tự tháp càng xây cao thì đường vận chuyển ngày càng dài và dốc, mặt bằng thi công trên cao càng thu hẹp lại. Bởi vậy, công việc ngày càng trở nên nặng nhọc.

Công việc nào nguy hiểm nhất ? Công việc nguy hiểm nhất là xếp “tháp” - kéo khối đá cao 9m lên theo đường dốc để đặt vào chóp tháp. Bao nhiêu người đã bỏ mạng trong khi thực hiện công việc này, chúng ta không biết được.

Như vậy là sau 20 năm, việc xây dựng Kim tự tháp đã hoàn thành, gồm có 128 lớp đá và cao hơn nhà thờ Xtra-buốc 4m. Hồi ấy, Kim tự tháp cũng gần giống như hiện nay. Đó là một quả núi có tầng bậc. Tuy nhiên, công việc chưa kết thúc ở đây. Người ta

lại lát đá lên các bậc nên mặt Kim tự tháp không thật phẳng, nhưng cũng không còn các tầng bậc nữa.

Để hoàn tất các công việc, bốn mặt ngoài hình tam giác của Kim tự tháp đã được ốp bằng những phiến đá vôi trắng bóng. Cạnh các phiến đá được lát khít đến mức không thể tách nổi một lưỡi dao cạo. Thậm chí, đứng cách Kim tự tháp vài mét ta cũng có ấn tượng đây là một khối đá nguyên khổng lồ. Những phiến đá lát ngoài được mài bóng như gương phẳng bằng những loại đá mài cứng nhất. Theo xác định của những người chứng kiến, mộ táng Kê-ốp lấp lánh dưới ánh mặt trời và ánh trăng như một khối pha lê khổng lồ phát sáng từ bên trong.

Trong lòng Kim tự tháp là cả một hệ thống đường vào, dẫn qua một lối đi lớn dài 47m, gọi là hành lang lớn, đưa đến phòng Pha-ra-ông yên nghỉ có chiều dài 10,5m, chiều ngang 5,3m và chiều cao 5,8m. Toàn bộ văn phòng được ốp đá hoa cương, nhưng không được trang trí hoa văn gì cả. Nơi đây, người ta đặt một quan tài bằng đá hoa cương để trống, không có nắp. Quan tài này được đưa vào đây từ khi còn đang xây dựng, vì nó không đưa lọt bất kì cửa vào nào hiện nay của Kim tự tháp. Những phòng của Pha-ra-ông như vậy đều thấy các Kim tự tháp của Ai Cập. Đó là nơi cư ngụ cuối cùng của Pha-ra-ông.

Việc mai táng Pha-ra-ông đã diễn ra như thế nào ? Sau khi chết, xác ướp của nhà vua được đưa vào phòng an táng của Kim tự tháp. Các cơ quan nội tạng của người quá cố được để vào các hũ kín riêng biệt gọi là “Ka-no-pa”, đặt cạnh quan tài trong phòng an táng.

Như vậy, hài cốt của Pha-ra-ông đã tìm được nơi trú ngụ ở trần thế trong Kim tự tháp, còn “Ka” của người quá cố thì rời khỏi mộ phần. “Ka” theo quan niệm của người Ai Cập là linh hồn, là “cái bản ngã thứ hai” của con người.

“Ka” rời khỏi thân xác khi chết và có thể phiêu diêu giữa thế giới trần gian và thế giới mộ phần. Sau khi rời khỏi phòng an táng. “Ka” bay lên đỉnh tháp theo lớp đá ốp bên ngoài nhẵn bóng đến mức không một người chết nào khác đi trên nó được. Nơi ấy, đã có cha của Pha-ra-ông - Thần “Mặt Trời” Ra - ngự trị trong tháp Mặt Trời của mình, và Pha-ra-ông quá cố bắt đầu hành trình vào cõi bất tử.

Gần đây, một số nhà bác học tỏ ra nghi ngờ : Kim tự tháp lớn có đích thực là hầm mộ của Pha-ra-ông Kê-ốp không ? Để bảo vệ cho giả thuyết ấy, họ đưa ra ba luận cứ :

Phòng mai táng, trái với phong tục tập quán lúc bấy giờ, không có bất kì sự trang trí nào.

Quan tài bằng đá, nơi phải để thi thể của Pha-ra-ông quá cố, chỉ được chế tác một cách thô sơ, nghĩa là chưa thật sự sẵn sàng, nắp đậy chưa có.

Và cuối cùng, có luồng không khí bên ngoài lọt vào phòng mai táng qua những lỗ thông lớn trên Kim tự tháp và thổi vào theo hai cửa hẹp. Nhưng, những người chết

không cần không khí - đó chính là một luận cứ đáng để giả định rằng Kim tự tháp Kê-ốp không phải là nơi mai táng.

Hơn 3500 năm qua, bên trong Kim tự tháp lớn không bị ai quấy nhiễu. Tất cả lối vào đều được xây bít lại, còn mộ phần thì theo quan niệm của người Ai Cập đã được các linh hồn bảo vệ - sẵn sàng trừ diệt kẻ nào âm mưu đột nhập vào đó.

Cùng với lớp ốp lát ngoài, Kim tự tháp còn bị mất cả chóp tháp và những lớp đá lát trên ngọn. Bởi vậy, giờ đây chiều cao của Kim tự tháp không còn là 146,6m nữa mà là 137,2m. Hiện đỉnh Kim tự tháp là một hình vuông, mỗi cạnh khoảng 10m.

Năm 1842, đỉnh tháp này đã trở thành nơi tiến hành các lễ hội đặc biệt, Vua Pru-xi-a (nguyên là một quốc gia thành lập năm 1525 sau đó, đến trước năm 1945, là đất nước thuộc nước Đức - ND) - Phi-ri-đrich Vi-hem - một người nổi tiếng là yêu nghệ thuật, đã phái đến vùng đồng bằng sông Nin một đoàn khảo sát dưới sự lãnh đạo của nhà khảo cổ học Ri-hat-đơ Lep-xi-ut tìm mua các tác phẩm nghệ thuật và các hiện vật khác cho một viện bảo tàng về Ai Cập được thành lập tại Bec-lin (được khai trương năm 1855).

Tại sao lá cờ Pru-xi-a tung bay trên Kim tự tháp ? Ngày 15 - 10, nhân dịp ngày sinh của nhà vua, Lep-xi-ut với một số người Ả Rập du mục đã trèo lên Kim tự tháp như chính ông đã cho biết, dưới tiếng hô ba lần “Đức vua muôn năm !”, ông đã cắm lên đỉnh Kim tự tháp lá cờ Pru-xi-a với hình ảnh con đại bàng và đất nước Pru-xi-a.

Lep-xi-ut cũng đã mừng lễ Giáng sinh năm 1842 một cách độc đáo như thế. Hôm trước ngày Giáng sinh, ông đã đốt ngọn lửa Giáng sinh trên đỉnh Kim tự tháp lớn, còn trong phòng Pha-ra-ông, ông để vào quan tài đá hoa cương một cây cọ có trang trí một số món quà nhỏ, tặng cho những người tham gia đoàn khảo sát.

Đối với chúng ta ngày nay, những nghi thức ấy có vẻ lạ kì và hài hước, nhưng chúng đã đem lại một sự thành công bất ngờ. Sau khi báo chí đăng tin về con đại bàng Pru-xi-a trên đỉnh Kim tự tháp được xây dựng 4000 năm trước đây thì sự hứng thú đối với những công trình sáng tạo vĩ đại nhất của thời cổ đại, sự hứng thú xưa nay vốn có của giới thượng lưu tôn giáo, đã trở thành tài sản của các tầng lớp xã hội rộng rãi nhất.

(Theo : Nguyễn Xuân Trường - Trần Thái Hà,
Tư liệu dạy học Lịch sử (phần lịch sử thế giới cổ đại), Sđd, tr.127 - 132)

3. Tục ướp xác người chết ở Ai Cập cổ đại

Theo tín ngưỡng của người Ai Cập cổ đại, người tuy chết, nhưng linh hồn bất tử. Họ cho rằng trong thân thể của mỗi người đều có linh hồn “Ka” đi theo thân thể người như hình với bóng. Khi người chết thì “Ka” mới rời khỏi xác người, bắt đầu cuộc sống độc lập. Chỉ khi nào xác chết hoàn toàn bị huỷ diệt thì “Ka” mới chết theo, nhưng giữ được xác chết thì “Ka” sẽ có ngày quay về với thể xác, con người sẽ sống lại. Vì tin như vậy, nên người Ai Cập cổ đại đã có tục ướp xác chết (mômi) để giữ xác ấy mãi mãi không thối rữa.

Thuật ướp xác ra đời ở Ai Cập từ thời Cổ vương quốc, khoảng năm 2700 TCN và tồn tại mãi đến thế kỉ V sau CN. Có những người chuyên môn làm nghề ướp xác chết. Thoạt tiên, người thợ thông một cái móc sắc lên lỗ mũi lên óc của người chết, moi tất cả óc ra, rồi cho vào một chất nước đặc biệt vào đầu rửa sạch sọ. Sau đó, họ dùng một con dao đá rất sắc, rạch bụng, moi tất cả ruột gan ra, trừ tim vẫn giữ nguyên trong lồng ngực, và rửa sạch bụng bằng rượu vang và nước thơm, nhồi các chất thơm vào bụng khâu lại. Não và nội tạng chứa vào 4 cái vỏ. Người Ai Cập quan niệm quả tim là trung tâm phát sinh sự thông minh và tình cảm cho nên phải giữ nguyên trong lồng ngực để chờ ngày phán xử cuối cùng. Xác được ngâm vào muối súc trong vòng 70 ngày. Xác teo quắt lại, chỉ còn da bọc xương. Sau khi xoa dầu thơm và chất hoá học lên xác ướp, người ta bó chặt cái xác lại bằng những băng vải. Riêng các ngón tay được lồng vào cái túi bằng vàng để khỏi rơi rụng. Sau đó người ta đặt xác chết vào một quan tài bằng gỗ hay bằng đá. Để cho “Ka” dễ nhận ra “mômi” của mình, người ta tạc hình người chết trên nắp quan tài. Phần đầu của quan tài chạm trổ theo khuôn mặt của người chết ; phần thân, chạm hay vẽ hoa văn như quần áo nên trông quan tài giống như một bức tượng người không chân tay.

Việc ướp xác lúc đầu là độc quyền của vua và hoàng hậu. Từ năm 1500 TCN, xác của các nhà quý tộc cũng được ướp. Sau đó, tục ướp xác lan đến những người giàu có trong xã hội. Những xác ướp này có thể tồn tại nguyên vẹn hàng mấy nghìn năm. Gần đây, Viện bảo tàng Ai Cập ở thủ đô Cai-rô đã trưng bày 26 xác ướp của các Pha-ra-ông đã chôn cất cách ngày nay 4000 - 5000 năm, vẫn được bảo quản tốt.

(Theo : Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 28 - 29).

BÀI 6. NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC (3 tiết)

Chuẩn bị cho bài học :

Giáo viên : - Tranh, ảnh về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

- Lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

- Sơ đồ tổ chức nhà nước Văn Lang và sơ đồ khu di tích thành Cổ Loa.

Học sinh : Sách, vở, đồ dùng có liên quan đến bài học.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Vào bài mới, GV có thể giới thiệu : Cách đây hàng nghìn năm, trên đất nước ta đã ra đời nhà nước đầu tiên đó là nhà nước Văn Lang, tiếp theo là nhà nước Âu Lạc. Để tìm hiểu sự ra đời của các nhà nước trên, em hãy nêu những hiểu biết của mình về một số nội dung sau :

- Hằng năm, giỗ Tổ Hùng Vương diễn vào ngày nào ? Ở đâu ? Tại sao cả nước ta lại có ngày giỗ Tổ ?

- Em biết gì về khu di tích thành Cổ Loa.

GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về vấn đề trên, có thể các em không trả lời đúng và đủ hết, điều đó không quan trọng vì đây chỉ là câu hỏi gây tò mò và tạo nên sự hứng thú cho các em trước khi tìm hiểu nội dung bài học, qua đó GV tổ chức các hoạt động cho HS sau này.

Sau đó, GV cho HS tìm hiểu mục tiêu của bài :

- Biết được hoàn cảnh và sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Trình bày được tổ chức nhà nước Văn Lang, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang ; nét chính diễn biến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần, qua đó rút ra bài học cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc.
- Vẽ được sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang, Âu Lạc, mô tả thành Cổ Loa.
- Giáo dục lòng biết ơn, công lao dựng nước của các vua Hùng ; giáo dục tinh thần cảnh giác. Rèn luyện ý thức bảo tồn khu di tích Đền Hùng, khu di tích thành Cổ Loa.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về sự thành lập nước Văn Lang



GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin kết hợp quan sát hình 1, 2, 3 trong mục 1 của tài liệu Hướng dẫn học (trang 52, 53), thảo luận để thực hiện các yêu cầu và trả lời các câu hỏi sau :

- Xác định trên lược đồ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, nơi hình thành các bộ lạc lớn - tiền thân của nhà nước Văn Lang.

- Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ?

- Tên đầu tiên của nước ta là gì, đóng đô ở đâu ? Do ai đứng đầu ?

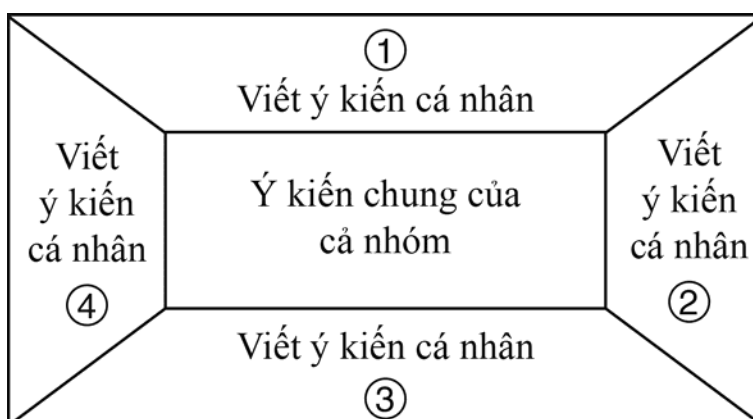
Đối với câu hỏi : Xác định trên lược đồ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, nơi hình thành các bộ lạc lớn – tiền thân của nhà nước Văn Lang, GV sử dụng đồ dùng trực quan để tổ chức cho HS quan sát bằng việc treo lược đồ lên bảng hoặc yêu cầu HS quan sát lược đồ trong tài liệu Hướng dẫn học để xác định.

Đối với các câu hỏi : Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ? Tên đầu tiên của nước ta là gì, đóng đô ở đâu ? Do ai đứng đầu ? GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề. GV có thể tạo tình huống có vấn đề như sau : Vào khoảng thế kỉ VIII – VII TCN, các bộ lạc ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn thuộc Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ ngày nay xuất hiện sự phân hoá giàu nghèo, xung đột,... Tình hình đó đặt ra yêu cầu gì ? Ai là người có thể đứng ra giải quyết tình hình đó ? Qua đó, kích thích HS suy nghĩ, tìm tòi và giải quyết trên cơ sở kiến thức ở nội dung phần thông tin.

Sau đó, GV có thể sử dụng kĩ thuật “khăn trải bàn” để giải quyết vấn đề đặt ra. Cách tiến hành như sau : Chia HS thành các nhóm. Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong vòng khoảng 2 – 3 phút suy nghĩ và viết vào phần mang số của mình.

Hết thời gian làm việc cá nhân, các thành viên trong nhóm chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Ý kiến thống nhất được nhóm viết vào phần chính giữa.

Kĩ thuật “khăn trải bàn”



GV yêu cầu đại diện nhóm lên trả lời, có thể HS trả lời chưa đầy đủ câu hỏi mà chỉ cần trả lời được ý chính. Cuối cùng, GV kết luận những nội dung chính.

Với HS khá giỏi, GV có thể bổ sung thêm câu hỏi : Tại sao các quốc gia cổ đại ở phương Đông chủ yếu hình thành ở lưu vực các con sông lớn ?



2. Trình bày tổ chức của nhà nước Văn Lang

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi.

Đối với hoạt động này, GV yêu cầu HS tập trung vào nội dung việc tổ chức, hướng dẫn HS vẽ và trình bày được *Sơ đồ tổ chức của nhà nước Văn Lang*.

Từng em đọc các thông tin kết hợp quan sát hình 4 và hình 5 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 53, 54). Sau đó, thảo luận và thực hiện yêu cầu sau :

Dựa vào các đoạn thông tin trên, điền nội dung thích hợp vào ô trống trong sơ đồ (tài liệu Hướng dẫn học, trang 54) và trình bày sơ đồ đó.

Ở yêu cầu này, GV sử dụng kĩ thuật trao đổi, đàm thoại hoặc kĩ thuật "khăn trải bàn" để hoàn thành sơ đồ trên.

HS có thể điền chưa đúng hoặc đầy đủ hết các thông tin, mà chỉ cần các em nói được ý chính. Sau đó, GV kết luận và cùng HS hoàn thành sơ đồ tổ chức của nhà nước Văn Lang.

Với HS khá giỏi, bổ sung thêm câu hỏi : Em cho biết tổ chức của nhà nước Văn Lang có gì giống và khác so với tổ chức nhà nước cổ đại phương Đông và phương Tây mà em đã được học ?



3. Tìm hiểu về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm.

Hướng dẫn HS đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 6, 7, 8, trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu sau :

- Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang có gì nổi bật ?

- Hãy mô tả về nhà ở của cư dân Văn Lang (Với yêu cầu này, GV tổ chức cho HS trao đổi, đàm thoại với các thành viên trong nhóm để thống nhất nội dung và báo cáo kết quả với GV).

- Nêu những hiểu biết của em về tín ngưỡng của cư dân Văn Lang.

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc trước lớp. GV yêu cầu HS liên hệ và so sánh với cách ăn, mặc, ở hiện nay.



4. Tìm hiểu sự ra đời của nhà nước Âu Lạc

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm.

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 56, 57). Sau đó, thảo luận và trả lời các câu hỏi :

- Trình bày cuộc chiến đấu chống quân Tần của nhân dân Tây Âu – Lạc Việt.
- Nêu tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương.

Với hoạt động này, GV sử dụng kĩ thuật dạy học “các mảnh ghép”. Cách tiến hành như sau :

GV chia HS trong lớp thành 2 nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm :

Nhóm 1 : trao đổi, thảo luận về cuộc chiến đấu chống quân Tần của nhân dân Tây Âu - Lạc Việt.

Nhóm 2 : thảo luận về tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương.

Mỗi nhóm thảo luận về nhiệm vụ đã được phân công.

Sau đó, thành viên của nhóm này sẽ tập hợp với thành viên của nhóm kia để thành một nhóm mới, như vậy trong nhóm mới sẽ có đủ các “chuyên gia” về các vấn đề (Cuộc chiến đấu chống quân Tần của nhân dân Tây Âu - Lạc Việt ; Tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương). Mỗi “chuyên gia” sẽ có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm mới về vấn đề đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ. Đồng thời, nhóm mới sẽ thảo luận thêm về nguyên nhân ra đời của nhà nước Âu Lạc (nhiệm vụ mới).

Với HS khá, giỏi hoặc nhóm hoàn thành công việc trước, GV bổ sung thêm câu hỏi : So sánh về tổ chức bộ máy nhà nước Âu Lạc với nhà nước Văn Lang.



5. Khám phá thành Cổ Loa và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm.

GV hướng dẫn HS đọc đoạn thông tin kết hợp quan sát các hình 9, 10, 11 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 57, 58, 59) thảo luận và trả lời các câu hỏi sau :

- Hãy cho biết lực lượng và vũ khí được trang bị cho quân đội ở thành Cổ Loa.
- Tại sao quân dân Âu Lạc đánh bại được cuộc xâm lược của quân Triệu.
- Vì sao An Dương Vương lại thất bại nhanh chóng ?

Với hoạt động này, GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, bằng cách tạo tình huống học tập có vấn đề, yêu cầu nhóm HS giải quyết vấn đề trên cơ sở kiến thức đã học và nội dung thông tin của mục này.

Với HS khá giỏi, GV có thể bổ sung thêm câu hỏi : Em có nhận xét gì về việc xây dựng thành Cổ Loa vào thế kỉ III - II TCN ở nước Âu Lạc ?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



GV hướng dẫn HS thảo luận thực, hiện các yêu cầu sau :

1. Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và nêu nhận xét.
2. Em hãy mô tả thành Cổ Loa và nêu nét độc đáo của thành.
3. Lập bảng thống kê về nước Văn Lang và nước Âu Lạc vào vở theo nội dung sau :

Nội dung	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Hoàn cảnh ra đời		
Tổ chức nhà nước		
Sự sụp đổ		

GV động viên các em không nhìn vào tài liệu Hướng dẫn học để vẽ sơ đồ và lập bảng thống kê. Không nhất thiết và không nên yêu cầu HS điền đúng từng nội dung ở bảng trên mà chỉ cần các em điền được ý chính.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



GV hướng dẫn HS làm ở nhà :

1. Em hiểu thế nào về câu nói của Bác Hồ :

*"Các vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".*

2. Có phải nước Âu Lạc sụp đổ là do mất cảnh giác không ? Qua đó, em rút ra bài học gì đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước hiện nay ?

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG



1. Em hãy sưu tầm hình ảnh và tư liệu về các di tích sau : Đền Hùng, thành Cổ Loa, các di sản có liên quan đến Hùng Vương và An Dương Vương.

2. Để tìm hiểu sâu sắc hơn về tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, di tích Đền Hùng và di tích thành Cổ Loa, em tìm đọc một số cuốn sách và trang web sau :

- <http://www.giaoducphothong.edu.vn>

- Phạm Bá Khiêm, *Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*, NXB Văn hóa, Thông tin, Hà Nội, 2013.

3. Tìm hiểu các câu chuyện Sơn Tinh – Thủy Tinh, My Châu – Trọng Thủy...

*** Thông tin bổ trợ cho giáo viên**

1. Thời Văn Lang - Âu Lạc

*"Kể năm hơn bốn nghìn năm,
Tổ tiên rục rở, anh em thuận hoà."*

*Hồng Bàng là tổ nước ta,
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con Phù Đổng tiếng vang muôn đời.
Tuổi tuy chưa đến chín mươi,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.
An Dương Vương thế Hùng Vương,
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền dị dân".*

(Theo : Hồ Chí Minh - Toàn tập (*Lịch sử nước ta*), Tập 3, tr. 22)

2. Hùng Vương (vua Hùng)

Người đứng đầu nước Văn Lang, thực tế là thủ lĩnh của liên minh các bộ lạc thời dựng nước.

Có nhiều cách giải thích khác nhau về từ "Hùng". Có ý kiến cho rằng từ "Hùng" là cách phân âm Hán - Việt của từ "Khun" - danh hiệu thủ lĩnh các tộc người Việt.

Vua Hùng với âm cổ "Phô Khun" có nghĩa là bố của các thủ lĩnh. Có người đoán định rằng, chữ "Hùng" và chữ "Lạc" trong chữ Hán viết gần giống nhau. Nên đã chép "Hùng" thành "Lạc".

Khi về thăm đền Hùng (tháng 10-1954), Bác Hồ đã có câu nói nổi tiếng :

*"Các vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".*

3. Lễ hội thời Hùng Vương

Sinh hoạt văn hoá tinh thần của người dân thời Hùng Vương là những dịp tập trung, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, trong cùng một lúc, ở cùng một nơi theo cùng một mục đích và điều này, đến lượt nó, trở thành một hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần đặc sắc nữa của con người thời Hùng Vương. Đó là những ngày hội, ngày lễ.

Thời Hùng Vương, có nhiều hình thức và nhiều lễ hội khác nhau. Tuy nhiên, chắc chắn là do tầm quan trọng của nó, có một thứ lễ hội đã được người đương thời chú trọng mượn nghệ thuật tạo hình ghi lại. Đó là thứ lễ hội tổng hợp nhiều tiết mục và ý nghĩa khác nhau. Qua những hình ảnh được phản ánh bằng một bút pháp hiện thực sinh động, có thể hình dung được, về đại thể, thứ lễ hội tiêu biểu đó ở thời Hùng Vương như dưới đây.

Trong những yếu tố làm nên những ngày hội, trước hết phải kể đến tục đánh trống đồng. Qua những hình ảnh cụ thể của tục lệ này, tự đương thời truyền về, có thể thấy một số đặc điểm chung của tục lệ như : không đánh trống đơn độc mà hoà tấu từng đôi hoặc hai đôi trống cùng lúc, bắc giàn trên trống để ngồi hoặc đứng mà đánh theo kiểu giã cối chày tay, người đánh trống thường hoá trang trong bộ trang phục hình chim và gồm có cả nam lẫn nữ. Còn có thể có cách đánh trống bằng ống nước với ý nghĩa tượng trưng cho mưa, và cách kê trống đặt ống thông xuống đất với ý nghĩa nối cho tiếng trống vang động thấu trời đất, trong khi sử dụng trống hội.

Đánh cồng (chiêng) cũng là yếu tố làm nên ngày hội. Cồng là nhạc cụ, sử dụng trong ngày hội, nó còn có ý nghĩa tượng trưng cho sự sinh sản thịnh vượng. Cồng cũng được hoà tấu thành bộ và treo thành giàn ở nhà sàn mái tròn dùng làm kho thóc.

Trong ngày hội, còn có nhảy múa và ca hát. Những người múa hát phần lớn đều hoá trang trong bộ trang phục hình chim. Điều này mang một số yếu tố ý nghĩa tín ngưỡng cổ truyền. Múa hát có nhạc cụ (khèn, chuông, sênh, phách) thiên về biểu diễn và thưởng thức văn nghệ. Múa hát với vũ khí trong tay (giáo, rìu chiến) thiên về mặt rèn luyện và biểu dương tinh thần thượng võ.

Giã cối là tục lệ ngày hội. Từng đôi nam nữ cầm chày đứng giã cối tròn. Đó là những chiếc cối rỗng, là những thứ dụng cụ nông nghiệp, đồng thời là nhạc cụ và cũng là vật tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở. Trở thành một tiết mục trong ngày lễ hội, giã cối (và hát) vừa là hình thức biểu diễn và thưởng thức văn nghệ vừa là trò chơi và hình thức giao duyên nam nữ, vừa mang ý nghĩa cầu mong sinh sản thịnh vượng.

Hát đối và sinh hoạt nam nữ cũng là một tiết mục ngày hội. Có một hình thức hát đối đáp nam nữ khá đặc sắc đã ghi lại : ở trong những ngôi nhà sàn mái cong, từng đôi nam nữ ngồi đối diện, lòng chân giao tay vào nhau mà hát, bên cạnh một người đánh một thứ trống, tương tự như trống khău. Đây là một hình thức sinh hoạt nam nữ duyên ái và trao tình, kèm với văn nghệ và được nghi thức của tục lệ bảo vệ hàm ý cầu mong sinh sôi nảy nở. Lối hát đối đáp nam nữ kèm những động tác sinh hoạt, vẫn còn được bảo lưu mãi về sau cũng như là trong suốt lịch sử tồn tại của hội làng Việt Nam, những tục lệ trò chơi và sinh hoạt nam nữ bao giờ cũng có một vị trí quan trọng.

Bơi thuyền và những hoạt động trên sông nước, là tục lệ ngày hội vào những loại quan trọng và phổ biến nhất thời Hùng Vương nhằm mục đích cầu nước và rèn luyện kĩ thuật bơi thuyền, tinh thần thượng võ. Những con thuyền độc mũi cong, đuôi én, mình thon dài, trên có nhiều người ngồi hoặc đứng, hoá trang thành chim công, cầm vũ khí hoặc giầm bơi, hoạt động khấn trương, là một trong những hình ảnh hội lễ được người thời Hùng Vương chú ý truyền ghi. Một hình thức hội nước khác là hình thức hiến tế cầu cúng thủy thần. Trên những chiếc thuyền lớn, có sàn cao, chõ trống đồng (gọi mưa) bình đồng (đựng nước thiên) với người cầm cung thần và cả chó nữa,

canh giữ, có cảnh cầm giáo đâm người trói, đánh trống và người chèo lái hoá trang vũ trang. Đua thuyền và cúng tế thuỷ thần như vậy là một tục lệ ngày hội nước thời Hùng Vương. Mãi về sau, những hình thức hội nước này vẫn được bảo lưu, phổ biến ở nhiều làng Việt Nam.

Một tục lệ ngày hội ở thời Hùng Vương nữa là kể chuyện dân gian theo nghi thức. Người kể chuyện ở đây hẳn là nghệ nhân dân gian, đồng thời cũng có thể là người coi giữ việc cầu cúng trong làng. Người kể chuyện, mặc trang phục ngày hội, vừa kể chuyện vừa làm những động tác minh hoạ bằng tay chân. Hình thức kể chuyện ngày hội như thế này ở nhiều miền quê Việt Nam về sau vẫn giữ được gần nguyên vẹn.

(Theo : Văn Tân,... *Thời đại Hùng Vương (lịch sử - kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 223 - 227)

BÀI 7. CHAM-PA VÀ PHÙ NAM (3 tiết)

Chuẩn bị cho bài học :

- Giáo viên : - Tranh, ảnh về nhà nước Cham-pa và Phù Nam
 - Lược đồ Giao Châu và Cham-pa giữa thế kỉ VI – X.
 - Máy chiếu (nếu có) ; Phiếu học tập.
- Học sinh : - Sách, vở, đồ dùng học tập liên quan đến bài học.
 - Sưu tầm tranh ảnh về các di tích : Mĩ Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo...

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Vào bài, GV có thể giới thiệu : Cách đây hàng nghìn năm, trên đất nước ta cùng với sự ra đời của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thì ở Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ còn có sự ra đời của những nhà nước khác như Cham-pa, Phù Nam. Để tìm hiểu sự ra đời các nhà nước trên, em hãy thực hiện các yêu cầu sau :

- Nêu những hiểu biết của mình về một trong những khu di tích : Mĩ Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo.

- Em biết gì về nhà nước Cham-pa và nhà nước Phù Nam ? Nêu những hiểu biết của mình về các nhà nước đó.

GV có thể chiếu một đoạn video (nếu có) về khu di tích Mĩ Sơn, Sa Huỳnh, hay văn hoá Óc Eo hoặc liên quan đến nhà nước, văn hóa Cham-pa, Phù Nam. Đồng thời nêu câu hỏi : Em có biết gì về nội dung đoạn video đó ? Ở hoạt động này, GV sử dụng

phương pháp dạy học nêu vấn đề kết hợp với phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan để tạo tình huống có vấn đề với các câu hỏi nêu trên, tạo ra sự mâu thuẫn xung đột giữa kiến thức các em đã biết về văn hoá và nhà nước Cham-pa, Phù Nam với những vấn đề các em chưa biết hoặc biết nhưng chưa đầy đủ, từ đó, kích thích sự tìm tòi, khám phá kiến thức mới của bài học.

Các em có thể không trả lời đủ và đúng hết, điều đó không quan trọng vì đây chỉ là câu hỏi gây tò mò và tạo hứng thú đối với HS khi tìm hiểu điều chưa biết.

Sau đó, GV cho HS tìm hiểu mục tiêu của bài :

- Trình bày được sự ra đời của nước Cham-pa và Phù Nam.
- Nêu được nét chính tình hình kinh tế, văn hoá của Cham-pa và Phù Nam.
- Xác định trên lược đồ về vị trí của nhà nước Cham-pa. Có khả năng sưu tầm và khai thác tranh ảnh về các di tích Sa Huỳnh, Mĩ Sơn, tháp Chăm, Ốc Eo,... phục vụ nội dung bài học.
- Hình thành nhận thức đúng về sự tồn tại của ba quốc gia cổ đại trên lãnh thổ nước ta. Rèn luyện ý thức duy trì và bảo tồn các khu di tích Cham-pa, Ốc Eo.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Tìm hiểu sự ra đời của nước Cham-pa

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Trước hết, GV tổ chức, hướng dẫn HS quan sát lược đồ hình 1 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 62), xác định giới hạn vùng đất và một số địa danh của nước Cham-pa. Với hoạt động này, GV sử dụng đồ dùng trực quan, cho HS quan sát lược đồ, trao đổi, thảo luận để xác định.



2. Tìm hiểu về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của nước Cham-pa

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Yêu cầu HS đọc kĩ thông tin, kết hợp quan sát hình 2 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 63) để thảo luận, trả lời các câu hỏi sau :

- Nêu các ngành kinh tế chính của cư dân Cham-pa.
- Đời sống văn hoá, tín ngưỡng của cư dân Cham-pa như thế nào ?

Ở hoạt động này, GV tổ chức cho HS trao đổi, đàm thoại để thống nhất nội dung trả lời của nhóm. Cuối cùng, đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc với GV.

Nếu có điều kiện, GV có thể hướng dẫn cho từng nhóm đã trả lời xong, hoặc cả lớp so sánh với tình hình kinh tế Văn Lang, Âu Lạc.



3. Tìm hiểu sự ra đời của nước Phù Nam

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Với hoạt động này, GV yêu cầu HS tập trung vào nội dung Cơ sở hình thành nhà nước Phù Nam.

Từng em trong nhóm đọc thông tin. Sau đó, nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi sau :

- Nước Phù Nam ra đời vào thời gian nào và dựa trên cơ sở của nền văn hoá nào ?
Nêu những hiểu biết về văn hóa Óc Eo.

- Hãy cho biết thể chế chính trị của nước Phù Nam (Với hoạt động này, GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề nhằm tạo tình huống có vấn đề : Cùng với sự ra đời của nhà nước Cham-pa ở Trung Bộ (ngày nay), ở Nam Bộ còn hình thành một nhà nước Phù Nam.

HS trao đổi, thống nhất nội dung của nhóm để trả lời hai câu hỏi trên. Cuối cùng, đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc với GV.

Nếu có thời gian, GV có thể nói với một số nhóm hoàn thành công việc trước hoặc nói với cả lớp nếu tất cả các nhóm cùng hoàn thành hoạt động này về địa bàn của Phù Nam ở giai đoạn thịnh đạt.



4. Tìm hiểu tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của nước Phù Nam

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Hoạt động này, GV yêu cầu HS tập trung vào tìm hiểu tình hình kinh tế, văn hoá xã hội của cư dân Phù Nam.

GV tổ chức hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 4 và 5 trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 64, 65). Sau đó, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi sau :

- Nêu tình hình nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngoại thương của cư dân Phù Nam.
- Đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Phù Nam như thế nào ?

Đối với hoạt động này, GV cho HS trao đổi, đàm thoại để thống nhất nội dung trả lời của nhóm.

Với HS khá giỏi, GV có thể bổ sung thêm câu hỏi : So sánh tình hình nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngoại thương của cư dân Phù Nam với cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



GV tổ chức HS làm việc cá nhân

1. Hoàn thành phiếu học tập

GV phát cho các em phiếu học tập theo yêu cầu :

PHIẾU HỌC TẬP

Lập bảng thống kê về quốc gia Cham-pa và Phù Nam theo nội dung sau :

Nội dung thống kê	Cham-pa	Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thể chế chính trị		
Các ngành kinh tế chính		
Văn hoá		

GV động viên HS không nhìn vào tài liệu để lập bảng mà biểu đạt bằng sự hiểu biết của mình.



2. Trao đổi, thảo luận để trả lời câu hỏi : Nước Cham-pa và Phù Nam ra đời dựa trên cơ sở nền văn hoá nào ?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Đây là những hoạt động GV hướng dẫn HS làm việc ở nhà.

Những di sản văn hoá của người Chăm còn được lưu giữ đến ngày nay phản ánh sự phát triển của ngành nào ? Theo em, cần phải làm gì để gìn giữ và phát triển những di sản văn hoá đó.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG



1. Để tìm hiểu sâu sắc hơn về di tích lịch sử Mỹ Sơn, các nền văn hoá Sa Huỳnh, Óc Eo, GV hướng dẫn HS tìm đọc một số cuốn sách và trang web sau :

- Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2005.
- Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
- <http://www.bachkhoatrithuc.vn> ; <http://www.khoahoc.com.vn> ;
<http://www.giaoducphothong.edu.vn>.

Thông tin bổ trợ cho giáo viên

1. Lâm Ấp – Cham-pa từ thế kỉ III đến thế kỉ X

Sau khi lật đổ chính quyền đô hộ, thành lập quốc gia độc lập, được sự che chắn của Cửu Chân, Giao Chỉ, Lâm Ấp có điều kiện xây dựng và phát triển trong yên bình. Vốn là vùng đất sinh sống chủ yếu của hai bộ lạc Dừa và Cau, trải qua nhiều cuộc tranh chấp, xung đột, Lâm Ấp dần dần trở thành một quốc gia chung của người Chăm. Theo

các nguồn sử liệu ít ỏi còn lại, vào khoảng thế kỉ V - VI, Lâm Ấp chính thức đổi tên là Cham-pa (theo tên gọi bông hoa *Michelia Champacca*, vốn được người Ấn dùng làm tên gọi một tiểu quốc của mình).

Lãnh thổ Cham-pa kéo dài từ nam Hoành Sơn đến Bình Thuận, được chia thành 4 châu (bang) : Amaravati (Quảng Nam - bắc), Vigiaya (Bình Định - Phú Yên), Kauthara (Khánh Hoà) và Panduranga (Ninh Thuận - Bình Thuận).

Dưới châu là các huyện (hạt), dưới huyện là thôn.

a) Về kinh tế

Tồn tại trên một vùng đất ven biển, hẹp về bề ngang, Cham-pa vừa có đồng bằng, vừa có cao nguyên, đồi núi. Hoạt động kinh tế khá phong phú. Nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu. Người dân Chăm biết làm ruộng từ sớm, mỗi năm hai vụ lúa “bạch điền” và “xích điền”. Họ cũng biết đào mương máng dẫn nước vào ruộng. Tuy nhiên, ruộng đất ít, người Chăm phải trồng thêm các cây lương thực như đậu, kê và các loại vừng, hoa quả, đặc biệt là dừa, cau.

Cham-pa hầu như không có ruộng tư. Đất đai thuộc quyền chi phối hoàn toàn của vua. Vua Chăm thường cấp đất cho các chùa, đền. Người dân Chăm cày ruộng công nộp tô thuế cho nhà nước. Một số khác cày thuê cho chùa, đền để sống.

Các nghề thủ công như dệt (lụa, vải bông), gốm, xây dựng, làm đồ trang sức phát triển. Nghề khai thác lâm sản giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Hàng thủ công mỹ nghệ, lâm sản quý như gỗ, trầm hương, ngà voi, sừng tê, chim công, vẹt,... là những mặt hàng được thương nhân nước ngoài ưa chuộng. Thương nhân người Hoa, In-đô-nê-xi-a... thường dong thuyền cập bến ở vùng bờ biển Cham-pa để trao đổi hàng hoá.

b) Về chính trị

Sau một thời gian xây dựng, tổ chức chính trị Cham-pa dần dần ổn định. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Ấn Độ. Từ khi thành lập cho đến thế kỉ X, Cham-pa (theo sử sách Trung Quốc) trải qua các tên Lâm Ấp - Hoàn Vương - Chiêm Thành và trải qua các triều đại lớn :

- Gangaragia : thế kỉ VI - VIII, kinh đô là Sinhapura (Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam).

- Panduranga : thế kỉ VIII - giữa thế kỉ IX, kinh đô là Virapura (Phan Rang, Ninh Thuận).

- Indrapura : giữa thế kỉ IX - X, kinh đô là Indrapura (Đồng Dương, Quảng Nam).

Thế chế nhà nước là quân chủ chuyên chế, vua có toàn quyền đối với đất nước và cư dân ; thường dùng vương hiệu Ấn : Vácman.

Giúp vua trị nước có hai tôn quan (Đại thần) : Senapati (Tây na bà đế) phụ trách dân sự và Tapatica (Tát bà địa ca) phụ trách quân sự.

Bên dưới là một số thuộc quan, chia thành 3 cấp : Luân đa tính, Ca luân trí đế, Ất tha già lam.

Ở địa phương, các châu đều có hai chức chánh, phó cai quản với sự giúp sức của một loạt quan lại.

Quan lại nói chung không có lương, cũng không được cấp ruộng đất. Họ sống chủ yếu bằng cung cấp của dân vùng mình cai quản.

Như nhận xét của một số nhà sử học, vua Chăm rất hiếu chiến, quân đội từ buổi đầu đã có đến 4 - 5 vạn người, gồm bộ binh, tượng binh và thủy binh. Thủy binh gồm hàng trăm chiếc thuyền lớn, nhỏ. Vũ khí có giáo mác cung nỏ, áo giáp bằng mây đan, mộc gỗ.

Cham-pa chưa có luật thành văn. Những người có tội, chịu hình phạt nặng nề như voi giày, gây nhon đâm vào đầu, bị bắt làm nô lệ.

c) Về xã hội

Nhìn chung, người Chăm được chia thành 4 đẳng cấp kiểu Ấn Độ :

Brahman (Tăng lữ), Ksatrya (quý tộc) là hai đẳng cấp cao nhất nắm quyền hành trị nước.

Vaishya và Sudra là dân bị trị.

Nô lệ - Hulun - là tầng lớp thấp nhất, bầy giờ khá đông.

Trong quan hệ xã hội, mặc dù chế độ phụ hệ đã thống trị, vua, quan đều là nam, song chế độ mẫu hệ vẫn phổ biến trong nhân dân. Người Hoa đến Cham-pa đã có nhận xét : “Đối với người Chiêm Thành, phụ nữ là tất cả, nam giới không là gì cả”.

d) Về văn hoá

Ngay từ những thế kỉ IV - V, văn hoá Cham-pa đã khá phát triển. Theo các bia kí còn lại, từ các thế kỉ III - IV, người Chăm đã theo Ấn giáo, thần Indra (tối cao) được thờ ở khắp nơi. Bên cạnh đó, các thần chính của Ấn giáo : Brahm, Vishnu và Siva được thờ phụng phổ biến. Tuy nhiên, trong khi du nhập Ấn giáo, người Chăm lại tôn thần Siva (Thần sức mạnh tàn phá của tự nhiên) lên cao nhất và nhiều nơi hoà với tín ngưỡng cổ truyền, dựng thành các ngẫu tượng Visa - Uma (vợ Siva) vừa có râu vừa có vú.

Vào thế kỉ V, đạo Phật cũng được du nhập, đến thế kỉ IX trở thành tôn giáo được đề cao.

Các tín ngưỡng dân gian địa phương tiếp tục tồn tại và phát triển, như thờ tổ tiên, thờ Linga (dương vật), Yoni (âm vật) và ngẫu tượng Linga - Yoni.

Một thành tựu văn hoá quan trọng của Cham-pa là việc sáng tạo các chữ viết riêng của mình. Ban đầu, người Chăm dùng chữ Phạn của Ấn Độ để khắc các văn bản trên bia, nhưng đến thế kỉ IV, họ đã sáng tạo ra chữ viết riêng, theo mẫu tự Phạn, gồm 16 nguyên âm, 31 phụ âm và 32 âm sắc. Có lẽ họ là những người đầu tiên ở Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng của mình.

Tuy nhiên, người Chăm hầu như không biết làm giấy và ít quan tâm đến giáo dục hay ghi lại các sáng tác văn học của mình. Do đó, ngoài các bia kí tự của vua hay chùa, đền, không có văn bản nào khác. Hơn nữa, do tác động của các tầng lớp, nhất là các tầng lớp người Ấn được làm việc trong triều, vua Cham-pa chỉ quý chuộng chữ Phạn. Người Chăm cũng biết dùng và làm lịch từ sớm. Lịch của họ là lịch Saka của Ấn Độ, chia thời gian theo chu kì 12 năm, mỗi năm 12 tháng, mỗi tháng có 2 tuần sáng và hai tuần tối (theo tuần trăng), mỗi tuần có 7 ngày. Ngày đầu tiên của lịch Saka tương ứng với ngày 3 tháng 3 năm 78 Công lịch.

Nghệ thuật xây dựng và tạo hình thời này cũng khá phát triển với hàng loạt di tích còn lại với Trà Kiệu, đặc biệt là khu thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam). Bên cạnh các tháp Chăm độc đáo vừa mang phong cách Ấn vừa có nét riêng của mình là hàng loạt tượng, phù điêu đặc sắc.

Nghệ thuật ca múa, âm nhạc cũng phát triển với hàng loạt nhạc cụ như trống các loại, đàn cầm, đàn tì bà 5 dây, địch. Hình các vũ nữ được ghi lại trên các bức phù điêu ở bệ cột hay chân tượng.

Trong tiến trình lịch sử, các vua Cham-pa không chỉ lo lắng củng cố quyền thống trị trên lãnh thổ của mình mà còn tiến hành nhiều cuộc chiến tranh với các nước xung quanh.

Vào thế kỉ IV, các vua Phạm Văn, Phạm Phật, Phạm Hồ Đạt nhiều lần đem quân đánh lên phía bắc Hoành Sơn, sau đó lấy vùng này làm biên giới phía Bắc. Giữa thế kỉ VI, nhân Lý Bí khởi nghĩa lật đổ ách đô hộ của nhà Lương, vua Cham-pa đã cất quân đánh ra Cửu Chân, buộc Lý Bí phải cử Lý Phục Man và Phạm Tu đem quân vào đẩy lui.

Đầu thế kỉ IX, vua Cham-pa lại đem quân vượt Hoành Sơn đánh lên vùng Hoan Ái, phá tan thành trì của nhà Đường, định chiếm đóng lâu dài, nhưng rồi bị đánh lui. Có lẽ đây là thời kì hưng thịnh nhất của Cham-pa vì cùng lúc này Cham-pa còn đánh sang cả Chân Lạp. Cuối thế kỉ X, theo lời xúi giục của Ngô Nhật Khánh, vua Cham-pa đem quân ra đánh Đại Cồ Việt nhưng không được. Tiếp đó, sau cuộc tấn công của vua Lê Đại Hành, một triều đại Chăm mới thành lập, dời đô vào Vigiaya (Trà Bàn - Bình Định).

4. Vương quốc Phù Nam ở các thế kỉ I - VI

Cũng như các vùng đất khác của Việt Nam, đất Nam Bộ từ sớm đã có người sinh sống. Sự tồn tại của hàng loạt nền văn hoá ở Đông và Tây Nam Bộ được phát hiện trong thời gian qua đã chứng tỏ điều đó. Phần lớn cư dân có nguồn gốc Anh-đô-nê-diêng quen thuộc của vùng Nam Á. Trong số những nền văn hoá này, nổi lên nền văn hoá Óc Eo ở các vùng thuộc An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp,... ngày nay. Trên cơ sở một

trình độ văn hoá phát triển và tiếp xúc với một số cư dân từ Ấn Độ sang, vào thế kỉ I, ở đây hình thành một quốc gia của người bản địa với tên gọi Phù Nam (từ gốc là Ba Phnom = người đi săn).

Sau mấy thế kỉ tồn tại, Phù Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh, khống chế nhiều tiểu quốc xung quanh. Nhà nước theo thể chế quân chủ chuyên chế. Vua có quyền hành tuyệt đối và cũng dùng vương hiệu Ấn : Vácman, kinh đô đóng ở Sresthapura.

Cơ sở kinh tế là nông nghiệp. Nhân dân biết đào kênh, khai ngòi tưới tiêu cho đồng ruộng. Lúa tẻ là cây lương thực chính, ngoài ra họ còn trồng mía, hoa quả, trâu cau. Nhiều nơi trồng dâu nuôi tằm, dệt vải lụa.

Khai thác lâm sản quý là một nguồn thu nhập quan trọng. Ngà voi, sừng tê, gỗ quý, trầm hương là những món hàng trao đổi với thương nhân nước ngoài. Đồ trang sức bằng vàng bạc, đá quý cũng rất phát triển.

Ốc Eo là một hải cảng nổi tiếng từ xa xưa. Thương nhân Trung Quốc, các nước phía nam, thậm chí cả thương nhân Rô-ma cổ đại cũng thường lui tới. Ở đây, khảo cổ học phát hiện được chiếc nhẫn khắc chữ Hán, huy hiệu và tiền Rô-ma, gương đồng Hán. Ở Ốc Eo cũng còn để lại di tích các công trình kiến trúc bằng gạch ngói, đường lát đá, tượng thần,...

Tôn giáo chính là Ấn Độ giáo. Người ta tìm thấy nhiều tượng Brahma, Visnu, Siva, Harihara. Ngoài ra ở đây cũng có nhiều tượng Phật chứng tỏ sự du nhập của đạo Phật. Tín ngưỡng thờ Linga, Yoni cũng phổ biến.

Chữ viết chính là chữ Phạn.

Phù Nam có quan hệ giao lưu với các nước xung quanh như Cham-pa, một số tiểu quốc Chân Lạp. Đầu thế kỉ VI, do mâu thuẫn nội bộ gia đình nhà vua, Phù Nam bị một số lực lượng của các tiểu quốc Chân Lạp tấn công rồi lật đổ. Phù Nam trở thành một vùng đất phụ thuộc Chân Lạp.

(Theo : Trương Hữu Quýnh - Đinh Xuân Lâm - Lê Mậu Hãn (Chủ biên),
Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr 95 - 98.

PHIẾU ÔN TẬP 2

QUA NỘI DUNG CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM, EM ĐÃ CÓ NHỮNG HIỂU BIẾT GÌ ?

(Sau Bài 7. Cham-pa và Phù Nam)

Chuẩn bị cho tiết ôn tập :

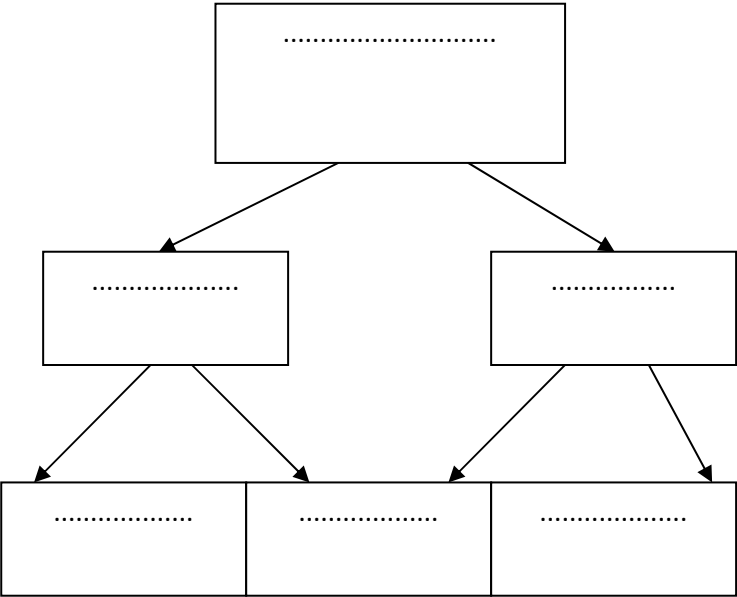
Giáo viên : Phôtô đủ phiếu ôn tập cho HS trong lớp thực hiện.

Học sinh : Ôn tập nội dung kiến thức đã học, sẵn sàng thực hiện các yêu cầu trong phiếu ôn tập.

Vào tiết học, GV tổ chức HS hoạt động cá nhân, điền vào phiếu ôn tập.

Câu 1. Điền thông tin sau vào ô trống để hoàn thành sơ đồ tổ chức của nhà nước Văn Lang

- Hùng Vương, Lạc hầu - Lạc tướng (trung ương)
- Lạc tướng (bộ)
- Bồ chính (chiềng, chạ)



Câu 2. Em hãy mô tả lại thành Cổ Loa, nêu nét độc đáo của quân thành này. Qua đó, em có suy nghĩ gì về ý thức gìn giữ và bảo vệ di tích này ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Chọn và viết các ý dưới đây vào hai cột trong bảng cho thích hợp :

- Thể chế chính trị quân chủ, do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành.

- Thế kỉ II, trên cơ sở hợp nhất bộ lạc Dừa với bộ lạc Cau ở phía nam, cùng với việc tấn công các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ - về phía bắc đến Hoành Sơn, phía nam đến Phan Rang, nhà nước Cham-pa đã ra đời.

- Nguồn sống chủ yếu của họ là nông nghiệp trồng lúa nước. Nghề khai thác lâm thổ sản (trầm hương, ngà voi, sừng tê...), làm đồ gốm khá phát triển. Cư dân sống ở ven biển, ven sông có nghề đánh cá. Trao đổi, buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc, Ấn Độ. Một số lái buôn người Chăm còn kiêm nghề cướp biển và buôn bán nô lệ.

- Có chữ viết riêng, bắt nguồn từ chữ Phạn của người Ấn Độ. Người Chăm theo đạo Bà La Môn và đạo Phật. Có tục hoả táng người chết.

- Trên cơ sở nền văn hoá Óc Eo, nước Phù Nam của cư dân cổ Nam Á và Nam Đảo sống trên đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành vào khoảng thế kỉ I.

- Cư dân làm nghề nông trồng lúa (ngoài ra còn trồng cây ăn quả và cây lương thực khác), chăn nuôi (trâu, lợn, voi, ngựa,...). Thủ công nghiệp rất phát triển, gồm nhiều ngành nghề : gốm, luyện kim (đồng, sắt, thiếc), nghề kim hoàn gắn liền với ngoại thương đường biển.

- Phật giáo và Hin-đu giáo được sùng tín. Nghệ thuật xây dựng, kiến trúc, ca, múa, nhạc khá phát triển.

Nội dung	Nước Cham-pa	Nước Phù Nam
Hoàn cảnh ra đời		
Thể chế chính trị		
Tình hình kinh tế, văn hoá, tín ngưỡng		

BÀI 8.
CHẾ ĐỘ CẢI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN
PHƯƠNG BẮC VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI
NƯỚC TA (179 TCN - THẾ KỈ X) (3 tiết)

Chuẩn bị cho bài học :

Giáo viên : - Tranh, ảnh về thời Hùng Vương còn được lưu giữ đến nay, lược đồ nước ta thời thuộc Đường...

- Phiếu học tập (được photocopy đủ cho các nhóm).

Học sinh : Sách, vở, đồ dùng học tập có liên quan đến bài học.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Vào bài, GV có thể giới thiệu : Từ khi nước Âu Lạc bị nhà Triệu xâm lược, kể từ đó, các triều đại phong kiến phương Bắc kế tiếp nhau áp đặt nhiều chính sách cai trị, bóc lột nhân dân ta, làm cho xã hội có những chuyển biến sâu sắc. Trước khi tìm hiểu về chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến của xã hội nước ta trong thời kì Bắc thuộc, em hãy quan sát hình trong tài liệu Hướng dẫn học, cho biết những hiểu biết của mình về một số nội dung sau :

- Em biết gì về chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta (từ năm 179 TCN đến thế kỉ X) ?

- Những phong tục tập quán, tín ngưỡng nào của nhân dân ta thời Hùng Vương còn được lưu giữ đến ngày nay ? Em hãy lí giải vì sao nhân dân ta vẫn lưu giữ được.

HS có thể không trả lời đúng và đủ tất cả các câu hỏi trên, nhưng điều đó không quan trọng, bởi vì đó là những câu hỏi gây hứng thú tìm hiểu điều chưa biết đối với HS, câu hỏi có tính chất khởi động nhận thức của HS.

GV cho HS đọc mục tiêu của bài :

- Biết được những chính sách áp đặt ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta (về địa giới hành chính, bộ máy cai trị, kinh tế, văn hóa), qua đó nhận thức được sự chuyển biến của xã hội nước ta dưới tác động của các chính sách trên.

- Rèn luyện các kĩ năng đọc hiểu thông tin, khai thác thông tin kênh hình, tranh luận, trình bày chính kiến và xúc cảm lịch sử, hợp tác theo nhóm và rút ra bài học lịch sử,...

- Có thái độ khách quan trong việc đánh giá những chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta ; có ý thức giữ gìn, phát huy giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của nhân loại.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Tìm hiểu chính sách của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến về địa giới hành chính nước ta

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

GV cho HS đọc kĩ đoạn thông tin, kết hợp quan sát hình 5 (trang 71) trong tài liệu Hướng dẫn học, sau đó, thảo luận và trả lời câu hỏi :

- Nêu những biến đổi địa giới hành chính nước ta từ năm 179 TCN đến thế kỉ X.

- Vì sao sau khi chiếm được nước ta, các triều đại phong kiến phương Bắc thường tổ chức lại cách cai trị và thay đổi tên gọi ?

Với hoạt động này, GV tổ chức cho HS đọc thông tin, trao đổi đàm thoại trong nhóm để thống nhất nội dung trả lời. Kết thúc hoạt động, đại diện nhóm HS báo cáo kết quả với GV. Đồng thời, GV hướng dẫn HS quan sát trên lược đồ để xác định địa giới hành chính của nước ta dưới các triều đại phong kiến phương Bắc thay đổi như thế nào.

Ở hoạt động này, GV tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận về câu hỏi nêu trên, đưa ra những lí giải để giải thích vì sao các triều đại phong kiến phương Bắc sau khi xâm lược nước ta, thường tổ chức lại bộ máy cai trị, biến nước ta thành đơn vị hành chính của Trung Quốc.

Đối với những HS khá giỏi, GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi : Các triều đại phong kiến phương Bắc thay đổi tên gọi ở nước ta nhằm mục đích gì ?

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, đại diện nhóm trình bày trước lớp. GV nhận xét, sửa chữa và hoàn thiện.



2. Tìm hiểu về bộ máy cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.

Từng cặp đọc đoạn hội thoại trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 72, 73) sau đó thảo luận và trả lời câu hỏi : Có đúng hay không khi cho rằng các triều đại phong kiến phương Bắc thường tổ chức lại bộ máy cai trị nhằm biến nước ta thành một đơn vị hành chính của Trung Quốc ? Dẫn chứng.



3. Tìm hiểu chính sách bóc lột về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

Từng nhóm đọc thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 73, 74), nếu chỗ nào chưa hiểu các em có thể nhờ sự trợ giúp của GV, trả lời các câu hỏi sau :

- Phương thức bóc lột cơ bản của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta là gì ? Vì sao nhà Hán lại giữ độc quyền về muối và sắt ?

- Dưới thời nhà Đường, hình thức bóc lột đối với nhân dân ta có gì thay đổi so với trước ?

- Các chính sách vơ vét, bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đã để lại hậu quả gì cho đất nước ta bây giờ ?

Ở hoạt động này, GV sử dụng kĩ thuật dạy học “khăn trải bàn”, mỗi cá nhân làm việc độc lập trong vòng khoảng vài phút, sau đó viết nội dung trả lời vào phần mang số của mình. Hết giờ làm việc, các thành viên trong nhóm thảo luận thống nhất nội dung trả lời. Ý kiến thống nhất của nhóm được viết vào phần chính giữa.

HS trao đổi, thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả trước lớp, sau đó GV có thể gọi HS khác bổ sung. Cuối cùng, GV kết luận.

Nếu có điều kiện, GV có thể hướng dẫn cho từng nhóm đã hoàn thành câu trả lời, hoặc cả lớp trả lời câu hỏi : Vì sao nhà Hán lại giữ độc quyền về sắt ? (GV có thể gợi ý : sắt là mặt hàng thiết yếu trong nhân dân...)



4. Tìm hiểu sự chuyển biến về kinh tế ở nước ta

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.

Với hoạt động này, GV hướng dẫn HS tập trung vào nội dung sự phát triển của nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nước ta thế kỉ I - X.

a) GV cho HS đọc kĩ đoạn thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 75, 76) và trả lời các câu hỏi sau :

- Nêu dẫn chứng về sự phát triển của nông nghiệp nước ta trong các thế kỉ I - X.
- Nhân dân ta đã ứng dụng kĩ thuật gì để chống sâu bọ châm đục thân cây cam ? Theo em, việc ứng dụng kĩ thuật này nói lên điều gì ?
- Kể tên những ngành thủ công nghiệp và thương nghiệp ở địa phương em có từ thời Bắc thuộc được lưu truyền đến ngày nay.

Ở hoạt động này, GV cho HS làm việc cá nhân tìm nội dung trả lời, sau đó báo cáo kết quả làm việc với GV.

Nếu có điều kiện, GV có thể hướng dẫn cho HS tìm hiểu những việc làm của nhân dân ta trong việc ứng dụng kĩ thuật để chống sâu bọ châm đục thân cây.

b) Phát biểu ý kiến của em về nhận định : “Do chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, các ngành thủ công nghiệp và thương nghiệp của nước ta không được phát triển”. Dẫn chứng.



5. Tìm hiểu sự chuyển biến về xã hội ở nước ta

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.

GV tổ chức hướng dẫn HS quan sát sơ đồ về sự phân hoá xã hội nước ta thời Văn Lang – Âu Lạc và thời kì bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ trong tài

liệu Hướng dẫn học (trang 76). Sau đó, cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi : Qua sơ đồ, hãy nhận xét về những chuyển biến về cơ cấu xã hội ở nước ta giữa hai thời kì trên.

HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi vấn đề phải giải quyết với bạn trong cặp để thống nhất câu trả lời.

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, có thể trình bày trước lớp. Cuối cùng, GV nhận xét và kết luận.



6. Tìm hiểu chính sách văn hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta và những chuyển biến trong đời sống xã hội

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

GV cho HS đọc kĩ đoạn thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 77). Sau đó, thảo luận để trả lời các câu hỏi và thực hiện yêu cầu sau :

- Các triều đại phong kiến phương Bắc đưa người sang ở lẫn với nhân dân ta nhằm thực hiện âm mưu gì ?

- Nêu dẫn chứng chứng tỏ âm mưu của các triều đại phong kiến phương Bắc muốn đồng hoá nhân dân ta nhưng cuối cùng đã thất bại.

HS thảo luận xong, GV yêu cầu trình bày kết quả với mình hoặc nếu có thời gian, đại diện nhóm trình bày trước lớp.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1. Hoàn thành yêu cầu sau

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.

Viết ra 5 điều tâm đắc (vào vở) sau khi học xong bài này :

1. Điều tâm đắc thứ nhất :
-
2. Điều tâm đắc thứ hai :
-
3. Điều tâm đắc thứ ba :
-
4. Điều tâm đắc thứ tư :
-
5. Điều tâm đắc thứ năm :
-

2. Hoàn thành phiếu học tập

GV phát cho các em phiếu học tập trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 78, 79).

PHIẾU HỌC TẬP

Nối tên các triều đại phong kiến phương Bắc tương ứng với chính sách đô hộ của họ trên đất nước ta.

1. Nhà Hán	a) tách châu Giao thành Quảng Châu (thuộc Trung Quốc) và Giao Châu (nước Âu Lạc cũ).
2. Nhà Ngô	b) chia nước ta thành ba quận : Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, gộp với 6 quận của Trung Quốc thành châu Giao.
3. Nhà Lương	c) đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ để cai quản 12 châu.
4. Nhà Đường	d) chia lại nước ta thành 6 châu : Giao Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu và Hoàng Châu.



3. a) GV hướng dẫn, tổ chức HS đọc thông tin trong tài liệu Hướng dẫn học (trang 79, 80), thảo luận và thực hiện yêu cầu sau :

- Đặt tên và tóm tắt nội dung đoạn thông tin đó và báo cáo trước lớp.

- Đoạn thông tin đó gửi đến chúng ta thông điệp lịch sử gì ?

b) Tiếp theo, GV tổ chức cho các nhóm tranh luận về những nội dung, câu hỏi sau :

- Đề cập đến tình hình kinh tế nước ta trong các thế kỉ I - X, bạn Hùng nói với bạn Tuấn : Do bị các triều đại phong kiến phương Bắc cai trị, bóc lột nặng nề, nên các ngành kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp của nước ta không được phát triển. Lời khẳng định của Hùng có đúng không ? Dẫn chứng.

- Có đúng hay không khi khẳng định rằng các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện được mục tiêu đồng hoá dân tộc ta ? Dẫn chứng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Hoạt động này, GV hướng dẫn HS làm việc ở nhà hoặc ngoài lớp học, trả lời các câu hỏi sau :

1. Em hãy tìm hiểu những phong tục, tập quán và tín ngưỡng của người Việt được nhân dân ta giữ gìn, phát huy trong thời kì chống phong kiến phương Bắc.

2. Em hãy cùng bạn sưu tầm ca dao, tục ngữ và hò vè của nhân dân ta qua các thời kì lịch sử lên án chính sách cai trị, bóc lột của các triều đại phong kiến phương Bắc.

3. Hãy kể tên những phong tục, tín ngưỡng và lễ hội điển hình ở địa phương em.

4. Đóng vai là nhà sử học và tuyên truyền viên, em hãy chia sẻ với gia đình, bạn bè qua hòm thư điện tử (email) hoặc trang cá nhân (facebook) về những giá trị văn hoá mà người Việt còn lưu giữ trong thời kì chống phong kiến phương Bắc.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG



1. Tìm hiểu thêm về bài học, em có thể đọc một số tài liệu và bài viết sau :

- Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2008.
- Đào Tố Uyên (Chủ biên), *Tìm hiểu lịch sử Việt Nam qua hỏi - đáp*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.
- Di sản văn hoá Việt Nam (<http://dch.gov.vn>)
- Chống phương Bắc đồng hoá - cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc Việt (<http://reds.vn/index>).
- Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc (<http://www.bachkhoa.trithuc.vn>).

2. Em có thể chia sẻ với các bạn và những người quan tâm qua hòm thư điện tử (email), hoặc trang cá nhân (facebook.com) về tài liệu, bài viết em tìm kiếm để mọi người hiểu rõ hơn về bài này.

Thông tin bổ trợ giáo viên

1. Bắc thuộc (thời kì)

Thời kì nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ trong hơn 1000 năm (từ năm 179 TCN khi bị nhà Triệu xâm lược đến đầu thế kỉ X và hoàn toàn thoát khỏi ách đô hộ với chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938).

Các triều đại phong kiến Trung Quốc thay nhau thống trị nước ta :

- Nhà Triệu (179 TCN - 111 TCN)
- Nhà Hán (111 TCN - 220)
- Nhà Ngô (222 - 280)
- Nhà Tấn (280 - 420)
- Nhà Tống (420 - 479)
- Nhà Tề (479 - 505)
- Nhà Lương (505 - 543)
- Nhà Tùy (603 - 723)
- Nhà Đường (723 - 938)

Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc kế tiếp nhau, tuy có vài điểm khác biệt, song về cơ bản đều giống nhau ở chỗ bóc lột nặng nề với các loại sưu thuế, đàn áp dã man các cuộc đấu tranh và thi hành triệt để chính sách đồng hoá để biến nước ta thành quận, huyện của Trung Quốc.

Tuy vậy, trong suốt hơn 1000 năm dưới ách thống trị hà khắc của phong kiến phương Bắc, nhân dân ta không ngừng nổi dậy đấu tranh chống quân xâm lược và giành độc lập, mở đầu là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, tiếp theo là các cuộc khởi nghĩa Lý Bí, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan... ; đầu thế kỉ X, Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa (905) giành quyền độc lập, tự chủ ; năm 938, Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân ta đánh bại quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng, chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ hơn 1000 năm của phong kiến phương Bắc, mở đầu thời kì độc lập dân tộc.

2. Nam Việt (nước)

Vương quốc do Nhâm Ngao và Triệu Đà thành lập ở phía Nam Trung Quốc để chống lại nhà Tần đã suy yếu, sau khi Tần Thủy Hoàng chết (210 TCN).

Sau khi Nhâm Ngao chết, Triệu Đà thực hiện mưu đồ cát cứ. Triệu Đà người Hán, quê ở Hà Bắc (Trung Quốc), đánh bại các quan lại nhà Tần, chiếm quận Quế Lâm, Tượng Quận lập nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung. Nam Việt thực chất là nhà nước cát cứ của tập đoàn tướng lĩnh, quan lại người Hán, bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây, một phần Quý Châu ở phía Nam Trung Quốc.

Để mở rộng lãnh thổ và thế lực nước Nam Việt, Triệu Đà tiến hành xâm lược các nước xung quanh, chủ yếu là Âu Lạc. Quân Triệu Đà nhiều lần xâm lược Âu Lạc, nhưng đều bị đánh bại, vì Âu Lạc là một nước hùng mạnh, có cung tên huyền thoại, có thành Cổ Loa kiên cố, sự lãnh đạo tài tình của An Dương Vương, nhất là sự đoàn kết của nhân dân Âu Lạc, quyết tâm chống xâm lược.

Không thể dùng lực lượng vũ trang xâm lược Triệu Đà dùng mưu kế xảo quyệt, xin giảng hoà với Âu Lạc, cho con trai Trọng Thủy lấy công chúa My Châu và xin ở rể tại triều đình An Dương Vương. Trọng Thủy tìm cách ăn cắp bí mật quân sự, mua chuộc, li gián chính quyền Âu Lạc để Triệu Đà đem quân chiếm Âu Lạc vào năm 179 TCN. Từ đây, nước ta rơi vào ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.

3. Đồng hoá (chính sách)

Chính sách của bọn thống trị nước ngoài làm mất các đặc điểm của dân tộc bị áp bức. Chúng bắt dân tộc đó sinh hoạt theo kiểu cách của nước ngoài để cho chúng dễ bề cai trị, như phải ăn, mặc, ở theo phong tục tập quán của nước thống trị, xoá bỏ, thủ tiêu các thuần phong, mỹ tục, bản sắc dân tộc của người dân bị đô hộ.

Thời Bắc thuộc (179 TCN - đầu thế kỉ X), các triều đại phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hoá nhân dân ta, song chúng bị thất bại vì cuộc đấu tranh

ngoan cường của nhân dân ta chống bọn phong kiến xâm lược, giành độc lập và quyết tâm bảo vệ nền văn hoá dân tộc.

4. Giao Chỉ

Tên vùng đất thời Bắc thuộc, bao gồm vùng Bắc Bộ ngày nay. Thời nhà Hán, Giao Chỉ gồm 12 huyện với 92.440 hộ và 743.237 nhân khẩu.

5. Cửu Chân

Tên vùng đất thời Bắc thuộc, bao gồm vùng đất Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. Nhà Hán chia Cửu Chân thành 7 huyện với 35.734 hộ và 166.013 nhân khẩu.

6. Nhật Nam

Thời nhà Hán gồm những vùng đất từ đèo Ngang trở vào Nam, đến Quảng Nam, Đà Nẵng với 5 huyện, 15.640 hộ và 689.458 nhân khẩu.

7. Thái thú

Là viên quan người Hán đứng đầu các quận thời nhà Hán cai trị nước ta, dưới quyền của viên Thứ sử - đứng đầu Giao Châu (Ấu Lạc xưa).

Viên Thái thú chuyên trông nom việc hành chính và thu phí cống trong quận. Giúp việc Thái thú có một số quan lại khác, như Đô úy phụ trách quân sự, chỉ huy quân lính đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân địa phương ; Quận thừa được thay mặt Thái thú, cai quản quận lúc Thái thú đi vắng. Tháng 2 năm Canh Tí (tức tháng 3 - 40), bà Trưng Trắc cùng em gái đã khởi binh đánh đuổi Thái thú Giao Chỉ là Tô Định, rồi lên làm vua.

8. Phục ba tướng quân

(Chức quan võ, có nghĩa là “Viên tướng khiến cho sóng phải cúi đầu khuất phục”)

Đây là chức quan võ mà nhà Hán phong cho Mã Viện khi chỉ huy đạo quân kéo sang xâm lược nước ta vào mùa hè năm 42. Lúc bấy giờ, Mã Viện đã 58 tuổi, là một lão tướng có nhiều chiến công và kinh nghiệm trong việc đàn áp phong trào đấu tranh của dân tộc Tạng - Miến ở An Huy (Trung Quốc). Mã Viện có câu nói được nhắc lại, tỏ rõ khí phách của một trượng phu phong kiến : đã làm trai phải ra sa trường, lấy ngựa bọc thây, chứ không chết trong tay ti thiếp trên giường bệnh.

Sau khi đánh bại quân chủ lực Hai Bà Trưng, Mã Viện phải dốc sức tiêu diệt đội quân kháng chiến, rải rác ở các quận, huyện, mãi đến năm 43 mới căn bản hoàn thành việc bình định. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đến đây mới thất bại hoàn toàn.

9. Truyện Trương Vương

Trương Vương vốn họ Lạc, tên là Trắc, em gái là Nhị, người đất Mê Linh (Phong Châu) là con gái Hùng tướng. Bà lấy chồng người đất Chu Diên (huyện Đông Anh) là Thi Sách, cũng là con trai Lạc hầu. Bà là người hùng dũng, có nghĩa khí, có khả năng quyết đoán đại sự.

Khi ấy, quan Thứ sử Giao Châu là Tô Định bạo ngược tham tàn, dân trong đất Giao Châu rất khổ sở vì hắn.

Thi Sách làm bài *Cổ kim vi chính luận* (bản về việc làm chính sự xưa nay) để chê trách như sau :

“Ta trộm nghe” chính sự là để lo việc trị bình cho dân. Vì vậy, nền chính trị đáng gọi là chính trị cốt yếu là ở chỗ được lòng dân mà thôi vậy. Hãy thử xem : Tử Du làm quan tể ở Vũ Thành thì được xưng tụng về tiếng huyền ca. Từ việc cai trị ở Huyện Vũ thì nổi danh vì được lòng người. Gần đây, có Ngô Công là đứng đầu bậc trị bình. Những người ấy quả là đã làm được việc tốt về chính trị. Lại như Tử Lộ cho rằng thuyết chính danh là vu khoát mà bị Khổng Tử chê là thô lậu. Thái Thúc coi lời nói về lễ “nước lửa” là đáng ngờ mà việc Hoàn Bô hối hận không kịp. Đó đều là những kẻ không biết hành động hợp với thời chính vậy.

Nay là người nắm chính sự mà hễ ai nói lời thành thực, bàn mưu kế hay thì đem làm tội ngay, kẻ chạy việc cho mình, thuận theo ý mình thì khen thưởng lớn. Bọn hoạn quan đã chuyên quyền, lũ cung thiếp đã can dự vào chính sự thì tuy rằng cái lệnh yên dân không lúc nào không có mà lòng khắc bạc vẫn ngày càng ngang ngược, khốc liệt. Vắt ép mỡ dân để làm tăng của cải. Bòn kiệt sức dân không đủ để phục dịch. Tự cho là giàu mạnh thì có cái thể của sức chức Thái A mà không biết đến sự khuynh bại, quả là ở vào cái thể nguy của giọt sương buổi sáng. Đã như vậy mà lại không biết cứu gỡ bằng sự khoan hầu thì cảnh nguy vong sẽ đến ngay lập tức.

Tô Định xem xong, cả giận, cho là phỉ báng mình, bèn cho bắt Thi Sách mà giết đi.

Bà Trương Trắc vô cùng phẫn nộ, bèn cùng em gái là Trương Nhị dấy binh và truyền hịch đến các quận.

Lời hịch rằng :

Kẻ đầu sỏ tội ác từ lâu đã áp ủ lòng lang sói.

Người có đức có nhân vẫn hằng nuôi chí tiểu trừ.

Thề trúc ruổi sao, sấm động ba quân.

Nước ta khai cơ lập nghiệp vốn từ thuở vua Hùng, quan an, dân lạc, nhà tất thấy đều êm ấm. Gió thuận mưa hoà, lúa mỗi nhánh nảy hai hạt mẩy. Đời sau kế thừa đời

trước, trải năm có tính đến số nghìn. Đến thời An Dương Vương, qua thời Triệu Vũ Đế không may đức suy, gặp phải tai hoạ. Bọn Ti Hải, Chu Chương, Ngụy Lang kế tiếp nhau làm quận thú. Lữ Đặng Nhượng, Tích Quang, Đỗ Mục thay thế nhau làm châu mục. Bọn ấy tuy tham lam hoặc liêm khiết không giống nhau, nhưng chưa có kẻ nào quá ư bạo ngược, hà khắc.

Đến nay, kẻ yêu nghiệt họ Tô tham tàn, bạo ngược. Giết hại đám thương sinh, coi sừng tê ngà voi là quý. Khinh miệt bậc hiền tài, lấy giống chó, loài ngựa làm trọng. Khai mỏ vàng thì dân rét thấu xương, mặt xanh, da nát. Lấy ngọc châu thì sâu mò miệng rồng, trăm đi một về. Thuế má nặng nề, dân phải dốc thạp vét kho. Hình phạt phiền phức, liên lụy xóm giềng làng mạc. Dân chẳng được sống yên, vật không có chỗ ổn.

Ta đây vốn dòng dõi nước trời, con cháu Hùng tướng, thương con đồ hãm rơi vực thẳm, không được chôn êm gối ấm, hạp nhân mưu, hưng nghĩa chúng, tái lập chính, diệt trừ tàn bạo, tham ác, đòi bại xấu xa.

Các người đều có trí khôn, tiên tổ đã cùng dòng, thù nước ắt phải báo. Hãy sát cánh với nhau, giương cây cung mạnh, diệt trừ ngoại xâm, tháo nước sông Thiên Hà mà tẩy rửa binh khí. Nghiệp Hồng Bàng vì thế mà được tái tạo. Dòng giống Lạc nhờ đó mà hết tiếng kêu than.

Bảo vệ xã tắc, gối đầu lên giáo mác chính là lúc này đây. Hãy làm cho công danh được ghi vào tre lụa chẳng tốt đẹp lắm sao ? Nếu còn kẻ nào vẫn hồ nghi do dự thì hịch này truyền đến tất được soi sáng. Hãy nên gắng hết sức mình !”

Các quận nghe lời hịch, nơi nơi đều hưởng ứng, nổi lên đánh Tô Định. Định thua to thì phải chạy về Nam Dương. Vua nhà Hán là Quang Vũ nổi giận, biếm chức Tô Định, đẩy hắn ra châu Đạm Nhĩ, rồi sau hắn bị chết ở đấy.

Bà Trưng lược định được 65 thành cổ ở cõi Lĩnh Nam, lên ngôi vua, đổi họ từ Lạc sang Trưng đóng đô ở thành Chu Diên.

Vua Hán Quang Vũ sai Mã Viện Lưu Long làm tướng sang xâm lược nước ta. Bà Trưng cầm cự với quân giặc Hán ở Lãng Bạc. Qua một năm, quân của Bà Trưng lâm vào thế bất lợi, phải lui vào giữa đất Cẩm Khê.

Khi ấy, quân giặc Hán thường bị thiệt hại vì nạn lam sơn chướng khí. Mã Viện rất lo ngại bèn thấp hương hai lạy mà cầu đảo quy thần. Một hôm, hắn thấy một cụ già cười nói phờn phơ, đến trước mặt tham yết. Viện mừng rỡ, hai lạy mà đón hỏi cụ già về thuật trừ lam chướng. Cụ già bèn bảo : Viện hãy lấy cây ý dĩ làm thuốc mà uống thì sẽ nhẹ người, thắng được lam chướng. Viện hỏi sang những việc khác thì cụ già bỗng biến mất. Viện bèn hái cây ý dĩ cho quân sĩ uống thì không bị thiệt hại về lam chướng nữa, khí thể binh sĩ của hắn lại phấn chấn lên.

Bỗng gió mưa dập dồn, thủy binh của Trưng Vương bị chìm đắm. Bộ binh của Trưng Vương bị rối loạn. Quân giặc Hán lợi dụng ngay tình thế ấy. Quân của Trưng Vương thua to, Trưng Vương chết trong trận. Cũng có thuyết cho rằng Trưng Vương lên núi Hi Sơn rồi sau đó đi đâu không biết.

Bà em là Trưng Nhị thu thập tàn quân, chia đi chống giữ các nơi hiểm yếu để mưu tính việc khôi phục cơ đồ. Nhưng quân bà Trưng Nhị cũng lại gặp thế bất lợi, bà Trưng Nhị bị hãm trong trận rồi chết.

Người nước ta thương nhớ, lập đền thờ Hai Bà ở cửa sông Hát Giang. Hễ có ai đến cầu đảo ở cầu đây thì không điều gì là không linh ứng.

(Theo : *Thiên Nam vân lục*)

BÀI HỌC ĐỊA LÍ

I. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC ĐỊA LÍ

1. Về nội dung

Các bài học Địa lí trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*, về cấu trúc cũng như mức độ nội dung cơ bản dựa theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng Địa lí 6. Về cơ bản các nội dung trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6* so với SGK Địa lí 6 hiện hành là tương đồng. Trong tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*, các bài học được tích hợp, cấu trúc lại để vừa đảm bảo truyền tải được nội dung vừa đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động tự học dưới sự hướng dẫn của GV. Một số bài được tích hợp với môn Lịch sử để thành các bài học liên môn.

Ví dụ : Trong bài học liên môn “Bản đồ và cách sử dụng bản đồ” thêm nội dung về cách sử dụng bản đồ nhằm rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ trong học tập Lịch sử, Địa lí và trong đời sống ; thêm một số bản đồ Lịch sử (Bản đồ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40) ; bổ sung thêm một số loại và dạng kí hiệu lịch sử trong mục kí hiệu bản đồ.

Các dữ liệu địa lí như : thông tin, số liệu thống kê, hình ảnh,... được cập nhật và bổ sung để đảm bảo tính thời sự và hiện đại.

2. Về phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học

Nhìn chung, với cách trình bày mới của tài liệu *Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6*, HS được gợi ý rõ các công việc cần tiến hành cũng như cách tổ chức thực hiện. Tài liệu Hướng dẫn học cung cấp tư liệu, thông tin để HS tự làm việc (cá nhân hoặc nhóm) và dẫn dắt các em đi đến kiến thức mới, rèn luyện các kĩ năng hoặc khái quát, tổng hợp kiến thức ; đưa ra các tình huống để HS tập vận dụng kiến thức. Như vậy, GV không mất nhiều công sức lựa chọn hoạt động cho HS, song quá trình học của HS lại rất cần có sự hỗ trợ của GV để các em thực hiện các công việc cho phù hợp với khả năng của mình và khi phát hiện HS lúng túng, GV cần giúp đỡ kịp thời. GV có thể linh hoạt điều chỉnh các lệnh sao cho các em dễ hiểu, dễ thực hiện, song vẫn đảm bảo thực hiện được mục tiêu của bài học.

Trong mỗi bài học, tác giả đều thiết kế đan xen các hình thức hoạt động, từ cá nhân, cặp đôi, nhóm, cả lớp, HS còn học với người thân trong gia đình hay với thành viên trong cộng đồng (qua kể lại những gì mình đã học, tìm hiểu thêm thông tin, ứng dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống hằng ngày,...). GV theo dõi HS thực hiện

theo các lệnh của tài liệu Hướng dẫn học. Trong quá trình HS làm việc, nếu thấy HS/ nhóm HS nào còn lơ là, lúng túng, GV cần tiếp cận HS hoặc nhóm HS đó để hỗ trợ kịp thời. Trong trường hợp, số đông HS trong lớp học có biểu hiện không hiểu nhiệm vụ, không thực hiện được lệnh trong tài liệu, GV cần thay đổi hình thức hoạt động cho phù hợp. Ví dụ : GV có thể hướng dẫn chung cho cả lớp cùng thực hiện nhiệm vụ khi thấy cá nhân hay nhóm HS lúng túng.

Cùng với các phương pháp dạy học như thuyết trình, đàm thoại,... GV cần tăng cường vận dụng một số phương pháp dạy học đặc trưng của môn học như : phương pháp thảo luận, sử dụng bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh, phân tích số liệu thống kê,... (thuộc nhóm các phương pháp làm việc trong phòng) và phương pháp quan sát, điều tra, phỏng vấn, đo vẽ trên thực địa,... (thuộc nhóm các phương pháp thực địa) góp phần hình thành và phát triển ở HS năng lực tham gia, hoà nhập, khả năng vận dụng kiến thức môn học vào cuộc sống. Các phương pháp này được lựa chọn phù hợp với trình độ, khả năng nhận thức của HS, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

Phối hợp, đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học : dạy học trên lớp với dạy học theo nhóm, theo cặp hoặc cá nhân HS, tạo điều kiện phát huy vai trò tích cực, chủ động của từng HS ; kết hợp dạy học trên lớp với dạy ngoài thực địa, trải nghiệm thực tế.

Các phương tiện dạy học như : bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa,... đều có chức năng kép, vừa là nguồn tri thức, vừa là phương tiện minh hoạ nội dung dạy học. Trong quá trình dạy học, GV cần tổ chức, hướng dẫn để HS biết khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học, qua đó HS vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng môn học.

Như vậy, vai trò của GV trong mô hình Trường học mới chủ yếu là hướng dẫn, theo dõi, giám sát việc học của HS. Khi giám sát HS hoạt động, GV đồng thời nhận xét, đánh giá kết quả học của từng em, phân loại HS và dự kiến cách và mức độ hỗ trợ đối với từng HS/nhóm HS. Điều quan trọng là GV cần tin cậy HS, trao quyền chủ động học cho HS, không làm thay, nói thay mà nên tạo điều kiện để HS được thể hiện cách học, kết quả học của mình. GV có thể đặt các câu hỏi giúp các em tự suy nghĩ, tìm cách giải quyết và thực hiện các công việc theo cách mà các em tìm ra với gợi ý của GV.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ BÀI HỌC

Bài 15. ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT (3 tiết)

Chuẩn bị cho giờ học :

Giáo viên :

- Bản đồ Tự nhiên Việt Nam, bản đồ Tự nhiên thế giới (nếu có).
- Phóng to hình 8.
- Các phiếu học tập.
- Máy chiếu (nếu có).

Học sinh :

- Sách, vở, đồ dùng học tập.
- Tranh ảnh các dạng địa hình bề mặt Trái Đất (nếu có điều kiện).

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình trong tài liệu Hướng dẫn học và bằng hiểu biết của bản thân, hãy cho biết hình nào là dạng địa hình đồng bằng, cao nguyên, đồi và núi. Mô tả đặc điểm chính của các dạng địa hình đó. GV quy định về thời gian làm việc của HS.

Bước 2. HS thực hiện yêu cầu của GV theo hình thức làm việc cá nhân. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc HS được phép trao đổi với nhóm trưởng (mô hình Trường học mới HS ngồi theo nhóm) hoặc GV.

Bước 3. HS báo cáo kết quả làm việc. Có nhiều cách để HS báo cáo kết quả làm việc, sau đây là một số gợi ý để GV tham khảo :

- Cách 1 : GV gọi một hoặc hai HS chia sẻ kết quả với cả lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung, điều chỉnh kết quả làm việc của bạn.

- Cách 2 : GV quan sát nhanh và lấy một vài kết quả của HS, nếu cần biểu dương, tạo không khí học tập, GV lấy kết quả của HS làm tốt, nếu cần tạo tình huống học tập GV lấy kết quả chưa được tốt, hoặc cả kết quả tốt và chưa tốt. Thông báo kết quả đó trước lớp để cả lớp cùng nhận xét, bổ sung.

Thông thường hoạt động khởi động GV không chốt nội dung, trường hợp kết quả làm việc của HS chưa chính xác, GV tận dụng cơ hội này để làm tình huống học tập, gợi mở để HS khám phá tìm tòi và đi đến kết luận chính xác hơn. Phần khởi động gồm hai nội dung. Nội dung 1 - nhận dạng địa hình qua ảnh, nội dung này HS có thể sẽ thực hiện dễ dàng ; nội dung 2 - nêu đặc điểm chính của các dạng địa hình đó, đây là nội dung khó, có thể HS không trả lời được hoặc trả lời không chính xác, không lô gic. Kết quả trả lời của HS chính là tình huống có vấn đề để HS tìm hiểu nội dung của bài mới.

Sau khi HS báo cáo, chia sẻ kết quả làm việc xong, GV cho HS đọc kĩ mục tiêu của bài. Từ việc đọc mục tiêu này, HS thấy được nội dung của bài học sẽ giải quyết những khó khăn, thắc mắc của HS ở phần khởi động.

Bước 4. GV đánh giá HS, GV có thể đánh giá HS qua nhiều kênh khác nhau trong hoạt động khởi động như : quan sát HS làm việc ; quan sát nhanh kết quả của HS ; thông qua HS chia sẻ với cả lớp ; thông qua HS nhận xét kết quả làm việc của bạn,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Tìm hiểu địa hình núi

Mục tiêu của hoạt động này là HS nêu được đặc điểm chính của địa hình núi như : độ cao, hình dạng, phân loại núi theo độ cao ; phân biệt núi già và núi trẻ, nhận biết dạng địa hình này qua tranh ảnh và thực tế.

Phương tiện học tập là các hình ảnh trong tài liệu Hướng dẫn học ; bản đồ Tự nhiên Việt Nam hoặc bản đồ Tự nhiên thế giới. GV chuẩn bị phiếu học tập ; bảng phụ hoặc giấy khổ to.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS, đọc nội dung mục 1, quan sát hình, trong tài liệu Hướng dẫn học, hãy :

- + Cho biết đặc điểm địa hình núi.
- + Dựa vào độ cao tuyệt đối, núi được phân thành mấy loại.
- + Phân biệt núi già và núi trẻ bằng cách hoàn thành bảng theo gợi ý dưới đây :

Sự khác nhau giữa núi già và núi trẻ

Núi	Thời gian hình thành	Đỉnh núi	Sườn núi	Thung lũng
Núi già				
Núi trẻ				

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ, sau khi HS làm việc được một khoảng thời gian, GV có thể đi xuống từng nhóm để quan sát, nhận xét và chỉnh sửa kịp thời những sai sót cho từng nhóm HS.

- GV cần chú ý khi tổ chức hoạt động nhóm : Trước khi làm việc nhóm, GV vẫn yêu cầu cá nhân HS tự làm việc để khám phá nội dung, chuẩn bị nội dung trao đổi nhóm, sau đó tiến hành trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất về kết quả làm việc,

cần tránh việc hoạt động nhóm chỉ tập trung vào một số HS có ý thức học tập, một số HS khác lại đứng ngoài hoạt động nhóm.

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo kĩ thuật "khăn trải bàn" hoặc GV có thể sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học để đảm bảo sự phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm lớp học và có hiệu quả.

Bước 3. Các nhóm báo cáo kết quả làm việc. Có nhiều cách để các nhóm báo cáo kết quả làm việc như : lựa chọn một số nhóm báo cáo, các nhóm còn lại so sánh với kết quả làm việc của nhóm mình, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn và cùng nhau hoàn chỉnh sản phẩm dưới sự hướng dẫn của GV hoặc GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm của mình lên bảng và giao nhiệm vụ cho các nhóm tìm ra nội dung giống và khác nhau giữa các nhóm, chỉnh sửa sản phẩm của nhóm mình, tóm tắt và tự ghi kết quả vào vở...

- GV có thể treo bản đồ Tự nhiên Việt Nam hoặc bản đồ Tự nhiên thế giới lên bảng, mời đại diện nhóm lên báo cáo, kết hợp với tìm một số dãy núi cao, núi thấp, núi trung bình. Thông thường, những con số ghi độ cao trên bản đồ, đều là những con số chỉ độ cao tuyệt đối. Ví dụ : đỉnh Phan-xi-păng 3143m.

Bước 4. GV đánh giá kết quả hoạt động của nhóm và chỉnh sửa những sai sót của các nhóm nếu có. GV đánh giá HS thông qua quá trình làm việc cá nhân, thông qua trao đổi nhóm, thông qua việc góp ý trao đổi giữa các nhóm với nhau,... Trong quá trình các nhóm làm việc, GV quan sát và giúp đỡ các nhóm còn gặp khó khăn trong việc trả lời câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi thắc mắc hoặc chưa rõ của HS.



2. Khám phá địa hình cácxtơ và các hang động

Mục tiêu : HS biết được trong các dạng địa hình, có dạng địa hình đặc biệt là địa hình cácxtơ và hang động ; ý nghĩa của dạng địa hình này đối với việc phát triển ngành du lịch.

Phương tiện học tập : hình ảnh trong tài liệu Hướng dẫn học.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS, đọc thông tin và quan sát hình trả lời các câu hỏi : Kể tên một số hang động mà em biết ; cho biết tại sao hang động thường có sức hấp dẫn đối với khách du lịch.

Bước 2. HS thực hiện yêu cầu của GV theo hình thức làm việc cá nhân. HS quan sát kĩ hình để biết được đặc điểm địa hình núi đá vôi (các ngọn núi thường lởm chởm, sắc nhọn. Các khối núi đá vôi có nhiều hình dạng khác nhau, bên trong núi có nhiều hang động).

HS kể tên một số hang động, vận dụng kiến thức ở ô thông tin để trả lời câu hỏi : Tại sao hang động thường có sức hấp dẫn đối với khách du lịch ? (Trong hang động thường có những khối thạch nhũ với đủ hình dạng và màu sắc).

Bằng hiểu biết của mình, HS nêu tên một số hang động ở Việt Nam như : hang Sơn Đoòng (Quảng Bình), động Phong Nha (Quảng Bình), động Hương Tích (Hà Nội), động Thiên Cung (Quảng Ninh), động Tam Thanh (Lạng Sơn),...

Bước 3. HS trao đổi kết quả làm việc với bạn bên cạnh và có thể báo cáo với GV.

Bước 4. GV đánh giá HS thông qua quan sát hoặc thông qua sản phẩm cá nhân.



3. Tìm hiểu địa hình đồng bằng

Mục tiêu : HS nêu được đặc điểm địa hình đồng bằng ; nhận biết các dạng đồng bằng ; ý nghĩa của đồng bằng đối với sản xuất nông nghiệp.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc nội dung và xác định yêu cầu mục 3 trong tài liệu Hướng dẫn học. Quan sát hình, đọc thông tin, hãy : Nêu đặc điểm địa hình đồng bằng. Dựa vào nguyên nhân hình thành, cho biết có mấy loại đồng bằng. Kể tên một số đồng bằng mà em biết. Nêu ý nghĩa của địa hình đồng bằng đối với sản xuất nông nghiệp. Hoạt động này HS làm việc theo cặp đôi.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Có nhiều phương án để thực hiện nhiệm vụ trong học tập với hình thức cặp đôi. Hoạt động cặp đôi bắt đầu bằng hoạt động cá nhân, HS nghiên cứu cá nhân trước, sau đó thảo luận cặp để bổ sung và hoàn thiện sản phẩm cá nhân hoặc GV có thể cho HS đóng vai, HS A đọc, HS B tìm ý để trả lời câu hỏi và ghi ra giấy, sau đó làm ngược lại, cuối cùng hai HS so sánh câu trả lời và trao đổi, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm.

Bước 3. HS báo cáo kết quả làm việc với GV. GV linh hoạt trong việc yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc. Ví dụ như gọi một cặp lên báo cáo, các cặp khác vừa sửa sản phẩm chung, vừa sửa sản phẩm của cá nhân, tóm tắt và ghi vào vở.

Bước 4. GV đánh giá kết quả quá trình làm việc của HS. Có nhiều cách đánh giá sản phẩm của các cặp HS như : cho các cặp đánh giá lẫn nhau ; đánh giá bằng cách tìm ra điểm giống và khác nhau về kết quả làm việc của các cặp, đánh giá thông qua quan sát,...



4. Nhận biết cao nguyên và đồi

Mục tiêu : HS nêu được đặc điểm địa hình cao nguyên và đồi ; ý nghĩa của các dạng địa hình này đối với sản xuất nông nghiệp ; nhận biết dạng địa hình cao nguyên và đồi qua tranh ảnh.

Nội dung này được tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, GV tham khảo các cách tổ chức hoạt động cá nhân nêu trên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Mục tiêu : HS củng cố kiến thức đã được khám phá, tìm hiểu ở hoạt động hình thành kiến thức ; góp phần hình thành ở HS các kĩ năng phân tích số liệu thống kê ở mức độ đơn giản, kĩ năng so sánh,...

Bước 1. GV cho HS đọc yêu cầu nhiệm vụ của hoạt động này trong tài liệu Hướng dẫn học ; hoạt động này yêu cầu HS hoạt động cá nhân. Câu 1 - Dựa vào độ cao của một số đỉnh núi cụ thể ở Việt Nam, hãy phân loại núi cao, núi trung bình và núi thấp ; Câu 2 - So sánh điểm giống và khác nhau giữa đồng bằng và cao nguyên ; Giải thích tại sao xếp cao nguyên vào dạng địa hình miền núi.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể hỏi GV hoặc hỏi các bạn trong nhóm những nội dung HS chưa hiểu.

Ở bài tập 2, đây là bài tập khó, GV định hướng HS dựa vào hình 8 trong tài liệu Hướng dẫn học để so sánh, tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa 2 dạng địa hình này. Ý 2 của câu hỏi được trả lời như sau : Người ta xếp cao nguyên vào dạng địa hình miền núi vì cao nguyên có độ cao tuyệt đối thường trên 500m, có sườn dốc tương đồng với các đặc điểm của địa hình miền núi.

Bước 3. HS trao đổi kết quả làm việc với các bạn và báo cáo sản phẩm làm việc với GV.

Bước 4. GV đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả làm việc của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



- Hoạt động vận dụng thường là những bài tập tình huống, đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học được để giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó của thực tiễn, đây là yêu cầu nâng cao. Để thực hiện nội dung ở hoạt động này, HS có thể trao đổi với người thân, sưu tầm tư liệu,... để hoàn thành. Thông qua hoạt động này, GV thấy được sự phân hoá giữa các HS.

- Hoạt động vận dụng thường yêu cầu HS hoàn thành ở nhà. Đối với bài này, bằng kiến thức của mình, HS viết một đoạn văn ngắn mô tả địa hình quê hương hoặc địa hình ở nơi mà em biết và ý nghĩa của các dạng địa hình đó đối với sản xuất.

- GV có nhiều cách để đánh giá hoạt động này của HS như : cho HS treo sản phẩm của mình vào góc thư viện của lớp ; HS nộp sản phẩm cho thầy/cô giáo,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG



Sưu tầm thông tin để biết thêm về một số dãy núi cao, hang động nổi tiếng hoặc đồng bằng và cao nguyên lớn trên thế giới.

Với hoạt động này HS được tự chủ lựa chọn một loại địa hình để tìm hiểu, việc tìm hiểu thêm những nội dung của một địa hình nào đó mang tính nghiên cứu, sáng tạo và có sự giúp đỡ của gia đình.

Sau khi tìm hiểu được, HS có thể chia sẻ kết quả với bạn bè để làm phong phú thêm nội dung bài học ; hoặc HS có thể báo cáo kết quả làm việc với GV để được nhận xét, đánh giá.

BÀI 16. KHÔNG KHÍ VÀ CÁC KHỐI KHÍ (2 tiết)

Chuẩn bị cho giờ học :

Giáo viên :

- Chuẩn bị khung ô chữ.

- Tranh ảnh liên quan đến không khí, hơi nước trong không khí, các tầng khí quyển, biểu đồ các thành phần của không khí,...

Học sinh :

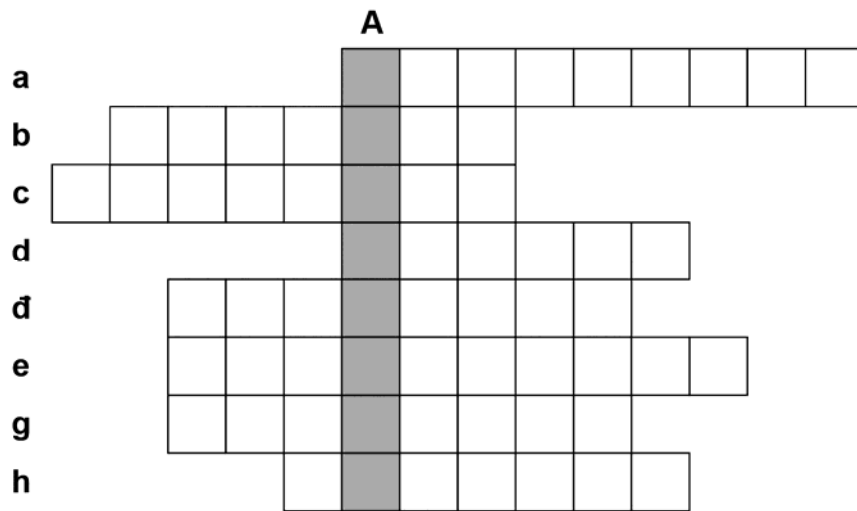
- Sách, vở, đồ dùng học tập.
- Sưu tầm thông tin về khí quyển, các khối khí (nếu có điều kiện).

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục đích : Kiểm tra những kiến thức HS đã được học ở các bài trước đây, kết nối với tên của bài mới. Đồng thời, tìm xem HS đã có những kiến thức gì liên quan đến không khí và các khối khí. Như vậy, hoạt động khởi động đã tạo ra sự mâu thuẫn giữa cái đã biết, cái muốn biết và chưa biết. Trên cơ sở đó, GV cùng với HS hình thành những nội dung kiến thức của bài mới.



Tìm từ chìa khóa ở cột A bằng cách trả lời các câu hỏi và điền từ vào ô trống theo hàng ngang. Em có những hiểu biết gì về nội dung của từ chìa khoá ?



- Đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu gọi là gì ?
- Trong hệ Mặt Trời hành tinh nào gần Mặt Trời nhất ?
- Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nước ta nằm trong vùng biển nào ?
- Núi lửa và động đất do lực nào sinh ra ?
- Dạng địa hình thấp, tương đối bằng phẳng, có độ cao tuyệt đối thường dưới 200m là gì ?
- Apatit, thạch anh, kim cương là loại khoáng sản nào ?

g. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời được gọi là chuyển động gì ?

h. Vĩ tuyến gốc được gọi là gì ?

- Trong hoạt động khởi động, tài liệu Hướng dẫn học sử dụng trò chơi ô chữ, với 8 từ hàng ngang, phối hợp để tìm ra từ chìa khoá hàng dọc : KHÔNG KHÍ, sau đó bằng hiểu biết của mình, HS viết ra những nội dung đã biết về không khí và trao đổi với các bạn trong nhóm.

Để thực hiện hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện theo các bước sau đây :

Bước 1 : GV giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước.

Bước 2 : Trên cơ sở kết quả làm việc cá nhân, HS tiến hành trao đổi nhóm, tìm từ chìa khoá và nhanh chóng có tín hiệu báo cáo kết quả với GV.

Bước 3 : Các nhóm báo cáo với GV và cả lớp kết quả làm việc.

Bước 4 : GV đánh giá, nhận xét và kết nối với bài học mới.

- Hoạt động này GV có thể đánh giá HS bằng các cách khác nhau như : quan sát HS trong thời gian làm việc cá nhân ; đánh giá sản phẩm của cá nhân HS ; đánh giá thông qua việc thảo luận với cả nhóm.

- Hoạt động khởi động trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một tình huống để HS bộc lộ những hiểu biết của mình về nội dung bài học và tạo hứng thú học tập cho HS. Tùy theo đặc điểm của từng địa phương, GV có thể điều chỉnh, sử dụng những tranh ảnh minh họa gần gũi với địa phương HS hoặc lựa chọn cách khởi động khác để đem lại hiệu quả cao hơn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

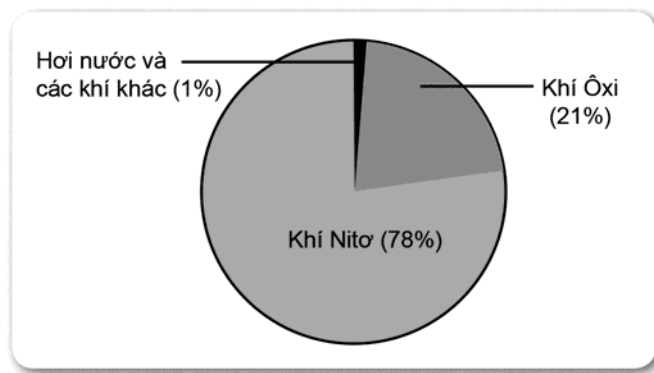
Hoạt động hình thức kiến thức gồm các hoạt động : Tìm hiểu thành phần của không khí ; Tìm hiểu cấu tạo của lớp vỏ khí ; Tìm hiểu các khối khí ; Tìm hiểu về nhiệt độ không khí ; Tìm hiểu về sự thay đổi của nhiệt độ không khí.



1. Tìm hiểu thành phần của không khí

Quan sát hình 1, đọc thông tin, hãy :

- Nêu các thành phần của không khí và tỉ lệ của mỗi thành phần.
- Nêu vai trò của hơi nước trong không khí.



Hình 1. Thành phần của không khí

Lượng hơi nước tuy hết sức nhỏ bé, nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa,...

Bước 1 : GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động cá nhân, đọc biểu đồ, phân tích các thành phần không khí và tỉ lệ của chúng, nêu ra vai trò của hơi nước trong không khí dựa vào đoạn thông tin.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ, trong quá trình thực hiện HS có thể trao đổi với các bạn trong nhóm hoặc GV khi cần trợ giúp.

Bước 3 : Nội dung của hoạt động này đã khá rõ ràng, vì vậy HS có thể trao đổi với các bạn trong nhóm để hoàn thành sản phẩm của mình, không nhất thiết phải báo cáo với GV hoặc trước lớp.

Bước 4 : GV đánh giá HS bằng quan sát quá trình HS hoạt động và sản phẩm cuối cùng.



2. Tìm hiểu cấu tạo của lớp vỏ khí (khí quyển)

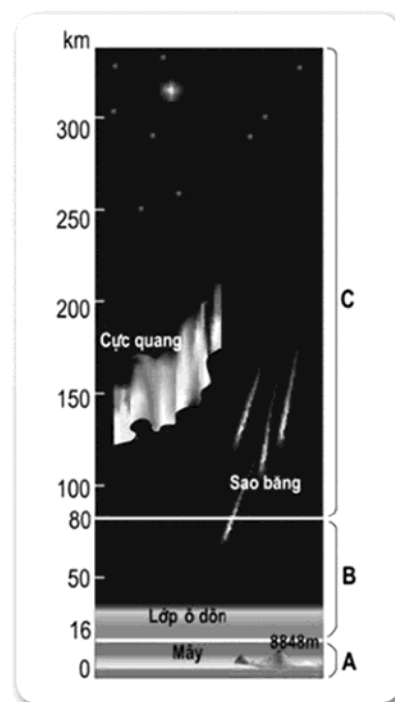
a) Đọc thông tin, trao đổi và trả lời các câu hỏi :

- Lớp vỏ khí là gì ?
- Không khí tập trung chủ yếu ở độ cao nào và thay đổi như thế nào khi lên cao ?

Lớp vỏ khí (khí quyển) là lớp không khí bao quanh Trái Đất với chiều dày lên tới trên 60.000km. Không khí càng lên cao càng loãng. Khoảng 90% không khí tập trung ở độ cao gần 16km sát mặt đất. Phần còn lại tuy dày tới hàng chục nghìn kilômét nhưng chỉ có 10% không khí.

b) Quan sát hình 2, kết hợp đọc thông tin dưới đây và chọn các ý ở cột A : (A), (B), (C) ghép với các ý ở cột B : a), b), c) sao cho phù hợp.

A	B
Tầng đối lưu (A)	a) Nằm trên tầng đối lưu có lớp ô dôn ngăn cản những tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.
Tầng bình lưu (B)	b) Nằm trên tầng bình lưu, không khí cực loãng, hầu như không có quan hệ trực tiếp với đời sống của con người.
Các tầng cao của khí quyển (C)	c) Có độ cao trung bình sát mặt đất đến 16km, chuyển động của không khí theo chiều thẳng đứng, là nơi sinh ra các hiện tượng mây, mưa, sấm chớp,... Nhiệt độ tầng này giảm dần khi lên cao. Trung bình, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ lại giảm đi 0,6°C.



Hình 2. Các tầng khí quyển

Bước 1 : GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, phân tích hình 2 để trả lời các câu hỏi và ghép các ý ở cột A với cột B sao cho phù hợp.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân trước, sau đó trao đổi nhóm, thống nhất kết quả và chuẩn bị báo cáo với GV. Để thực hiện nhiệm vụ này, HS đọc kĩ thông tin để trả lời câu hỏi ý a, phân tích hình 2, để ghép được nội dung ở ý b.

Bước 3 : Các nhóm báo cáo kết quả làm việc. Có nhiều cách để các nhóm báo cáo kết quả làm việc như : lựa chọn một số nhóm báo cáo, các nhóm còn lại so sánh với kết quả làm việc của nhóm mình, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn và cùng nhau hoàn chỉnh sản phẩm dưới sự hướng dẫn của GV và giao nhiệm vụ cho các nhóm tìm ra nội dung giống và khác nhau giữa các nhóm, chỉnh sửa sản phẩm của nhóm mình, tóm tắt và tự ghi kết quả vào vở,...

Bước 4 : GV đánh giá kết quả hoạt động của HS và chỉnh sửa những sai sót của HS nếu có. GV đánh giá HS thông qua quá trình làm việc cá nhân, sản phẩm của cá nhân, thông qua trao đổi nhóm, thông qua việc góp ý trao đổi giữa các nhóm với nhau,... Trong quá trình các nhóm làm việc, GV quan sát và giúp đỡ các nhóm còn gặp khó khăn trong việc trả lời câu hỏi thắc mắc hoặc chưa rõ của HS.



3. Tìm hiểu các khối khí

Đọc thông tin, trao đổi và hoàn thành bảng theo gợi ý sau :

Tên khối khí	Nơi hình thành	Đặc điểm
Khối khí nóng	Vĩ độ thấp	
Khối khí lạnh		
Khối khí lục địa		Tương đối khô
Khối khí đại dương		

- Khối khí nóng hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.
- Khối khí lạnh hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.
- Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn.
- Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô.

Bước 1 : GV yêu cầu HS đọc mục 3 và xác định yêu cầu cần thực hiện (hoàn thành bảng thống kê).

Bước 2 : Cá nhân HS đọc thông tin, tìm nội dung để điền vào bảng thống kê.

Bước 3 : HS so sánh, đối chiếu kết quả với các bạn bên cạnh hoặc trao đổi với GV và tự chỉnh sửa sản phẩm của mình nếu có sai sót.

Bước 4 : GV đánh giá hoạt động của HS thông qua sản phẩm.

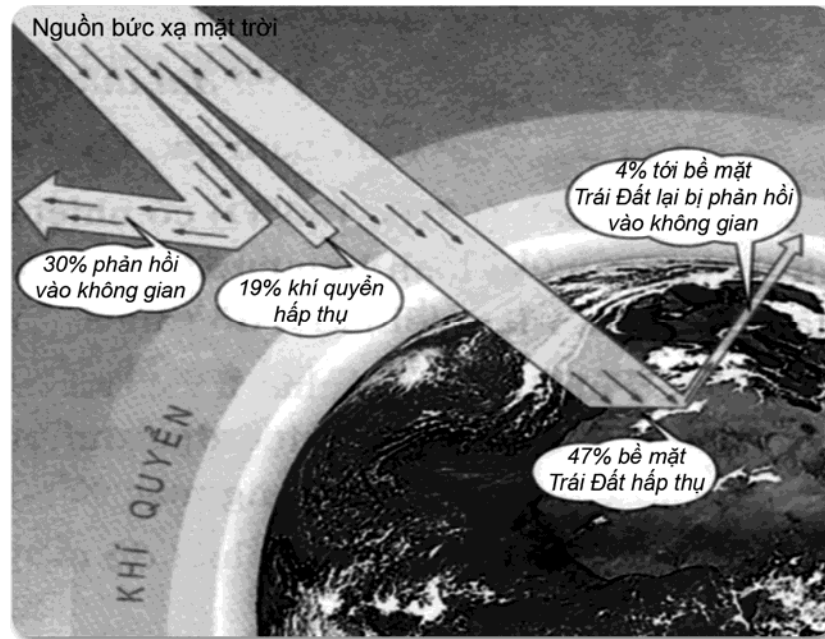


4. Tìm hiểu về nhiệt độ không khí

Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 3 và trả lời các câu hỏi sau :

- Thế nào là nhiệt độ không khí ?
- Nguồn chính cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là từ đâu ?
- Quá trình nóng lên của không khí trên Trái Đất diễn ra như thế nào ?

Mặt Trời là nguồn chính cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất. Khi các tia bức xạ mặt trời đi qua khí quyển, chúng chưa trực tiếp làm cho không khí nóng lên. Mặt đất hấp thụ lượng nhiệt của Mặt Trời, rồi bức xạ vào không khí. Lúc đó, không khí mới nóng lên. Độ nóng, lạnh đó, gọi là nhiệt độ của không khí.



Hình 3. Phân bố bức xạ mặt trời

Bước 1 : GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trang 153 (sách Hướng dẫn học), phân tích hình 3 và trả lời câu hỏi nêu trên.

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cặp đôi. HS thực hiện cá nhân, sau khi có kết quả, trao đổi, so sánh với bạn bên cạnh.

Để trả lời câu hỏi : Thế nào là nhiệt độ không khí ? Nguồn chính cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là từ đâu ? HS đọc kĩ thông tin và tìm nội dung để trả lời.

Để trả lời câu hỏi : Quá trình nóng lên của không khí trên Trái Đất diễn ra như thế nào ? HS cần phân tích hình 3. Phân bố bức xạ mặt trời, so sánh tỉ lệ phần trăm giữa bề mặt Trái Đất hấp thụ ; bề mặt Trái Đất phản hồi lại vào không gian ; khí quyển hấp thụ ; phản hồi vào không gian của tổng nguồn bức xạ.

Bước 3 : HS báo cáo kết quả làm việc với GV, GV linh hoạt trong việc yêu cầu HS báo cáo kết quả.

Bước 4 : GV đánh giá HS, thông qua quan sát HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi, thông qua sản phẩm. Có nhiều phương án đánh giá khác nhau, có thể GV lựa chọn phương án : GV cung cấp thông tin phản hồi, yêu cầu HS so sánh với sản phẩm của mình và tự sửa chữa bằng mực đỏ.



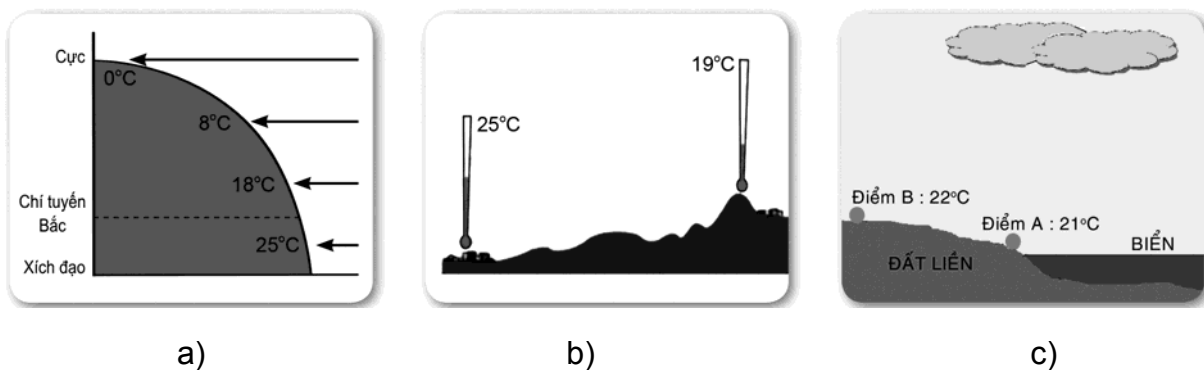
5. Tìm hiểu sự thay đổi nhiệt độ của không khí

Quan sát hình 4, đọc và lựa chọn các tiêu đề 1, 2, 3 ghép với các hình 4a, 4b, 4c, sao cho phù hợp. Hãy giải thích sự lựa chọn của em.

Tiêu đề 1. Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ cao.

Tiêu đề 2. Nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ.

Tiêu đề 3. Nhiệt độ không khí thay đổi tùy theo vị trí gần hay xa biển.



Hình 4. Sự thay đổi nhiệt độ không khí

Bước 1 : GV cho HS đọc mục 5, xác định yêu cầu và thực hiện.

Bước 2 : Cá nhân HS phân tích các hình a, b, c, tìm tiêu đề 1, 2, 3 và ghép với hình cho hợp lí. Tiêu đề 1 – hình b ; tiêu đề 2 – hình a ; tiêu đề 3 – hình c.

Bước 3 : HS so sánh kết quả với các bạn bên cạnh và báo cáo với GV.

Bước 4 : GV đánh giá kết quả của HS thông qua kết quả.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



Tính nhiệt độ trung bình ngày

Khi đo nhiệt độ không khí, người ta phải để nhiệt kế trong bóng râm và cách mặt đất 2m. Ở các trạm khí tượng, người ta thường đo nhiệt độ không khí mỗi ngày ít nhất 4 lần vào lúc 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ và 19 giờ, rồi tính nhiệt độ trung bình ngày bằng cách cộng số lần đo nhiệt độ không khí trong ngày và chia trung bình.

Dựa vào thông tin trên, hãy tính nhiệt độ trung bình ngày của Hà Nội, biết rằng : nhiệt độ đo được lúc 1 giờ là 18°C , lúc 7 giờ là 20°C , lúc 13 giờ là 24°C và lúc 19 giờ là 22°C .

Để giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được, hoạt động này yêu cầu HS đọc thông tin để biết cách tính nhiệt độ trung bình ngày.

GV có thể giải thích thêm vì sao khi tính nhiệt độ trung bình ngày người ta lại dùng nhiệt độ đo được vào các thời điểm 1h, 7h, 13h và 17h.

HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả trước lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



Hãy trao đổi với người thân để trả lời các câu hỏi sau :

1. Về mùa đông khối khí nào thường tràn xuống miền Bắc nước ta ? Khối khí đó gây nên các hiện tượng thời tiết nào ?

2. Vì sao vào mùa hè (hạ) ở nước ta nhiều người thường đi nghỉ mát ở các khu du lịch thuộc vùng núi ? Hãy kể tên các khu nghỉ mát nổi tiếng ở vùng núi nước ta.

GV cho HS xác định nhiệm vụ vận dụng kiến thức đã học được vào một vấn đề thực tiễn nào đó ; HS suy nghĩ và báo cáo tình huống với GV, GV trợ giúp để HS thực hiện.

Trường hợp HS không đưa ra được tình huống vận dụng, GV hướng dẫn HS thực hiện các nội dung theo hoạt động vận dụng trong tài liệu Hướng dẫn học.

Cả hai trường hợp nêu trên, HS trao đổi thêm với người thân, tra cứu tài liệu trên Internet, sách, báo, tạp chí,... để hoàn thành nhiệm vụ.

GV có thể yêu cầu HS nộp sản phẩm để đánh giá.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG



Trao đổi với người thân để tìm hiểu về ô nhiễm không khí ở địa phương em và biện pháp bảo vệ môi trường không khí trong lành.

Trên cơ sở nội dung của bài học, HS có thể mở rộng kiến thức thông qua việc trao đổi với người thân, sưu tầm tài liệu. Kết quả tìm tòi mở rộng, HS có thể chia sẻ với các bạn trong lớp.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Tầng đối lưu là tầng thấp nhất trong lớp vỏ khí, có độ dày trung bình 16km. Ở tầng đối lưu, không khí luôn chuyển động theo chiều thẳng đứng, đây là nơi sinh ra các hiện tượng thời tiết như mây, mưa, sấm chớp,... Nhiệt độ tầng này giảm dần khi lên cao. Trung bình, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ lại giảm đi $0,6^{\circ}\text{C}$.

Tầng bình lưu nằm từ giới hạn trên của tầng đối lưu đến độ cao khoảng 80km. Không khí trong tầng đối lưu chủ yếu chuyển động theo chiều ngang. Nhiệt độ trong tầng này tăng lên đến $+10^{\circ}\text{C}$ do Mặt Trời đốt nóng trực tiếp và có lớp ôdôn hấp thụ bức xạ mặt trời. Ôdôn là chất khí có công thức hoá học là O_3 . Lớp ôdôn trong khí quyển có tác dụng ngăn cản phần lớn các tia tử ngoại không cho xuống tới mặt đất (các tia này có thể gây bệnh ung thư da nên chúng rất nguy hiểm đối với sự sống của các sinh vật và con người). Trong những năm qua, người ta đã nhận thấy sự suy giảm của tầng ôdôn, quan sát được lỗ thủng tầng ôdôn ở Nam Cực. Nguyên nhân chủ yếu là do con người đã sử dụng quá nhiều hoá chất trong công nghiệp làm lạnh, chất tẩy rửa, chế tạo linh kiện điện tử,... Vì vậy, bảo vệ tầng ôdôn là vấn đề cấp thiết mang tính toàn cầu.

Các tầng cao khí quyển có độ cao từ 80km trở lên, không khí cực loãng, hầu như không có tác động trực tiếp tới đời sống của con người.

Phụ lục 2

Các khối khí là các bộ phận không khí bao phủ những khu vực rộng lớn hàng nghìn km^2 . Do tiếp xúc với các bộ phận khác nhau của bề mặt Trái Đất (lục địa hoặc đại dương) nên không khí ở đáy tầng đối lưu chịu ảnh hưởng của mặt tiếp xúc mà hình thành các khối khí có đặc tính khác nhau về nhiệt độ, độ ẩm. Căn cứ vào nhiệt độ người ta chia ra : khối khí nóng, khối khí lạnh. Căn cứ vào bề mặt tiếp xúc bên dưới là đại dương hay đất liền, người ta chia ra : khối khí đại dương, khối khí lục địa. Việc đặt tên cho các khối khí thường căn cứ vào nơi chúng được hình thành : khối khí áp cao Xibia, khối khí xích đạo.

Các khối khí luôn di chuyển và làm thay đổi thời tiết của những nơi chúng đi qua. Đồng thời, chúng cũng chịu ảnh hưởng của mặt đệm ở những nơi ấy mà thay đổi tính chất (biến tính).

Phụ lục 3

Mặt Trời là nguồn chính cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất. Khi các tia bức xạ mặt trời đi qua khí quyển, không khí không trực tiếp hấp thụ vì các sóng của tia ánh sáng mặt trời là các sóng ngắn. Vì vậy, bức xạ mặt trời khi đi qua khí quyển chỉ giảm một phần nhỏ năng lượng nhiệt. Bức xạ của Mặt Trời chủ yếu bị mặt đất hấp thụ. Mặt

đất hấp thụ lượng nhiệt của Mặt Trời sau khi nóng lên mới bức xạ lại vào không khí. Lúc đó không khí mới hấp thụ và nóng lên. Do đó, không khí bao giờ cũng nóng chậm hơn so với mặt đất. Lúc 12 giờ trưa là lúc bức xạ của Mặt Trời mạnh nhất, lúc đó mặt đất cũng nóng nhất, nhưng không khí chưa phải lúc nóng nhất. Không khí nóng nhất vào lúc 13 giờ, chậm hơn mặt đất khoảng 1 giờ.

Phụ lục 4

Ở Xích đạo, quanh năm có góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên mặt đất nhận được nhiều nhiệt, không khí trên mặt đất cũng nóng hơn. Càng lên gần cực, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí trên mặt đất cũng nóng ít hơn. Như vậy, không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao.

Khi Mặt Trời chiếu sáng, lớp không khí dày đặc ở sát mặt đất nở ra, bốc lên cao, không khí loãng. Mặt khác, lớp không khí ở dưới thấp chứa nhiều bụi và hơi nước nên hấp thụ được nhiều nhiệt hơn lớp không khí loãng ở trên cao. Chính vì thế, càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm. Cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm $0,6^{\circ}\text{C}$.

Do đặc tính hấp thụ nhiệt của đất và nước khác nhau, dẫn đến sự khác biệt về nhiệt độ giữa đất và nước, làm cho nhiệt độ không khí ở những miền nằm gần biển và những miền nằm sâu trong lục địa cũng khác nhau, dẫn đến sự thay đổi nhiệt độ không khí tùy theo vị trí gần hay xa biển.

Phụ lục 5

Nhiệt độ không khí luôn thay đổi từng giờ, từng ngày, từng tháng trong năm, vì vậy để nghiên cứu nhiệt độ không khí của một địa phương, người ta phải tính nhiệt độ trung bình ngày, nhiệt độ trung bình tháng và nhiệt độ trung bình năm. Để tính nhiệt độ trung bình ngày, người ta tiến hành đo 4 lần trong ngày, cộng lại rồi lấy trung bình. Để có nhiệt độ trung bình tháng, người ta phải cộng nhiệt độ trung bình của tất cả các ngày trong tháng rồi lấy trung bình. Để có nhiệt độ trung bình năm, người ta cộng nhiệt độ trung bình của tất cả các tháng trong năm rồi lấy trung bình.

Khi đo nhiệt độ không khí người ta phải để nhiệt kế trong bóng râm (trong Lều khí tượng), cách mặt đất 2m. Lều khí tượng làm bằng gỗ được màu sơn trắng, mỗi năm sơn lại 1 lần. Lều đặt trong vườn khí tượng tại vị trí quy định. Lều khí tượng có tác dụng loại trừ ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, không bị ảnh hưởng của nhiệt độ mặt đất và phát xạ của các vật thể xung quanh ảnh hưởng tới các chỉ số của các máy trong lều và có tác dụng bảo vệ máy khỏi bị mưa gió trực tiếp.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời nói đầu</i>	3
Phần một	4
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	
A. Vị trí, đặc điểm của môn Khoa học xã hội cấp Trung học cơ sở	4
I. Phân môn Lịch sử	5
II. Phân môn Địa lí	9
B. Cấu trúc chương trình và tài liệu Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6	12
I. Cấu trúc chương trình	12
II. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học Khoa học xã hội 6	19
C. Tổ chức dạy học theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở	21
I. Chuẩn bị của giáo viên	21
II. Các hình thức tổ chức hoạt động học	23
III. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học	25
IV. Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mô hình Trường học mới cấp Trung học cơ sở	37
Phần hai	
GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CÁC BÀI HỌC VÀ BÀI MINH HOẠ	58
Bài học liên môn	58
Bài học Lịch sử	64
Bài học Địa lí	124